HOÀNG ĐÌNH HỒNG - TRỊNH QUỐC NGHĨA

Tượng Kỳ Tàn Cuộc Quyết Thắng

NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO

Sách Cờ Tướng.com

HOÀNG ĐÌNH HỒNG - TRỊNH QUỐC NGHĨA

TƯỢNG KỲ
TÀN CUỘC QUYẾT THẮNG

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Sách Cờ Tướng .Com

LỜI GIỚI THIỆU

Với sự phát triển mạnh mẽ và rộng rãi của môn Cờ tướng, tính tranh đua tại các giải trong nước cũng như quốc tế ngày càng quyết liệt... Cũng từ đó, người hâm mộ đã quan tâm hơn về rèn luyện để nâng cao trình độ, trong đó quan trọng là tài liệu chuyên môn.

Từ những nhu cầu thiết thực trên, chúng tôi biên soạn quyển: ***"Tượng kỳ tàn cuộc quyết thắng"****.*

Tượng kỳ tàn cuộc quyết thắng *chủ yếu đề cập đến phương cách cứu vãn những thế cờ tướng chừng đã thua mười mươi. Những tình thế cực kỳ nan giải của một bên đã được hóa giải một cách tài tình, đầy sáng tạo, khôn ngoan bằng phần lớn là những đòn thí quân can đảm sau những tính toán thầm lặng sâu xa, đảm bảo cho ván cờ không bị đối phương đánh bại.*

Trong quyển sách này có những thế cờ trở nên nổi tiếng như: "Bạch Mã ngọa long"; "Điệu hổ ly sơn"; "Đơn Mã kinh công"... bởi nó mở ra cho người giải vô số các biến hóa, cho đến nay vẫn còn tranh luận.

Giải được các thế cờ trong sách này, trình độ tư duy cờ của các bạn sẽ được nâng lên rất nhiều.

Với cách trình bày sách theo kiểu mới nhất, hình ảnh minh họa rõ ràng, các quân cờ được thể hiện trực tiếp rất dễ đọc và dễ hiểu... các bạn sẽ có trong tay một tài liệu thực sự bổ ích. Chúc các bạn thành công.

Tác giả

Sách Cờ Tướng .Com

✡ CÁCH GHI CHÉP CỜ TƯỚNG

Để giúp các bạn biết chơi cờ nhưng chưa biết cách đọc các nước đi của cờ tướng trên sách báo chúng tôi xin nhắc lại cách ghi chép nước đi trong cờ tướng.

Bàn cờ tướng có hình chữ nhật, có 9 đường dọc và 10 đường ngang giao cắt nhau, tạo thành 90 giao điểm. Giữa bàn cờ thường có một hàng ngang trống (không có đường kẻ đứng) dùng làm ranh giới phân chia hai bên và được gọi là sông (hoặc "hà"). Đây là ranh giới chia hai bên thành hai trận địa đối nghịch nhau, một bên của quân đỏ, một bên của quân xanh.

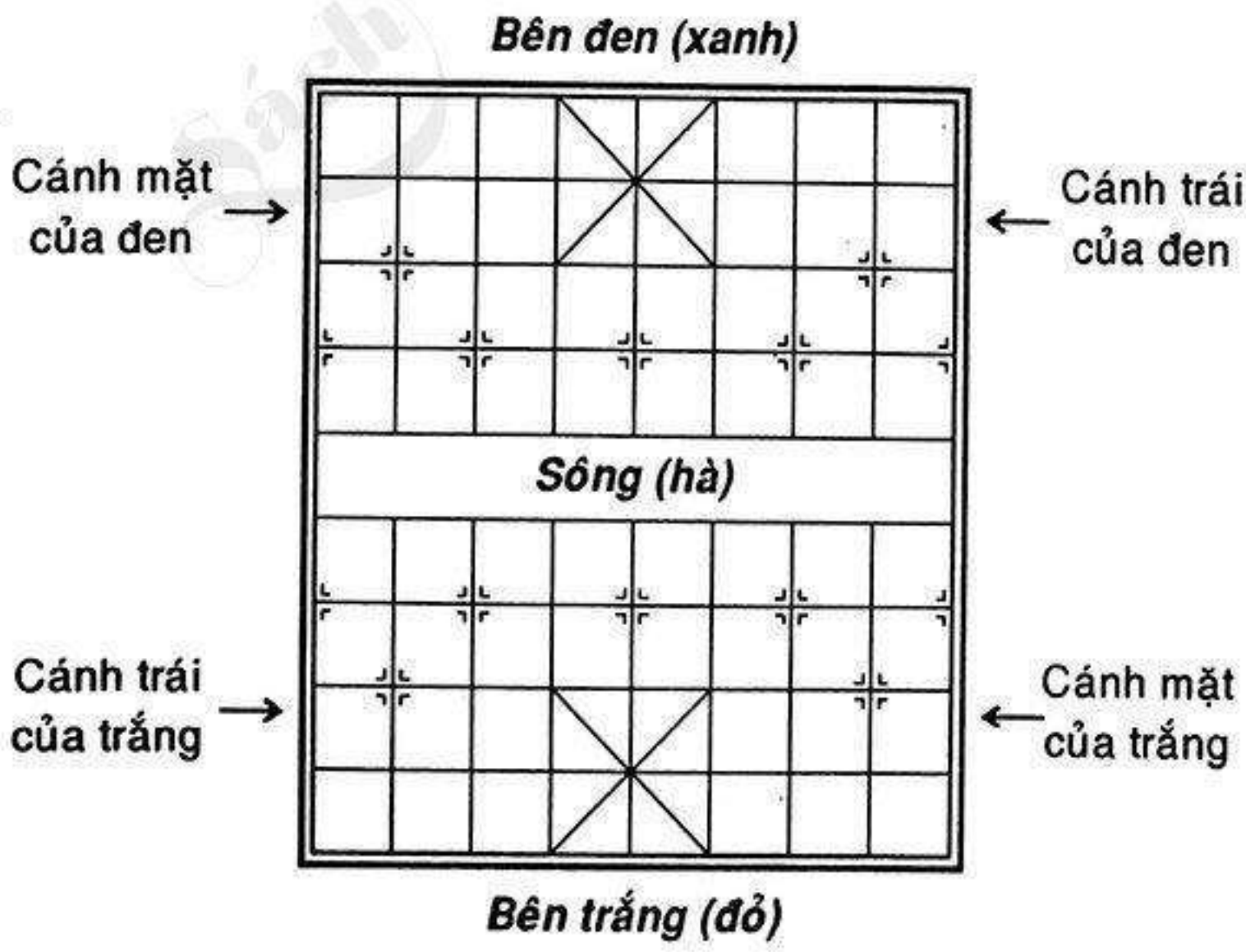

Sách Cờ Tướng.Com

Mỗi bên có 9 giao điểm nằm trên bốn ô vuông phân biệt với các ô khác bằng các đường kẻ chéo gọi là "cung tướng".

(Hiện nay theo Luật cờ của Liên đoàn cờ Việt Nam, dù màu sắc quân cờ như thế nào cũng phải qui về hai màu: trắng và đen. Hình bàn cờ in trong sách, báo được qui ước phía dưới thuộc bên trắng, phía trên thuộc bên đen).

CÁCH GỌI TÊN CÁC VỊ TRÍ

Để chỉ rõ vị trí tọa độ trên bàn cờ cũng như để ghi được sự di chuyển của các quân người ta qui ước đặt tên các đường dọc và các đường ngang như hình vẽ.

Chín đường dọc được đánh số từ 1 đến 9 và khởi đầu từ bên phải sang bên trái của mỗi kỳ thủ. Như vậy cùng một đường dọc, kỳ thủ này gọi là lộ 1 thì kỳ thủ kia gọi là lộ 9, kỳ thủ này gọi là lộ 2 thì kỳ thủ kia gọi là lộ 8. Cứ như thế ta thấy tương ứng các lộ 3, 4 với 7, 6. Chỉ có lộ 5 (còn gọi là trung lộ) là giống nhau.

Còn 10 đường ngang thì mỗi bên lại lấy đường ngang dưới cùng của mình làm chuẩn để gọi tên: tuyến đáy, tuyến áp đáy, hàng tuyến Pháo, hàng tuyến Tốt, tuyến hà (gọi tắt là hà). Tuy nhiên các tên này ít khi được dùng, trừ một số nhà nghiên cứu, bình luận cờ.

Tên các đường dọc được sử dụng thường xuyên, vì các quân cờ đứng trên đường dọc nào thì mang tên đường dọc đó cho dễ nhận và dễ phân biệt.

Sách Cờ Tướng .Com

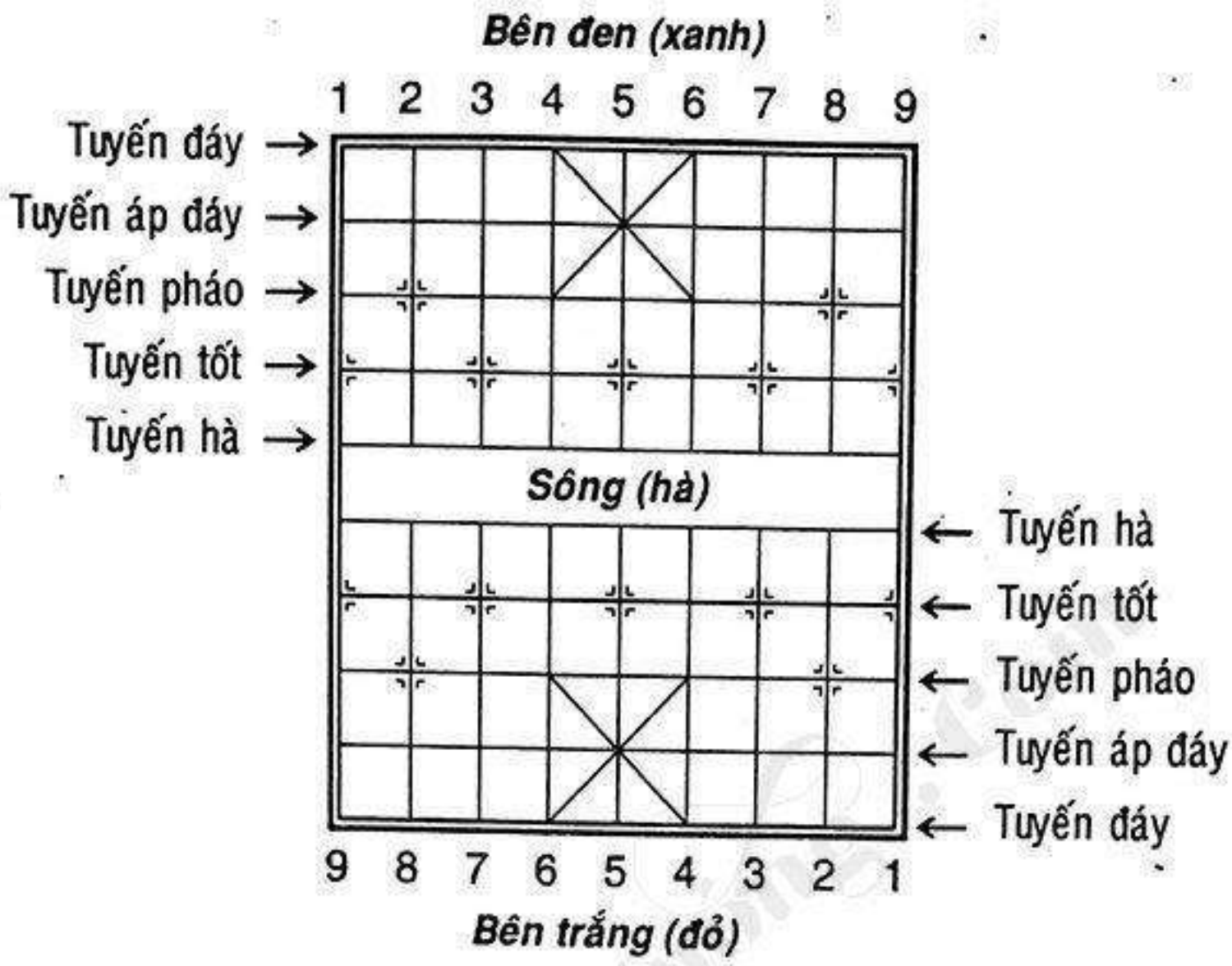

✡ KÝ HIỆU:

A– Về quân cờ: được ghi tắt như sau:

– Tướng: 帥 將 (còn gọi là suý/soái)

– Sĩ: 仕 士

– Tượng: 相 象 (còn gọi là Bồ)

– Xe: 車 車 (gọi là Xa thì đúng hơn)

– Pháo: 炮 炮

– Mã: 馬 馬 (gọi Ngựa cũng đúng)

– Chốt: 兵 卒 (Tốt hoặc Binh)

B– Chữ viết tắt: (chỉ dùng khi có 2 hoặc 3 quân nằm chung 1 lộ)

Sách Cờ Tướng .Com

– Trước: t

– Sau: s

– Giữa: g

C– Về hướng di chuyển quân:

– Tiến: . (dấu chấm)

– Bình (đi ngang): – (dấu gạch ngang)

– Thoái (lùi): / (dấu gạch xéo)

D– Mỗi nước đi được ghi theo thứ tự:

– Số thứ tự nước đi

– Tên quân cờ

– Vị trí và sự dịch chuyển quân cờ

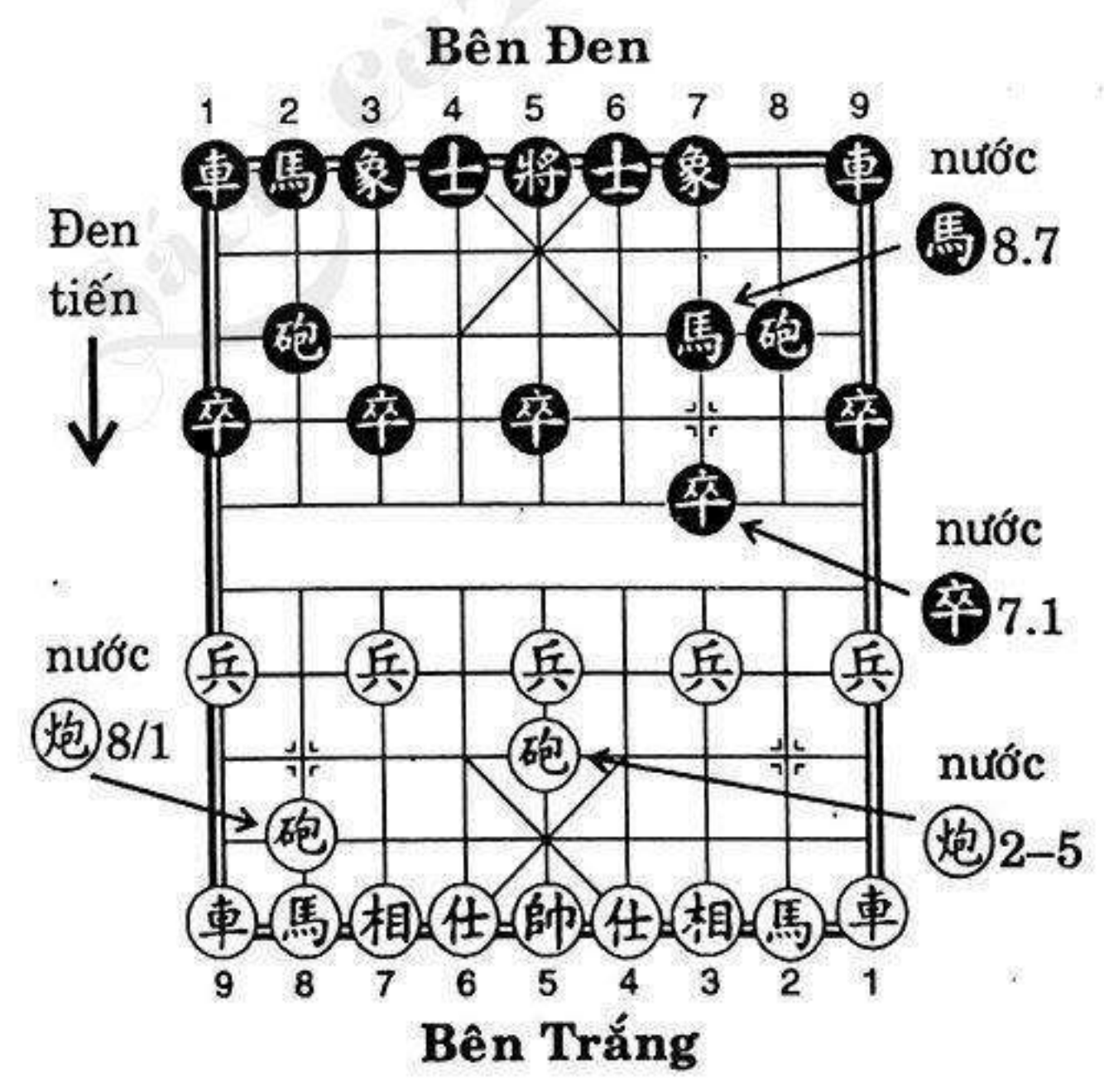

Sách Cờ Tướng .Com

Ví dụ: Nước đầu, Trắng đi Pháo 2 bình 5 (vào Pháo đầu), bên đen Mã 8 tiến 7 thì ghi:

1. 炮2–5 馬8.7

Nước thứ 2: 炮8/1 卒7.1

Trắng đưa Pháo ở cột 8 lùi 1 bước (đếm 1 ô về phía mình), Đen đưa Tốt cột 7 lên một bước (đếm 1 ô về phía đối phương).

*** Trường hợp 2:** Pháo (Mã, Xe) nằm trên một đường thì ghi 炮t là Pháo trước, 炮s là Pháo sau.

Nếu có 3 Tốt nằm trên cùng một cột thì ký hiệu 卒t là Tốt trước, 卒g là Tốt giữa, 卒s là Tốt sau.

E– Về nhận định, đánh giá:

– Nước đi hay: !

– Nước đi rất hay: !!

– Nước đi dở: ?

– Nước đi rất sai lầm: ??

– Nước đi hay nhưng còn phải xem lại: !?

– Nước đi tưởng dở nhưng không hẳn là dở: ?!

– Bên Tiên thắng: **1–0**

– Bên Hậu thắng: **0–1**

– Hoà: **1/2–1/2**

– Bên Tiên ưu thế: **+–**

– Bên Hậu ưu thế: **–+**

Sách Cờ Tướng.Com

THẤT TẤN THẤT XUẤT

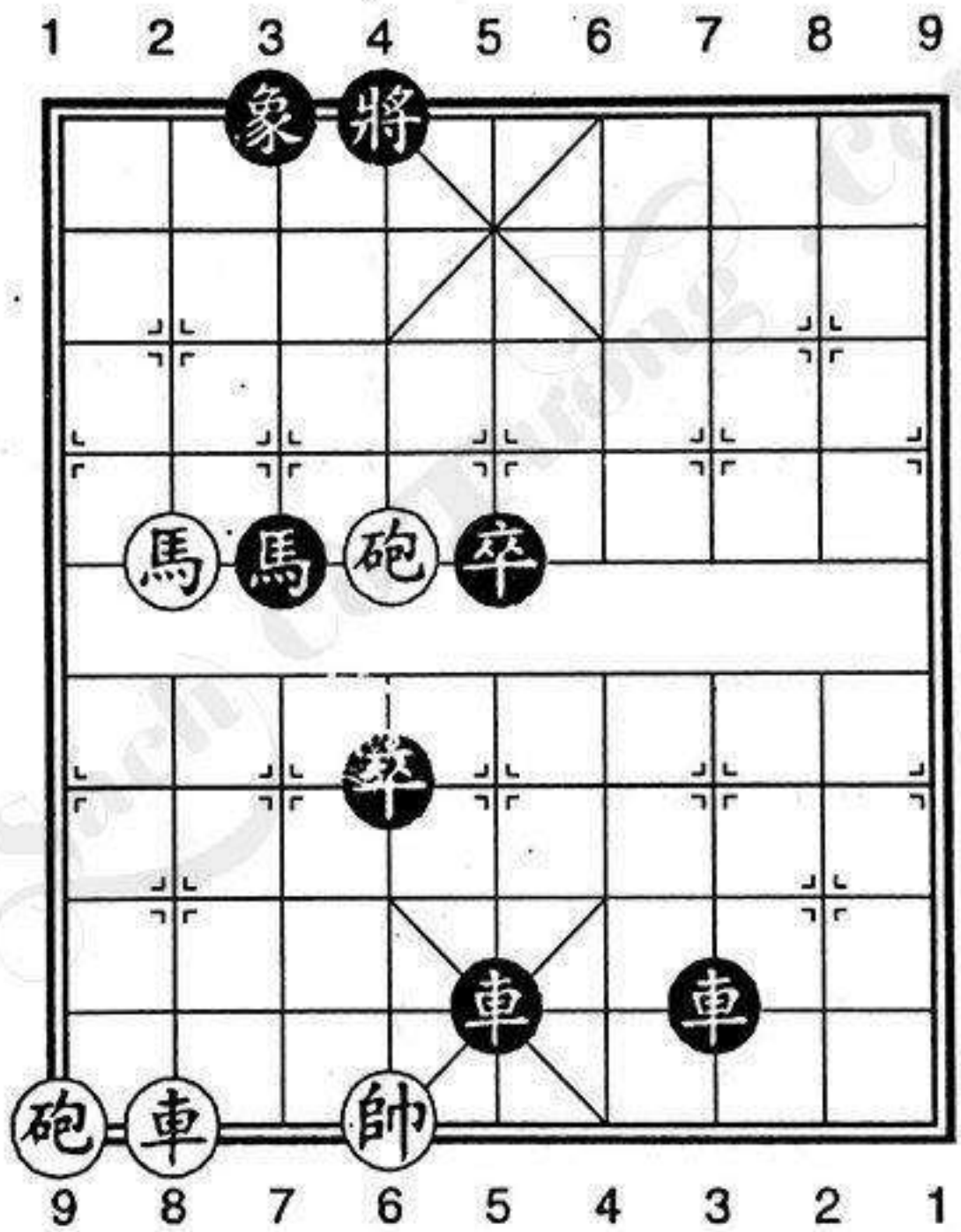

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 馬8.7	將4.1.
2. 車8.8	將4.1.
3. 炮9.7	馬3/2.

Sách Cờ Tướng .Com

4. Ⓜ7.6	●2.3.
5. Ⓜ6/4	●4–5.
6. Ⓟ6.2	●3/2.
7. Ⓟ6/3	●2.3.

Nếu Đen:

a) ●2.2, Ⓜ4/6, ●4/2, Ⓜ6.7, sau đó ●8/1: Trắng thắng.

b) ●2/4, Ⓜ4/6, ●5/1, Ⓒ8–6, ●5/1, Ⓒ6–4, Trắng cũng thắng.

8. Ⓜ4.6	●5–4.
9. Ⓜ6/7	●3/2.
10. Ⓜ7/6	●2.4.
11. Ⓜ6.4	●4–5.
12. Ⓜ8.6	●4/2.
13. Ⓜ6.7	●2.3.
14. Ⓒ8/1	●3/4.
15. Ⓒ8–6.	

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

BẠCH MÃ NGỌA LONG

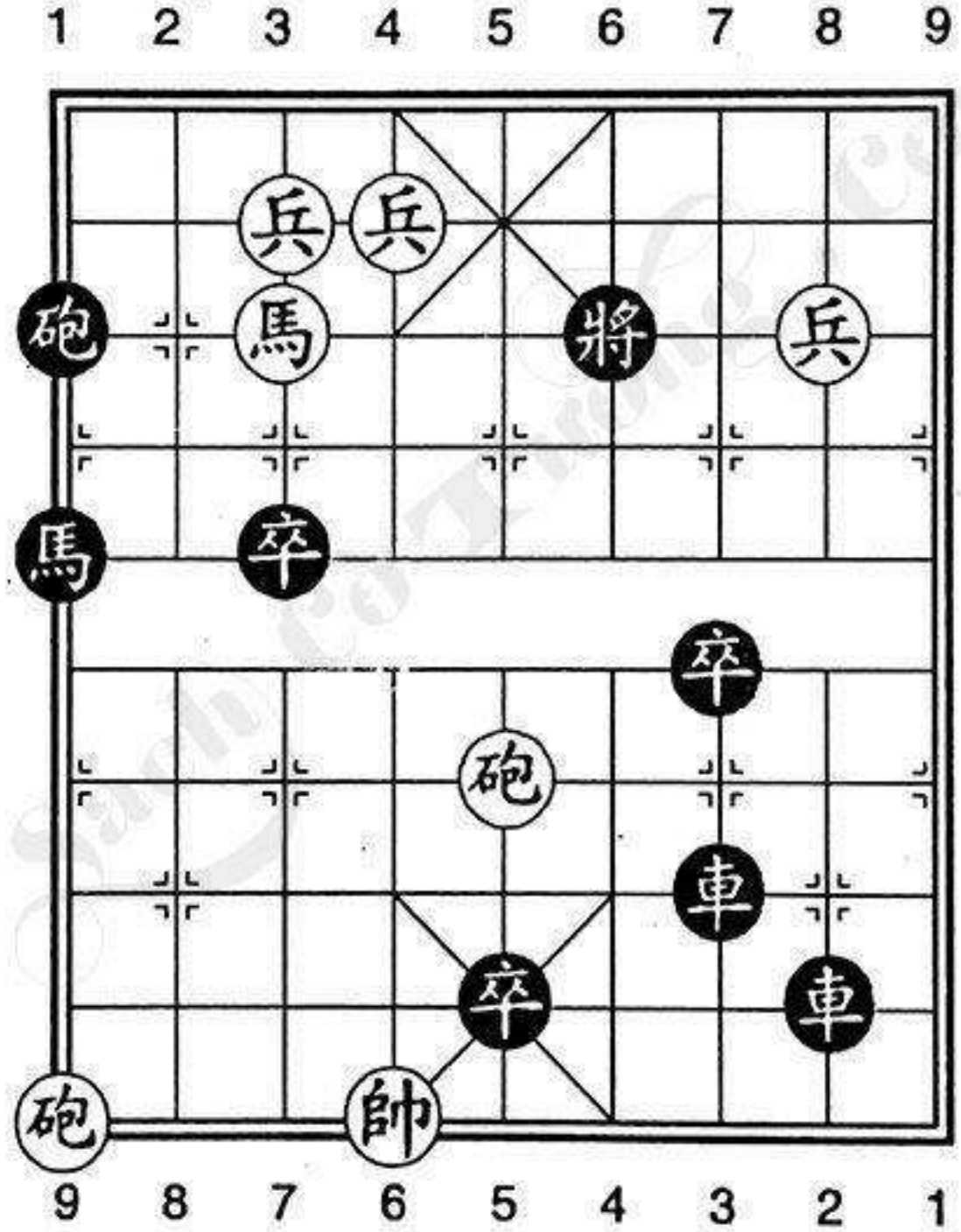

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 兵2–3 將6/1.

2. 兵3.1 將6/1.

Sách Cờ Tướng .Com

Nếu Đen 將6.1 thì 炮9.7, 馬1/2, 馬7/5, 馬2.4, (馬2.1, 馬5/3, 將6–5, 馬3/5, 將5–6, 馬5.6, 將6–5, 馬6.8, Trắng thắng). 馬5/3, 將6–5, 馬3/5, 將5–4, 馬5.7, 將4–5, 馬7.8; Trắng thắng.

3. 兵3.1 將6.1.

4. 兵6–5 將6.1.

5. 炮9.7 馬1/2.

6. 馬7/5 馬2.4.

Nếu Đen 馬2.1 thì 馬5/3, 將6–5, 馬3/5, 將5–6, 馬5.6, 將6–5, 馬6/4, 將5/1, 兵7–6, 將5–6, 炮5–4, 卒7–6, 馬4.6, 卒6.1, 兵6–5: Trắng thắng.

7. 馬5/3 將6–5.

8. 馬3/5 將5–4.

Nếu Đen 將5–6 thì 馬5.6, 將6–5, 馬6/5, 將5–6, 馬5.3, 將6–5, 馬3.5, 將5–6, 馬5.7: Trắng thắng.

9. 馬5.7 將4–5.

10. 馬7.8 將5/1.

11. 馬8/6 將5.1.

12. 馬6/4 將5–6.

13. 炮5–4 卒7/6.

14. 馬4.6 將6–5.

15. 馬6.8 將5/1.

Sách Cờ Tướng.Com

16. 兵7–6 將5/1.

17. 兵3–4.

Trắng thắng.

TẦM U THÂM VỊ

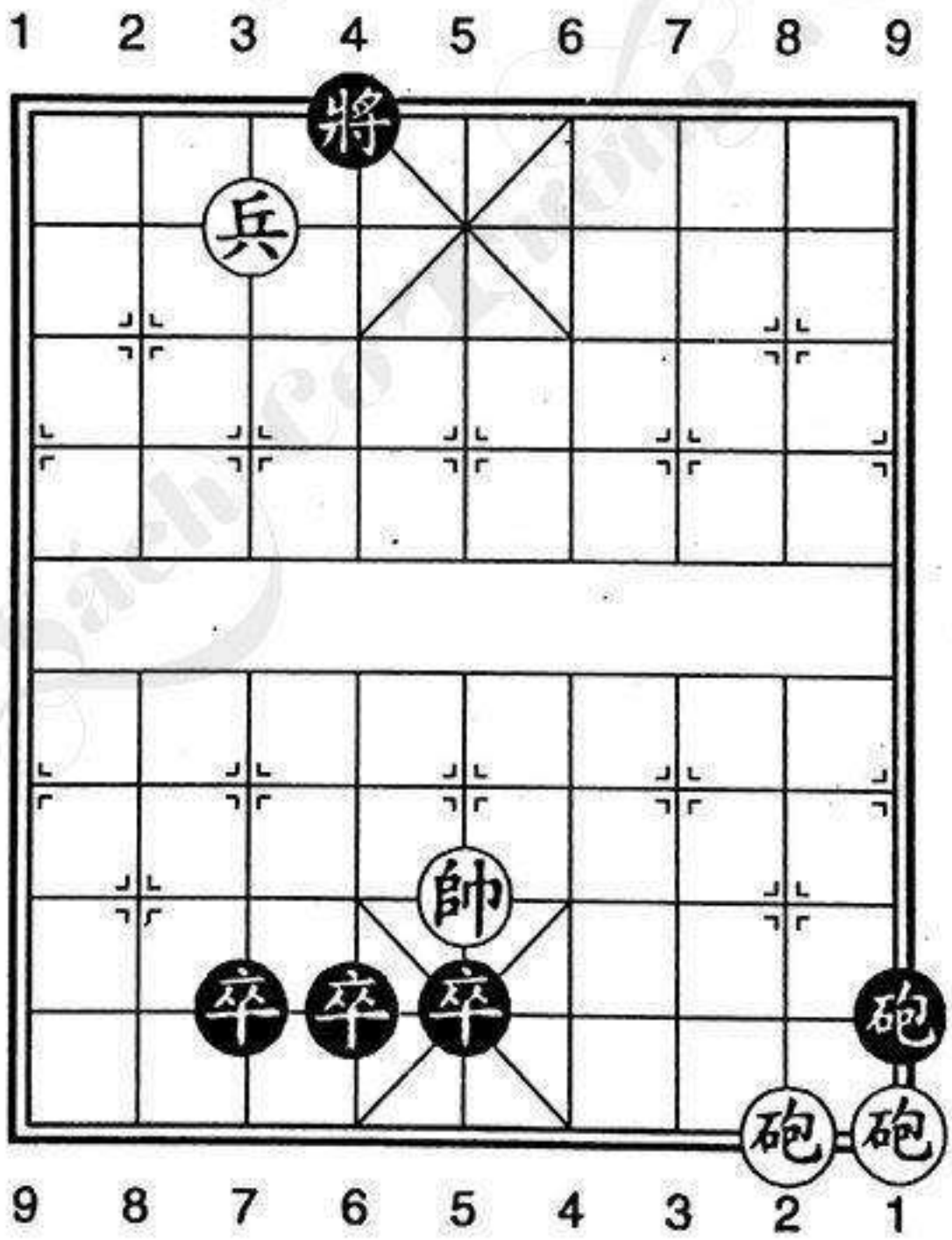

Phá giải: **Trắng đi trước – Thắng.**

1. 帥5–4

SachCoTuong.Com

Nếu Trắng đổi lại 炮2.9, thì Đen 卒5–6, 炮1–3, 炮9–7, 炮2/8, 卒4–5, 炮3–1, 炮7.1: Trắng có 2 cách đi đều không thể giành thắng lợi được: a) – 炮2–5, 炮7–5, 帥5–4, 卒6–5, 炮1.1, 卒3–4: Hòa cuộc. b) – 炮1.9, 炮7–5, 帥5–4, 將4–5, 炮2–5, 卒6–5, 炮1/8, 卒3–4, 兵7–6: vẫn hòa cuộc.

1. ..... 炮9–8

Nếu Đen 卒3.1, thì 炮2.9, 卒3–4, 炮1–3, 炮9–7, 炮2/8, 炮7/1, 炮3.1: Trắng hoán đổi vị trí Pháo lấn át dần sẽ thắng.

2. 炮1.9 卒3–2.

3. 炮1–2 卒2–3.

4. 炮s–3 炮8–7.

5. 炮2/8 炮7/1.

6. 炮3.1 炮7–8.

7. 炮3.8 卒3–2.

8. 炮3–2 卒2–3.

9. 炮s–3 炮8–2.

10. 炮2/7 炮7/1.

11. 炮3.1 炮7–8.

12. 炮3.7 卒3–2.

13. 炮3–2 卒2–3.

14. 炮s–3 炮8–7.

Sách Cờ Tướng.Com

15. 炮2/6 炮7/1.

16. 炮3.1 炮7–8.

17. 炮3.6.

Trắng cứ tiếp tục lấn át theo phương án trên đến khi 2 Pháo xâm nhập tuyến đáy, Pháo sau không còn truy cản được nữa, Trắng thắng.

HÒA BÌNH CỘNG XỬ

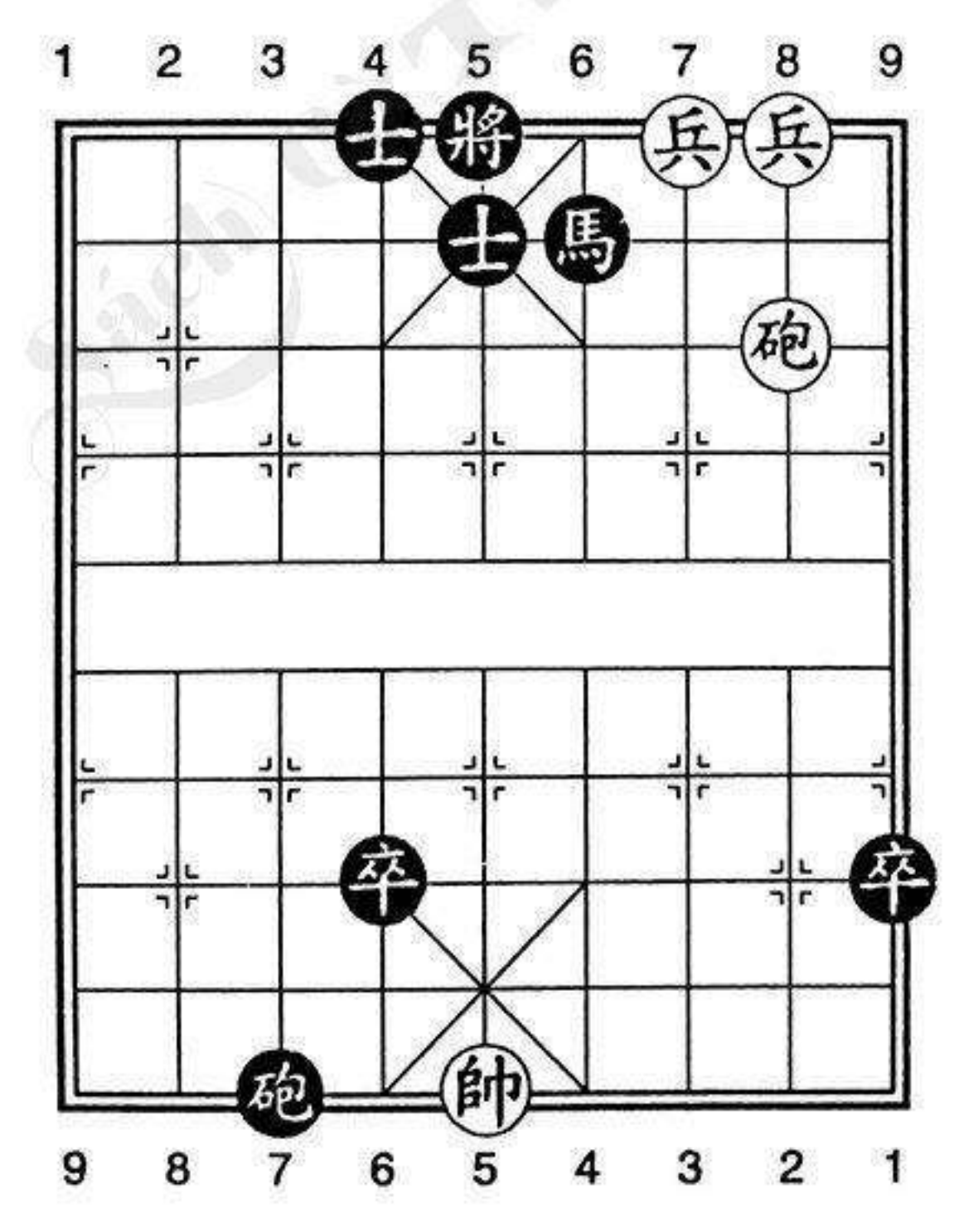

Sách Cờ Tướng .Com

Phá giải: Trắng đi trước – Hòa.

1. 炮2–7.

Nếu Trắng sai lầm đi 兵3–4, thì 將5–6, 兵2–3, 將6–5, 炮2–7, 卒4–3, 炮7–4, 馬6.8, 炮4–8, 卒3–4, 炮8–7, 卒4–3, 炮7/7, 馬8/7, 炮7–9, 將5–6, 炮9.9, 將6.1, 炮9–3, 卒3–4: Đen thắng.

1.	卒4–3.
2. 炮7–4	馬6/8.
3. 炮4–8	卒3–4.
4. 炮8–7	卒4–3.
5. 炮7/7	馬8.6.
6. 炮7–9	馬6/4.
7. 炮9.9	馬4/3.
8. 兵2–1	卒3–4.
9. 帥5.1	卒9–8.
10. 炮9/5	馬3.4.
11. 炮9–2	卒4.1.

Nếu Đen sai lầm đi 馬4.5, thì 炮2–5, 卒8–7, 將5–4: Đen vô phương chống đỡ, Trắng thắng.

12. 帥5.1	馬4.5.
13. 炮2–5	卒8–7
14. 兵1–2	卒4–3.

Hòa cuộc.

Sách Cờ Tướng.Com

KIM CHUNG TRÁO

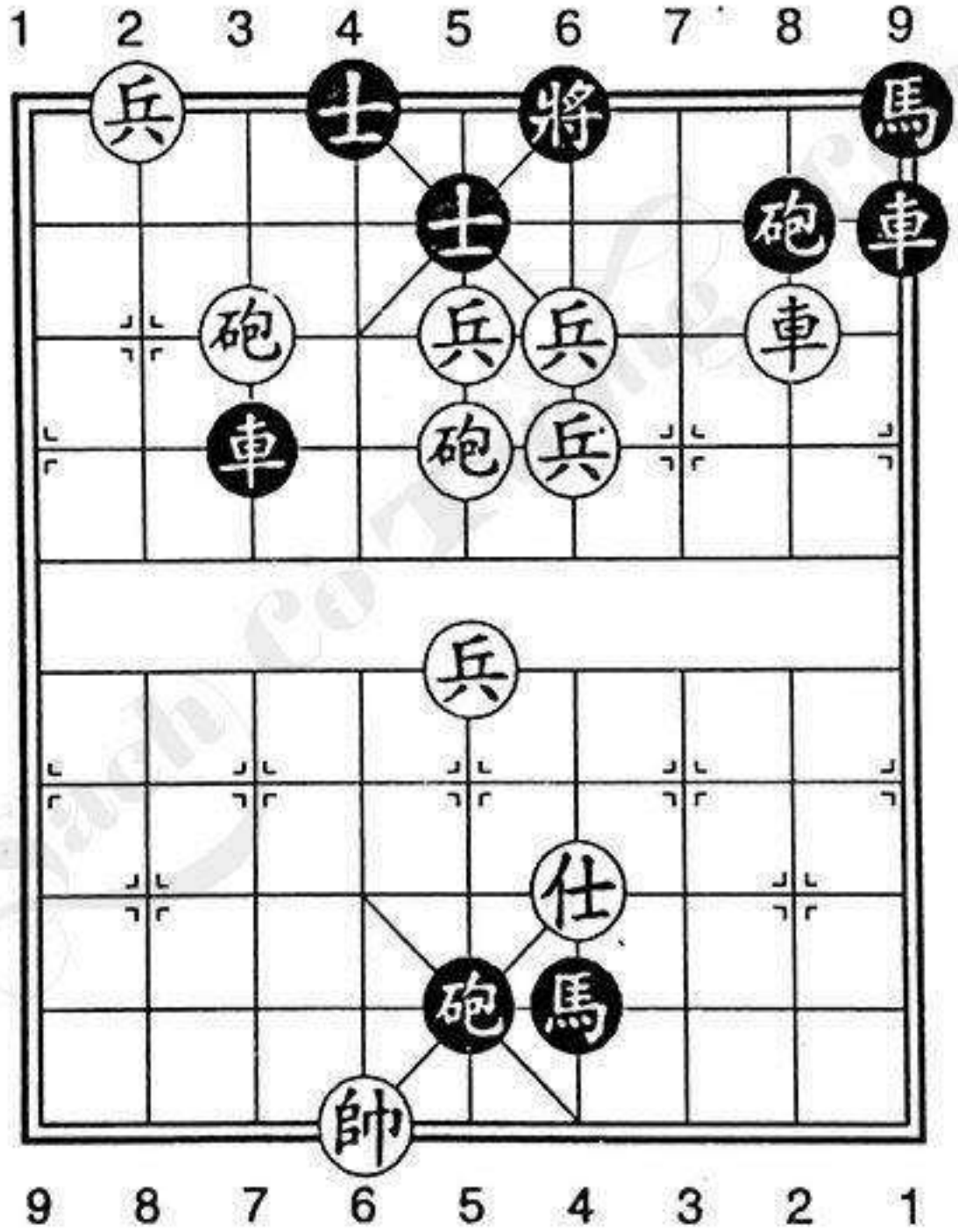

Phá giải: Trắng đi trước – Hòa.

1. 炮7.2	車3/3.
2. 兵t.1	將6.1.
3. 兵4.1	將6/1.

Sách Cờ Tướng.com

4. 兵4.1	將6.1.
5. 車2–4	士5.6.
6. 炮5–4	士6/5.
7. 炮4/5	士5.6.
8. 仕4/5	士6/5.
9. 仕5.4	士5.6.
10. 兵t–4	將6/1.
11. 兵4.1	將6–5.
12. 炮4–5	士4.5.
13. 兵4–5	將5–6.
14. 炮5–4	炮8–6.
15. 兵t–4	車9–6.
16. 兵8–7	馬9.8.
17. 兵7–6	馬8.7.
18. 兵5.1	馬7.8.
19. 兵5.1	車6.4.
20. 兵5.1	將6.1.
21. 帥6–5	馬8.6.

Hòa cuộc.

SáchCờTướng.Com

KHÍ MÃ SÁT BÍ

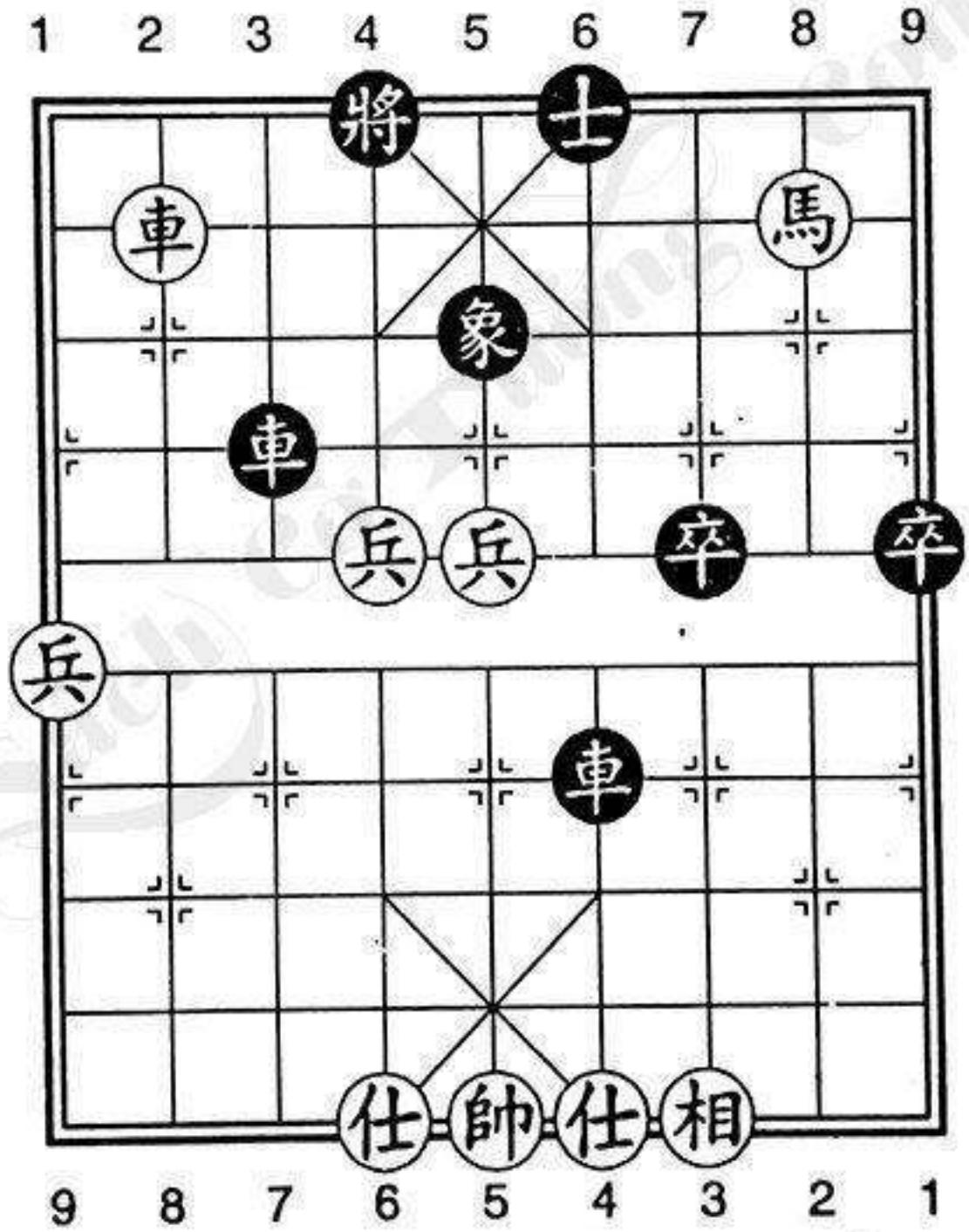

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 馬2.4 車6/6.

2. 兵6.1 車3/3.

Sách Cờ Tướng.Com

Nếu Đen 車3.1, 兵6.1, 車3–5, 仕6.5, 象5/3, 兵6.1, 將4–5, 車8–7, 象3.1, 車7–8, 車5–3, 兵6–5, 將5–4, 車8–6: Trắng thắng.

3. 兵6.1	車6.6.
4. 車8–5	車6–4.
5. 車5–4	車4/4.
6. 車4.1	將4.1.
7. 車4–7.	

Trắng lúc này còn Xe, 2 Tốt trong lúc bên Đen khuyết 1 Sĩ, 1 Tượng, 2 Tốt chưa qua hà không có khả năng phản kích tranh tiên.

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

ĐỔI SĨ CHỜ ĐỢI

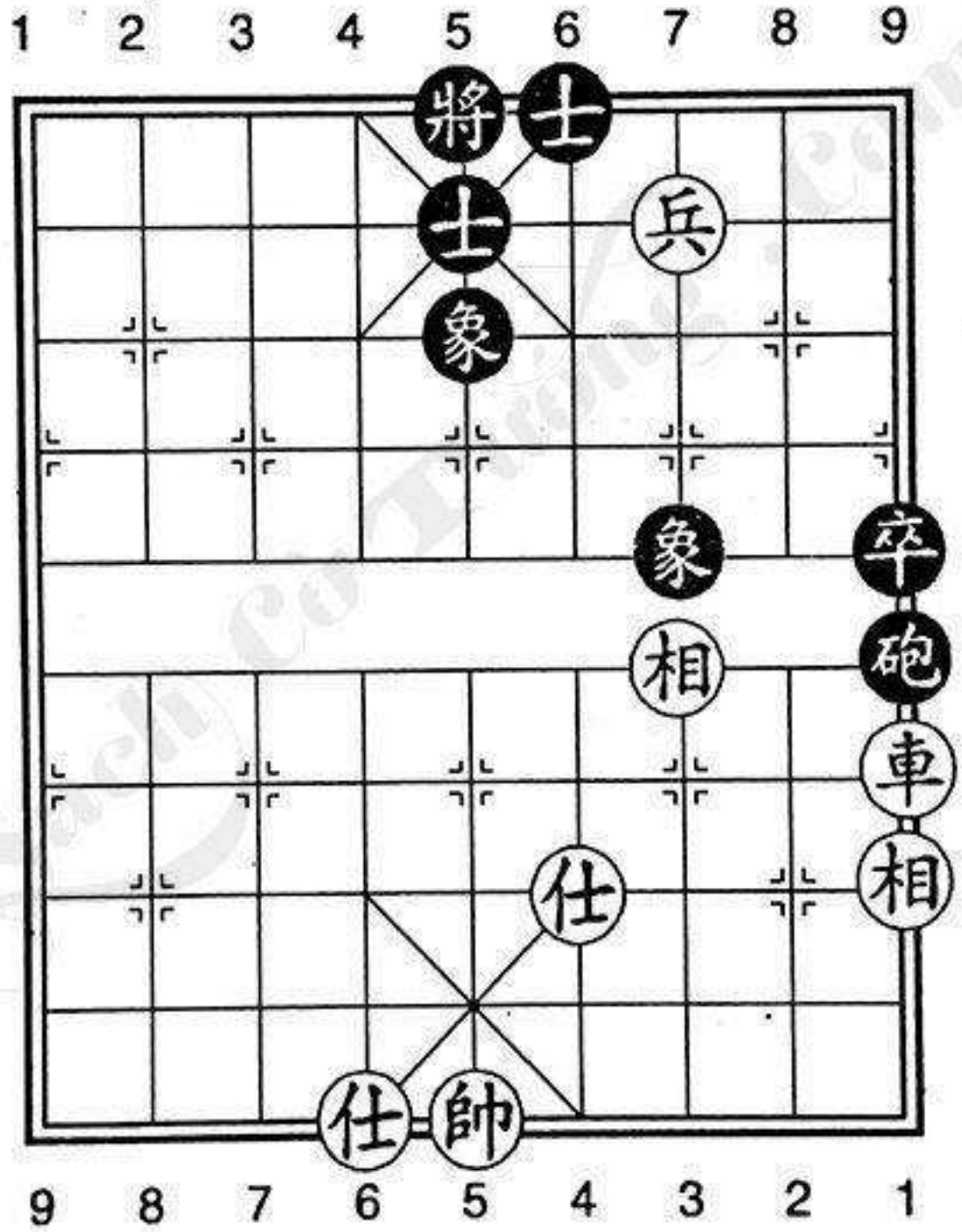

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 車1–2	象5/3.
2. 兵3–4	象7/5.
3. 仕4/5	象3.1.

Sách Cờ Tướng .Com

4. 仕5/4	象1/3.
5. 帥5.1	象3.1.
6. 帥5–4	將5–4.
7. 車2–6	將4–5.
8. 車6–9	象1/3.
9. 車9–4	炮9–8.
10. 兵4.1	士5/6.
11. 車4.6	將5.1.
12. 帥4–5	象3.1.
13. 車4/2	象1.3.
14. 車4/2	象3/1.
15. 車4–5	象1/3.
16. 車5–2	炮8–9.
17. 車2.3	將5/1.
18. 車2.1	將5.1.
19. 車2–7.	

Trắng thắng.

SáchCờTướng.com

MÃ SONG ĐÊ TỐT XẢO THẮNG PHÁO ĐƠN SĨ

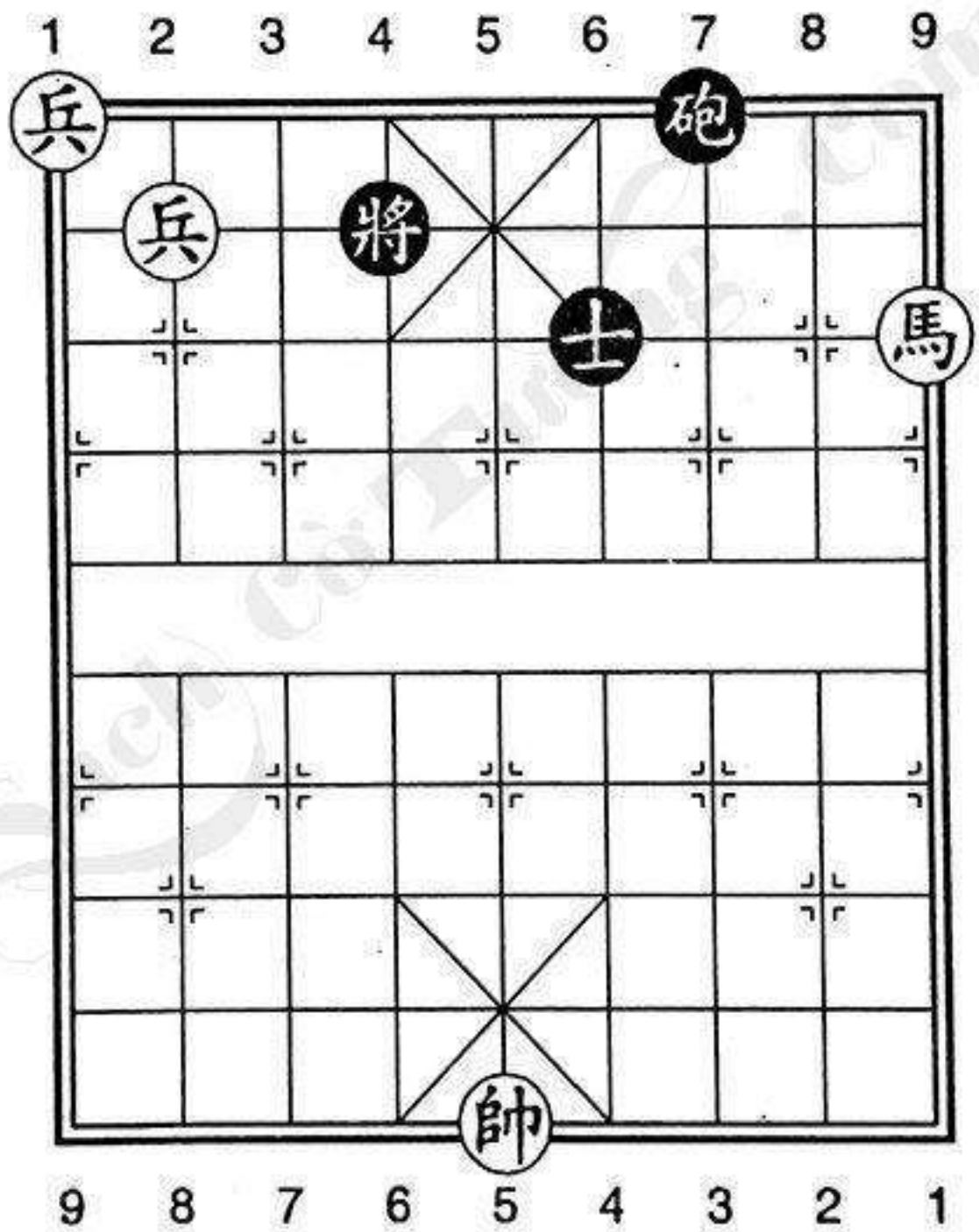

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 兵8–7 將4.1.

Nếu Đen 將4/1, thì 兵9–6, 士6/5, 馬1.3: Đen buộc phải mất Pháo (炮7–2, 兵7.1) Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

2. 馬1.3 炮7–6.

3. 兵9–8 炮6.1.

4. 兵8–7 炮6/1.

5. 兵t–6 炮6.1.

6. 帥5.1 炮6/1.

7. 兵6–5 炮6.1.

8. 兵5–4 炮6–5.

9. 馬3.5.

Đen hết nước đi, Trắng thắng.

XE MÃ CÔNG SÁT XE TỐT SĨ TƯỢNG TOÀN

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 馬2.4 (!) 象3/1.

2. 車8–9 象1.3.

3. 帥4/1.

Trắng lúc này có một biến cách khác cũng có khả năng thắng nếu Trắng đi 車9–7, 象3/1, 車7–8, 象1.3, 車8–9, 卒4–3, 帥4–5, 象3/1, 車9/2, 將4/1, 車9.2. (không thể đi

Sách Cờ Tướng .Com

車9–6 ăn Sĩ vì Đen có 車5–4 đổi Xe. Trắng mất cơ hội thắng lợi).

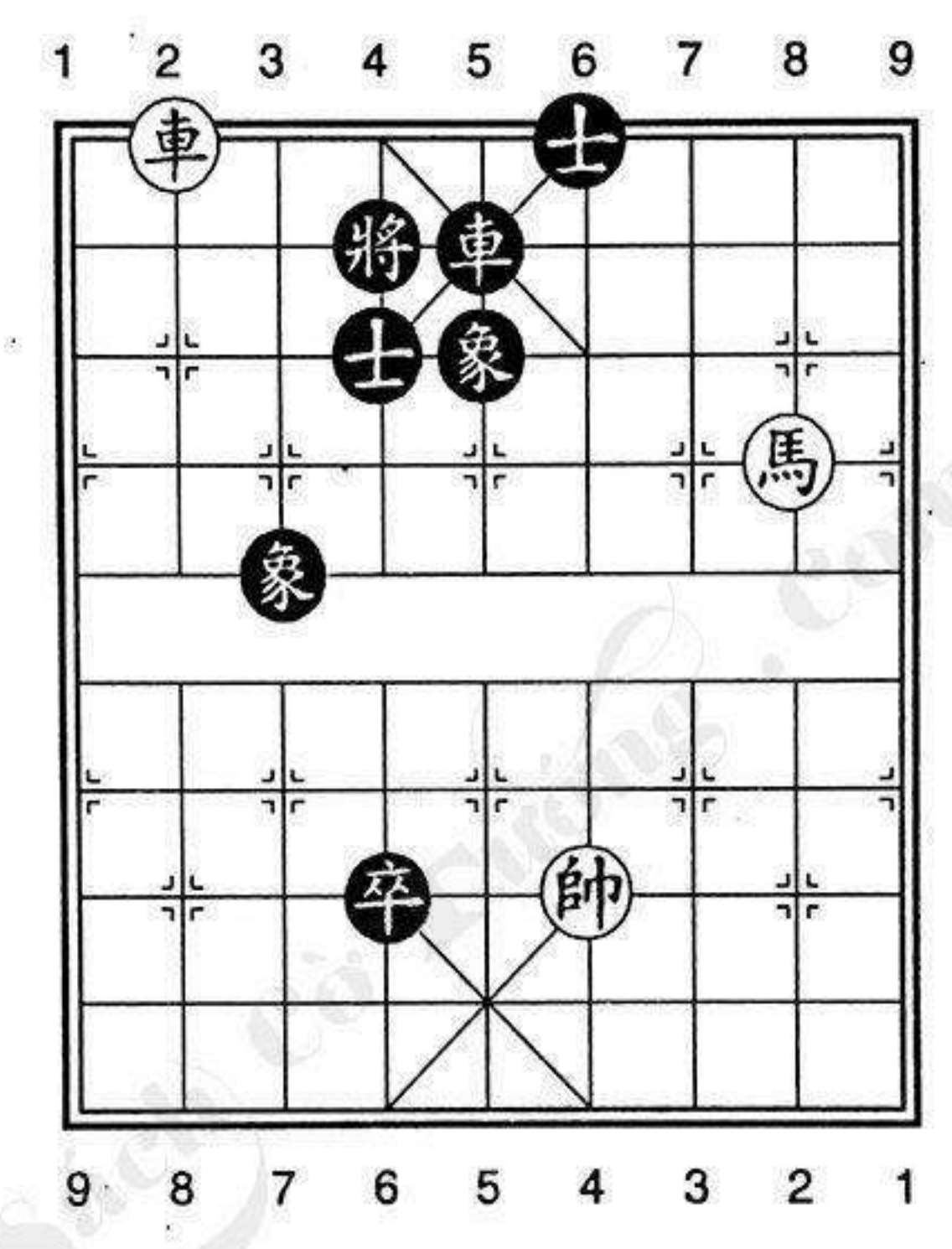

3.	卒4–5.
4. 帥4/1	卒5–4.
5. 帥4–5	卒4.1.
6. 帥5–4	卒4–5.
7. 車9–7	象3/1.
8. 車7–8	象1.3.
9. 車8–9	卒5–4.
10. 帥4.1	卒4–3.

Sách Cờ Tướng .Com

11. 帥4.1	卒3–4.
12. 帥4–5	卒4–3.
13. 帥5–6	卒3–2.
14. 馬4/5.	Trắng thắng.

SONG PHÁO CÔNG SÁT ĐƠN XE SONG SĨ

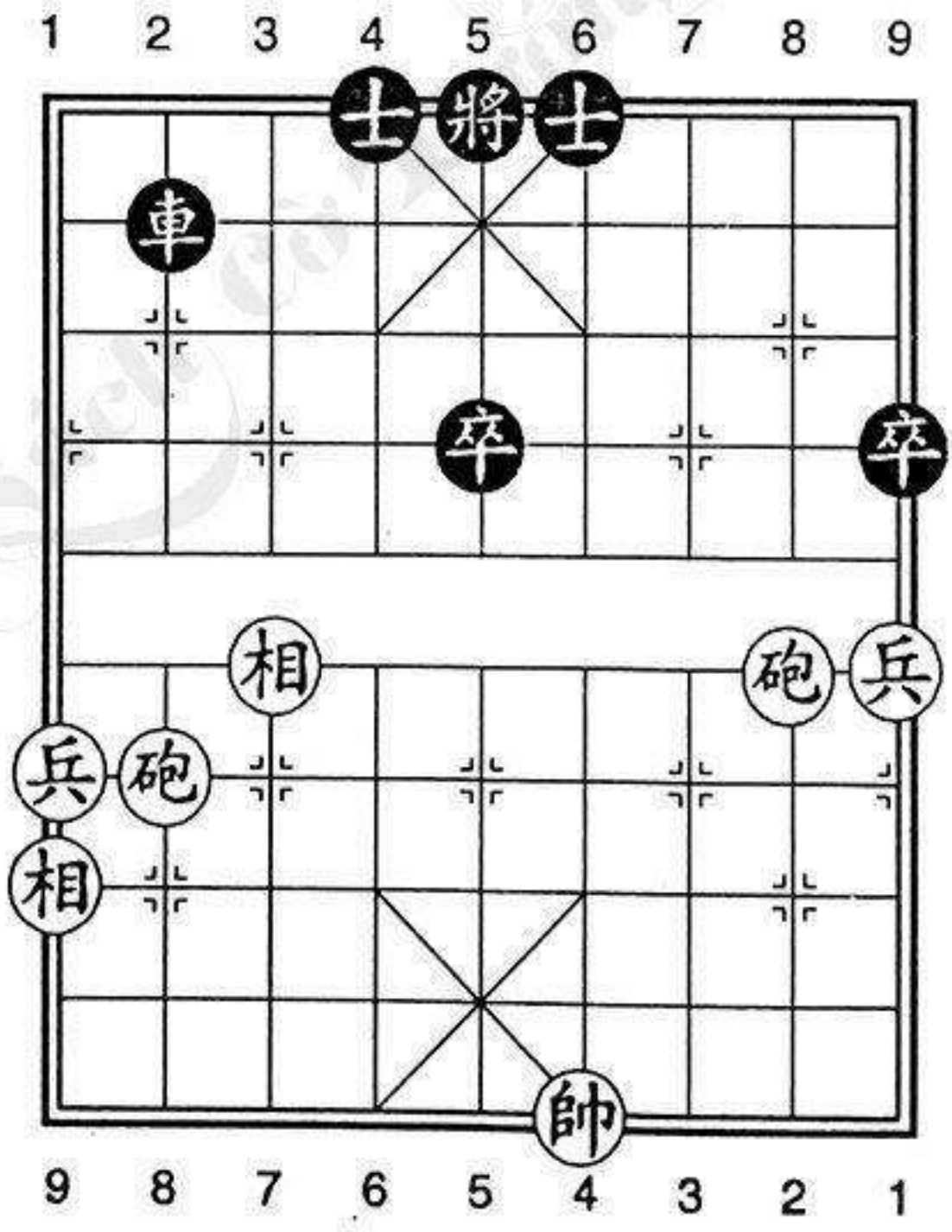

Sách Cờ Tướng.Com

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 炮8–5	士6.5.
2. 炮2–5	車2.2.
3. 兵9.1	車2–4.
4. 兵9.1	車4–2.
5. 兵9–8	車2–3.
6. 兵8–7	車3–4.
7. 兵7–6	車4–1.
8. 相7/5	車1–3.
9. 相5/7	車3–1.
10. 炮t–7	車1/3.
11. 兵6.1	卒5.1.

Nếu Đen 車1–3, thì 炮7–5: Đen vô phương chống đỡ.

12. 兵6.1	車1–3.
13. 炮7.3	卒5.1.
14. 炮5/2	卒5.1.
15. 帥4.1	車3–2.

Nếu Đen 車3.1, thì Trắng 炮5–7, 車3.1, 兵6–7: Trắng thắng.

16. 炮7.1	車2–3.
17. 兵6–7	車3–2.

Sách Cờ Tướng .Com

18. 兵7–8 車2–1.

19. 兵8.1 車1–3.

20. 帥4/1 車3–1.

21. 炮7/1 車1–3.

22. 炮7–9 車3–1.

23. 炮9.1 車1–3.

24. 相9.7 車3–1.

25. 帥4.1 車1–3.

26. 炮9/8 車3–1.

27. 相7.9 車1–3.

28. 炮9–5.

Trắng lúc này cũng có thể 炮5–7 bắt chết Xe cũng thắng.

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

MÃNH HỔ NAN ĐỊCH

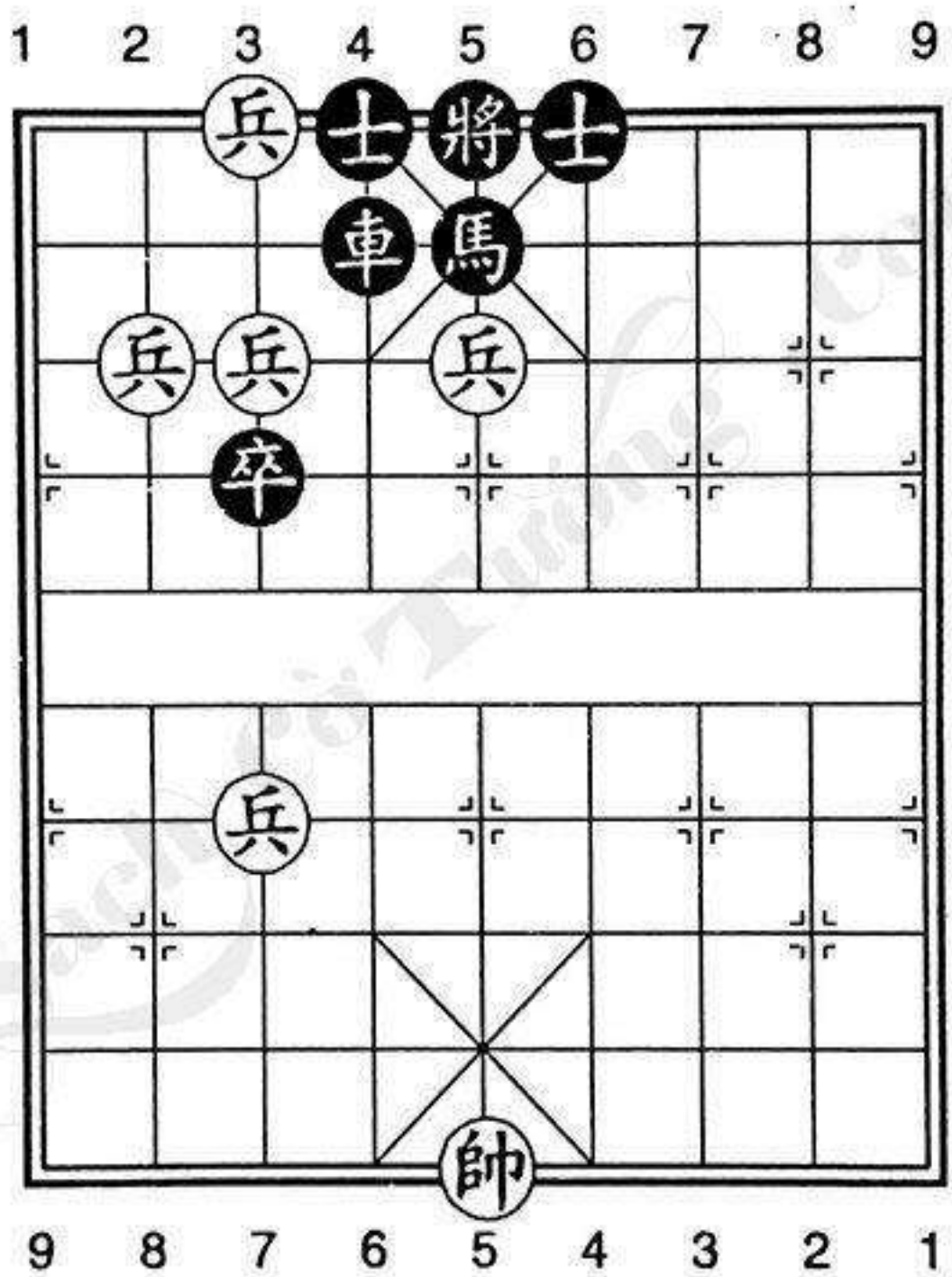

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 兵5–6 車4–1.

2. 兵8–9 車1–2.

Nếu Đen 車1.1 thì Trắng tất nhiên 兵6.1. Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

3. 兵s–8 車2–3.

4. 兵7.1.

Đến đây bên Đen chỉ còn có 2 cách đối phó đều thua:

A. **4.** ..... 卒3.1.

5. 兵8–7 車3.1.

6. 兵s.1 車3–2.

7. 兵t–8 車2–3.

8. 兵6–7.

Đen hết quân đi, Trắng thắng.

B. **4.** ..... 車3/1.

5. 兵6–7 車3–2.

6. 兵t.1 車2–1.

7. 帥5.1 車1–2.

8. 兵8.1 車2–1.

9. 兵9.1.

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

HÌNH CHỮ THÂN (Hầu, khỉ)

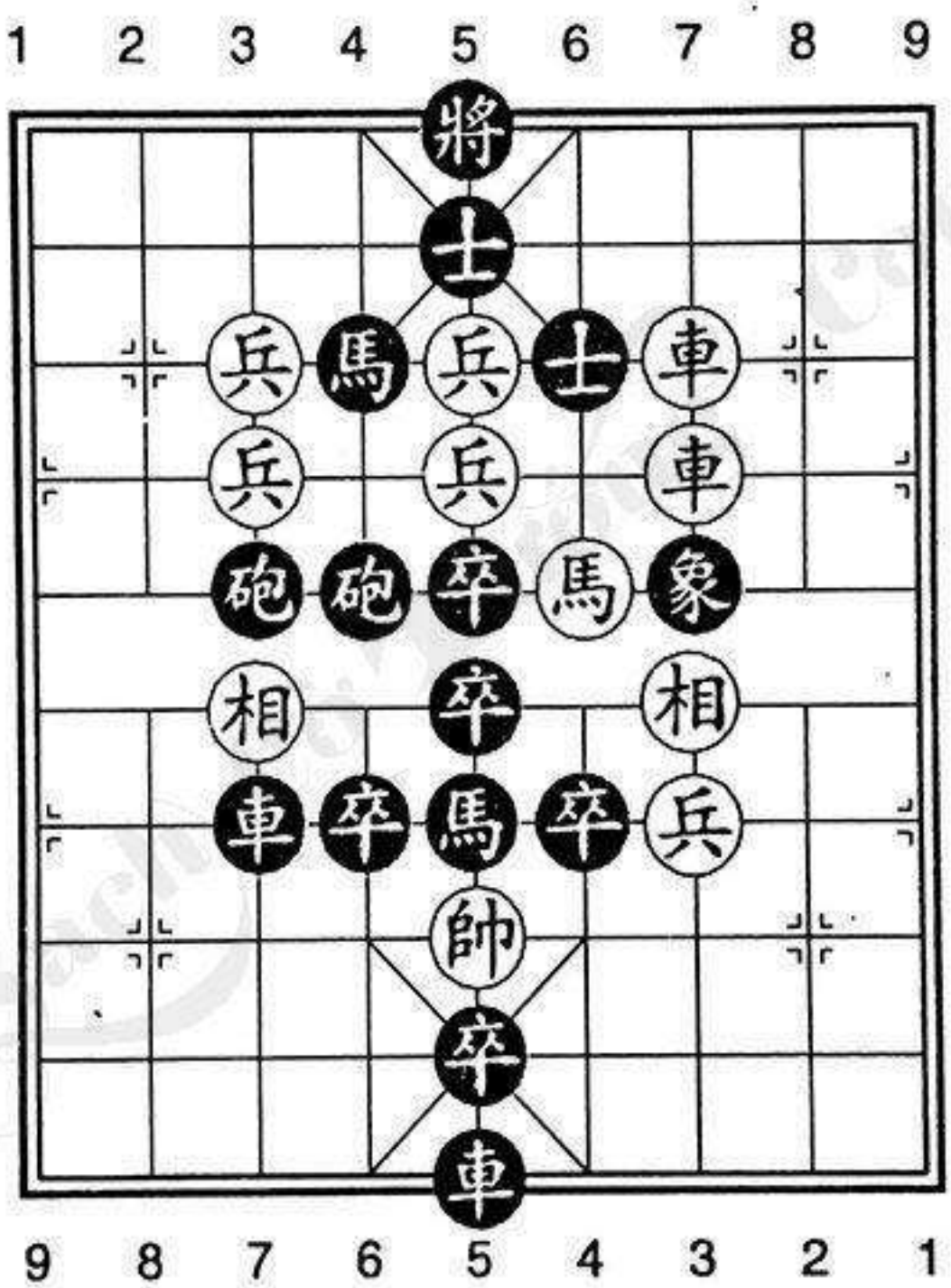

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 車t.2	士5/6.
2. 車t–4	將5–6.
3. 車3.3	將6.1.

Sách Cờ Tướng .Com

4. 兵t–4 將6–5.

Nếu Đen đi 將6.1, thì Trắng 車3–4, 馬4/6, 兵5.1, 象7/5, 馬4.2: Trắng thắng.

5. 兵4–5.

Nếu Trắng sai lầm mà đi 兵5.1, thì Đen 象7/5, 兵4–5, 將5–6, 兵5.1, 將6–5, 馬4.3, 將5.1: Đen thắng.

5. ..... 將5–6

Nếu Đen đi 象7/5, thì 馬4.3, 將5–4, 兵t–6, 將4.1, 兵7.1, 將4/1, 兵7.1, 將4.1, 兵5–6, Trắng thắng.

6. 兵t5.1 將6–5.

7. 馬4.3 將5–4.

8. 兵t–6 將4.1.

9. 兵7.1 將4/1.

10. 兵7.1 將4.1.

11. 兵5–6 將4–5.

12. 車3–5 將5–6.

13. 車5–4 將6–5.

14. 兵6–5 將5–4.

15. 車4/2 象7/5.

16. 兵5.1 Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng.com

TÁ ĐÔNG PHONG

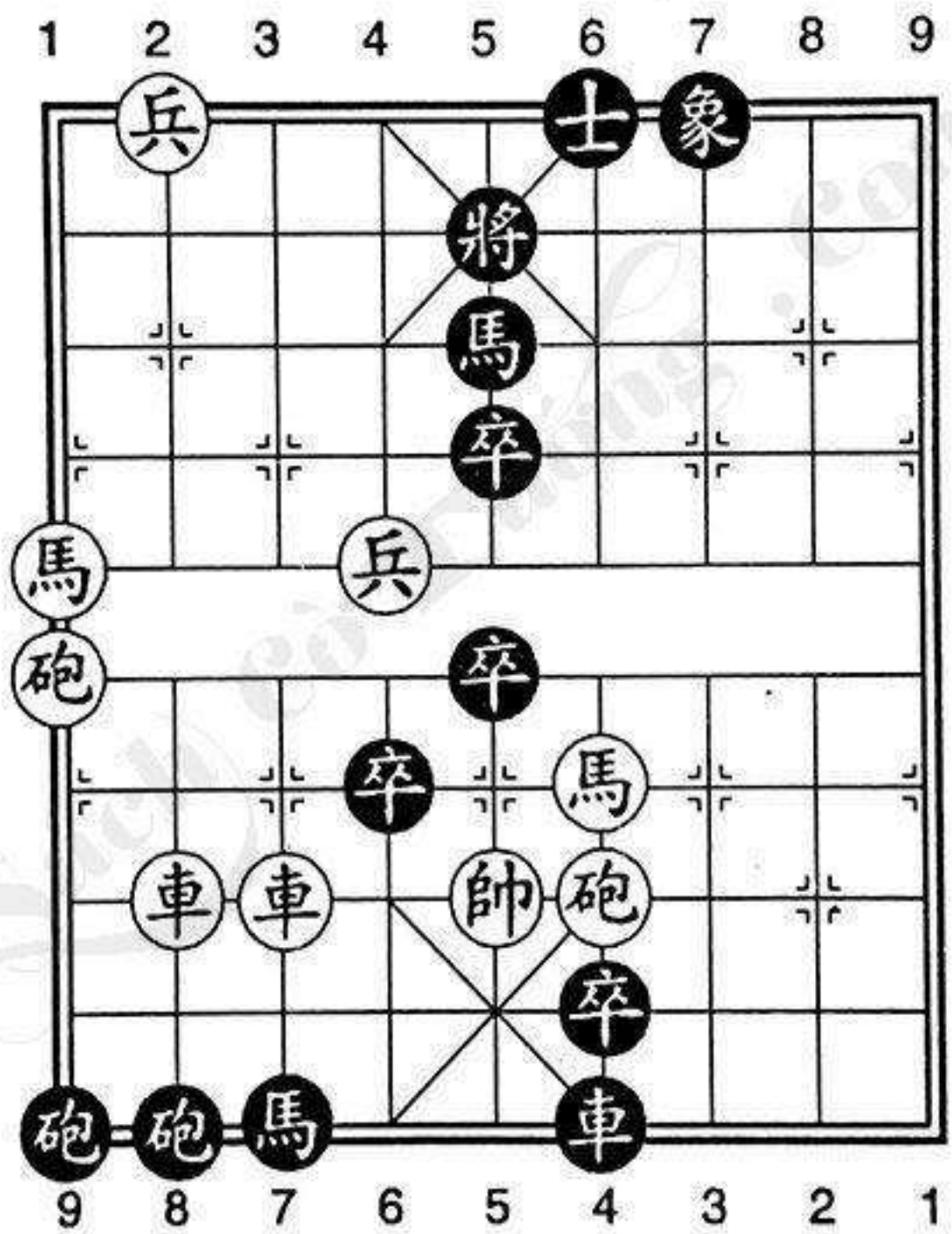

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 車8.6	將5/1.
2. 車7.7	馬5/4.
3. 車7–6	將5–4.

Sách Cờ Tướng .Com

4. 兵8–7	將4–5.
5. 兵7–6	將5–4.
6. 車8.1	將4.1.
7. 馬9.8	將4–5.
8. 馬8.7	將5/1.
9. 馬7/6	將5.1.
10. 車8/1	將5.1.
11. 炮9.3	將5–4.
12. 兵6.1	將4–5.
13. 兵6–5	將5–4.
14. 兵5–6	將4–5.
15. 兵6.1	將5–4.
16. 馬4.5	將4–5.
17. 馬5.7	將5–6.
18. 馬7.6	士6.5.

Nếu Đen 將6/1, thì 馬6/5, 將6.1, 車8/1, 象7.5, 馬5/4. Trắng thắng

19. 車8/1	象7.5.
20. 車8/1	將6/1.

Nếu Đen 象5.3, 車8–4, 將6–5, 馬6/7, 將5–4, 車4–6, 將4–5, 車6/1, 將5–6, 車6–4: Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

21. 車8–4 士5.6.

22. 炮9.1 炮2/8.

23. 馬6.8 將6/1.

Nếu Đen 炮2.1, 車4–6, 將6–5, 車6.2, 將5/1, 炮9.1: Trắng thắng.

24. 車4.1 炮2–6.

Nếu Đen 將6–5, 車4–5, 將5–6, 馬8/6, 將6.1, 馬6/4 Lưỡng chiếu, Trắng thắng.

25. 車4.1 將6–5.

26. 炮9.1 象5/3.

27. 馬8/7 象3.1.

28. 車4–5 將5–6.

29. 馬7.6 炮1/9.

30. 馬6/4 兵5–6.

31. 車5.1.

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng.com

YẾU TÁI BINH BIẾN

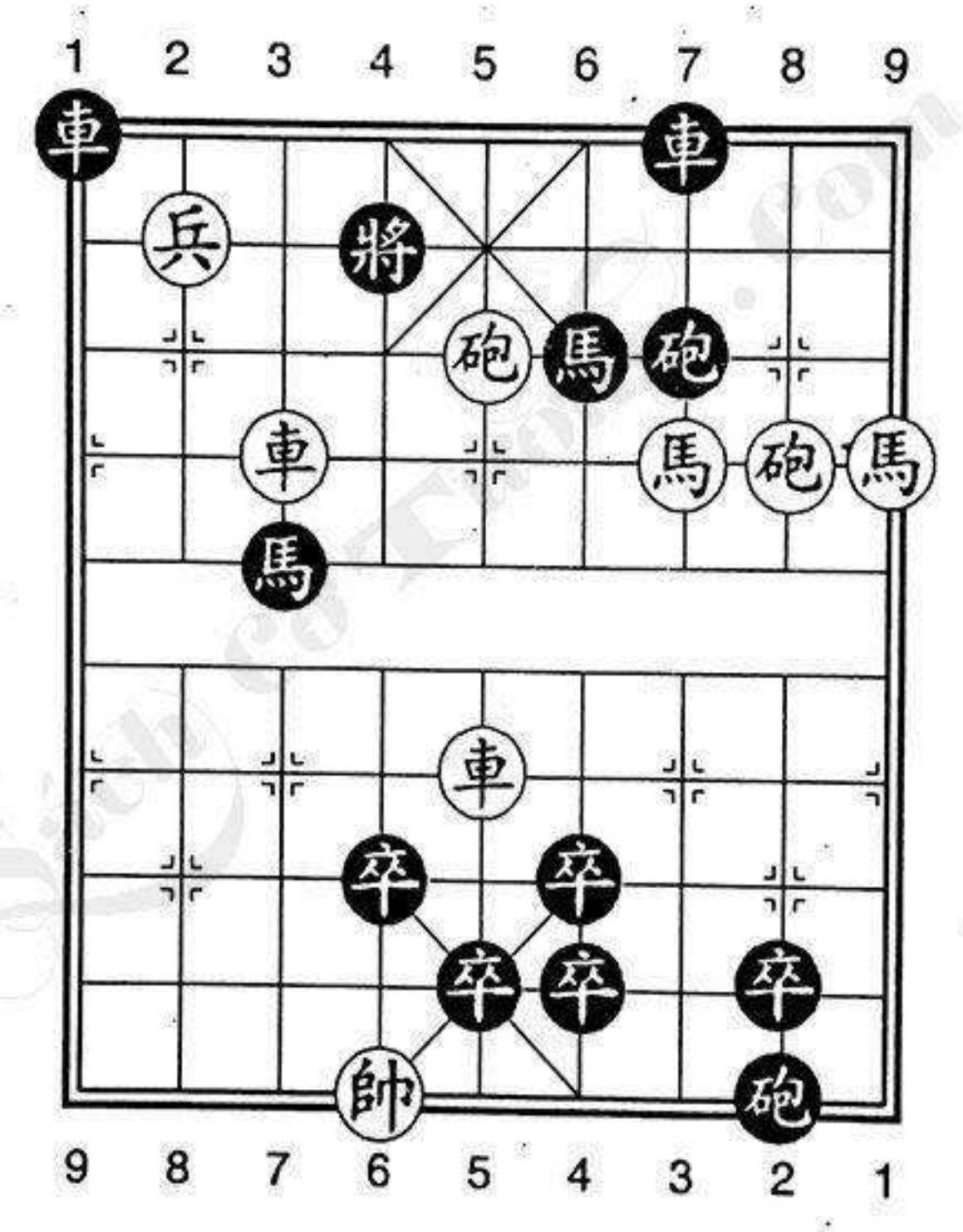

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 車7–6 將4–5.

2. 炮5–3 將5–6.

3. 炮3.1 將6/1.

Sách Cờ Tướng .Com

4. Ⓜ3.5 ●將6–5.

5. Ⓜ5/4 ●將5–6.

6. Ⓟ2–4 ●馬6.4.

7. Ⓟ3–4.

Nếu Trắng đi Ⓟ4/4, thì ●馬4/6, Ⓜ4.5, (Ⓜ4.3, ●馬6.5, Ⓟ3–4, ●將6–5, Ⓒ5.2, ●將5–4: Trắng mất cơ hội, Đen thắng). ●將6–5, Ⓜ5/6, ●將5–4, Ⓜ6.7, ●將4.1, Ⓑ8–7, ●將4/1, Ⓑ7.1, ●將4.1, Ⓜ7.5, ●將4.1, Ⓜ5/4, ●馬3/5, Đen thắng.

7. ..... ●將6.1.

Nếu Đen ●馬4/6, Ⓟt–1, ●馬6.4, Ⓟ4/4, ●馬4/6, Ⓜ4.3 lưỡng chiếu, Trắng thắng.

8. Ⓟ4/4 ●馬4/6.

9. Ⓜ4.3 ●馬6.5.

10. Ⓒ5–4 ●馬5/6.

11. Ⓒ4.4 (!) ●將6–5.

12. Ⓒ4–9 ●將5–6.

13. Ⓜ3/4 ●將6–5.

14. Ⓜ1.3 ●車7.2.

15. Ⓜ4.3 ●將5–6.

16. Ⓒ9–4 ●將6–5.

17. Ⓒ4/2 ●將5.1.

Sách Cờ Tướng.Com

18. 車4–5	將5–4.
19. 車5–6	將4–5.
20. 馬3/4	將5/1.
21. 車6–5	馬3/5.
22. 車5.1	將5–4.
23. 兵8–7	將4/1.
24. 馬4.5	將4–5.
25. 馬5.3	將5–4.
26. 車5–6.	

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng.Com

CẨM THƯỢNG THÊM HOA

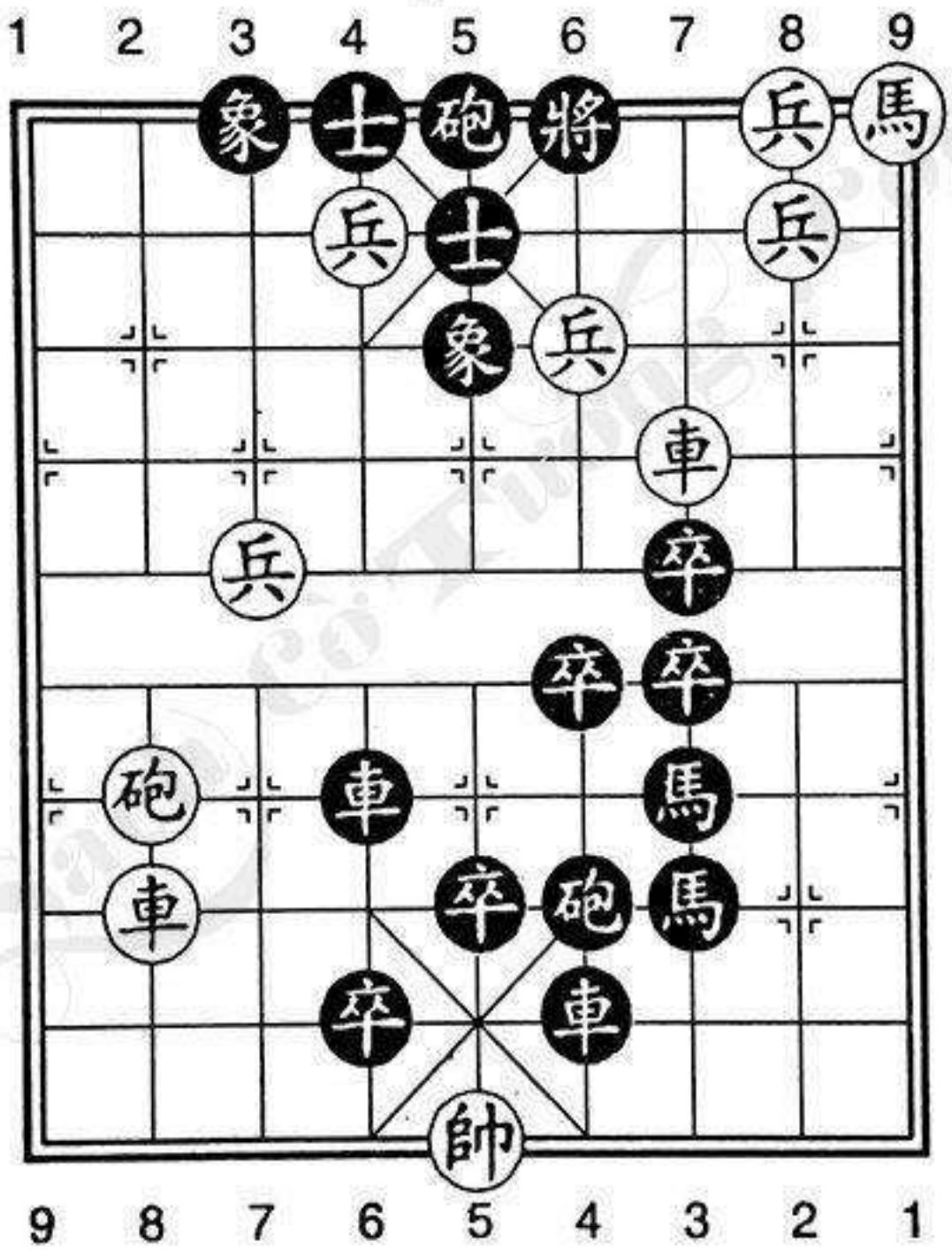

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 兵4.1	將6.1.
2. 兵s–3	將6/1.
3. 兵2–3	象5/7.

Sách Cờ Tướng.Com

4. 兵3.1	炮5–7.
5. 車3.3	將6.1.
6. 馬1/2	將6.1.
7. 車3/2	將6/1.
8. 車3/2	將6.1.
9. 車3.2	將6/1.
10. 車3/3	將6.1.
11. 車3.3	將6/1.
12. 車3/4	將6.1.
13. 車3.4	將6/1.
14. 車3/5	將6.1.
15. 車3.5	將6/1.
16. 車3/3	將5.1.
17. 車3–4	將6–5.
18. 車4–5	將5–4.
19. 馬2/4	將4/1.
20. 車5–6	車4/1.

Nếu Đen 士5.4, thì 車6.3, 車4/4, 炮8–6, 車4–2, 兵7–6, 車2–4, 車8.6: Trắng thắng.

21. 炮8–6	車4–2.
22. 馬4/6	士5.4.

Sách Cờ Tướng .Com

23. 馬6/4 士4/5.

Nếu Đen 將4–5, thì 車8–5, 象3.5, 車5.5, 將5–6, 炮6–4, Trắng thắng.

24. 馬4.5 將4.1.

25. 馬5/6 將4–5.

26. 馬6.4 將5–6.

27. 炮6–4 車2–6.

28. 馬4.2 將6–5.

29. 車8–5 將5–4.

30. 車5–6.

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng.Com

NHẤT THỈ PHÁ ĐÍCH

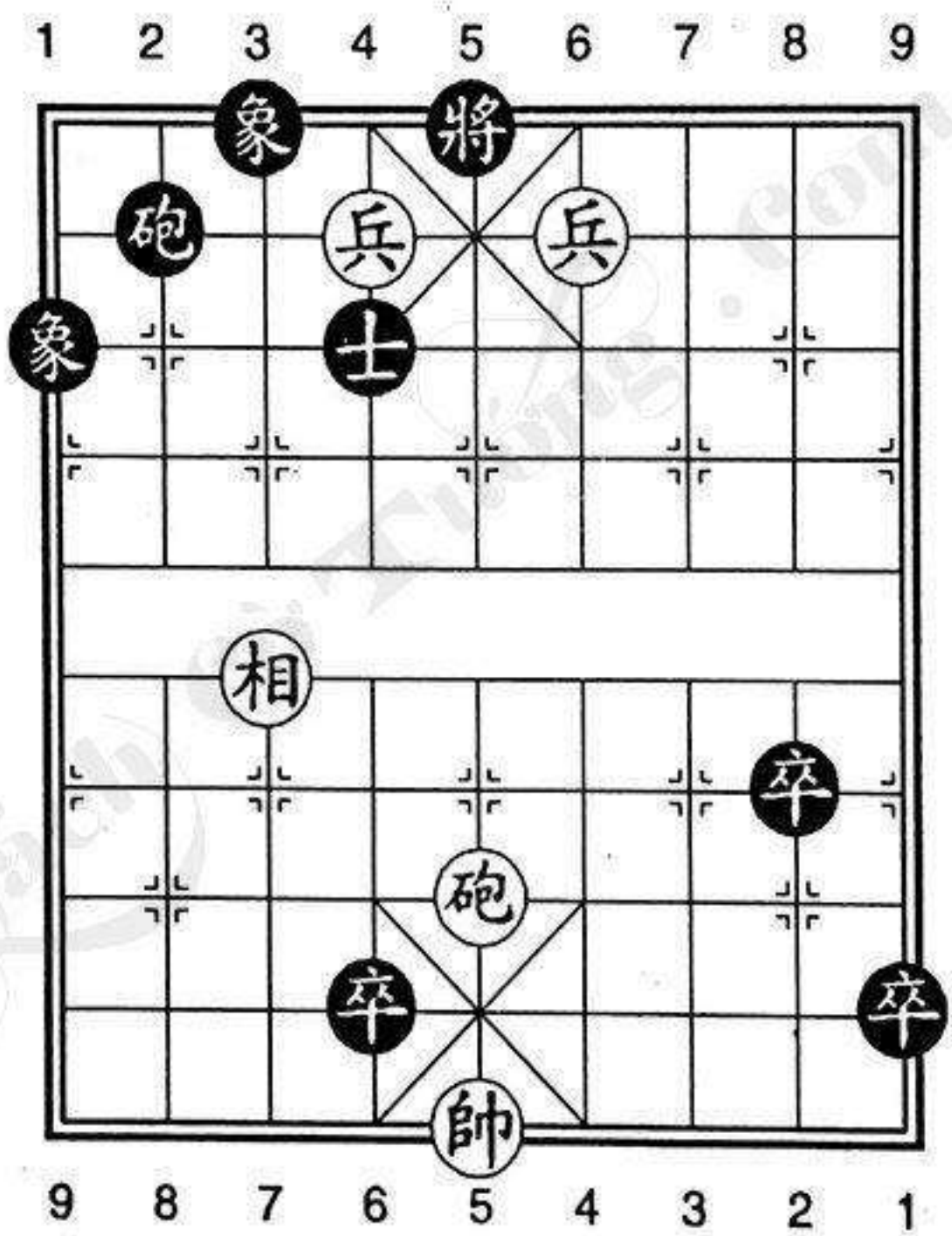

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 炮5.6 **炮2.2**

Nếu Đen

a) 炮2–5, thì 帥5–4, Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng.Com

b) 士4/5, thì 兵6–5, 將5–4, 兵4.1: Trắng thắng.

2. 帥5–4	炮2–6.
3. 炮5/2	卒8–7.
4. 相7/5	卒7–6.
5. 帥4–5	象1.3.
6. 炮5–6	炮6–5.
7. 帥5–4	士4/5.
8. 兵4–5.	

Ván này trong "Tượng kỳ phổ Đại Toàn" đã giải sai, nước này Trắng đi 炮6–8 trước, tình hình hoàn toàn thay đổi vì Đen sẽ đi 士5.6, 炮8.3, 象3.1, 兵6–7, 將5–4, 炮8/8, 卒4–5, Đen thắng.

8.	將5–6.
9. 炮6–8	象3/5.
10. 炮8.3	象3.1.
11. 兵6.1	象1/3.
12. 兵6–7.	Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

ĐƯỜNG LANG ĐƯƠNG XA

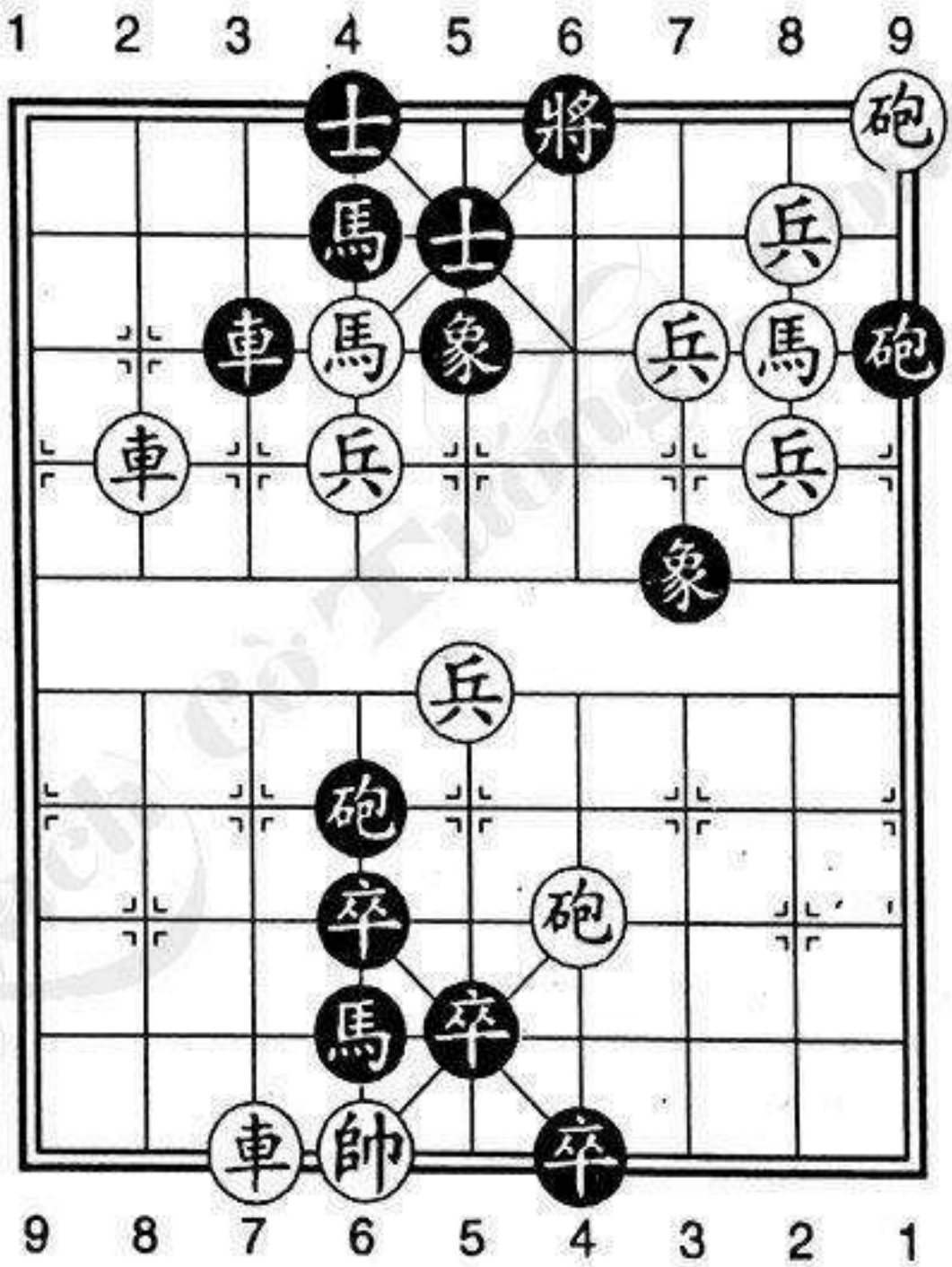

Phá giải: Trắng đi trước – Hòa

1. 炮1–4	炮6–4.
2. 兵5–4	炮4–6.
3. 兵4–3	炮6–4.

Sách Cờ Tướng.Com

4. 兵3–4 炮4–6.

5. 車3.6 車8–7.

6. 兵4–3 炮6–4.

7. 炮4–8 炮4–2.

8. 兵6.1 炮2/5.

9. 炮8.5 炮2–4.

10. 兵5–4 將6–5.

11. 兵7.1 炮1–4.

12. 兵7–6 將5–4.

13. 馬9.7 將4–5.

Nếu Đen 將4.1, thì 兵4–5, 將4.1, 炮8/1, Trắng thắng.

14. 兵4–5 將5–6.

15. 馬7/5 兵s9–8.

16. 炮8.1 車7.1.

17. 兵5–4 車7–6.

18. 馬5.4 炮4–9.

19. 馬4.6 象1/3.

20. 馬6/7 象3.5.

21. 炮8/9 卒8–7.

22. 馬7/6 炮8.2.

SachCoTuong.Com

23. Ⓜ6/5 ⓢ5.7.

24. Ⓟ8.1.

Trắng đi nước này sai lầm. Nên đi Ⓟ8–9, thì ⓙ6–5, Ⓟ9–8, ⓒ7–6, Ⓟ8–9, ⓟ9.1, Ⓜ5/4, ⓟ9–1, Ⓜ4.5: Hòa cuộc.

24. ..... ⓒ5.1.

Đây là chỗ sai của cổ phổ. Lẽ ra Đen nên đi ⓒ7.1, Trắng Ⓟ8–1, ⓒ7–6, Đen thắng.

25. Ⓢ6–5 ⓟ9–2.

26. Ⓢ5.1 Hòa cuộc.

Sách Cờ Tướng .Com

PHÁT HUY TIỀM LỰC

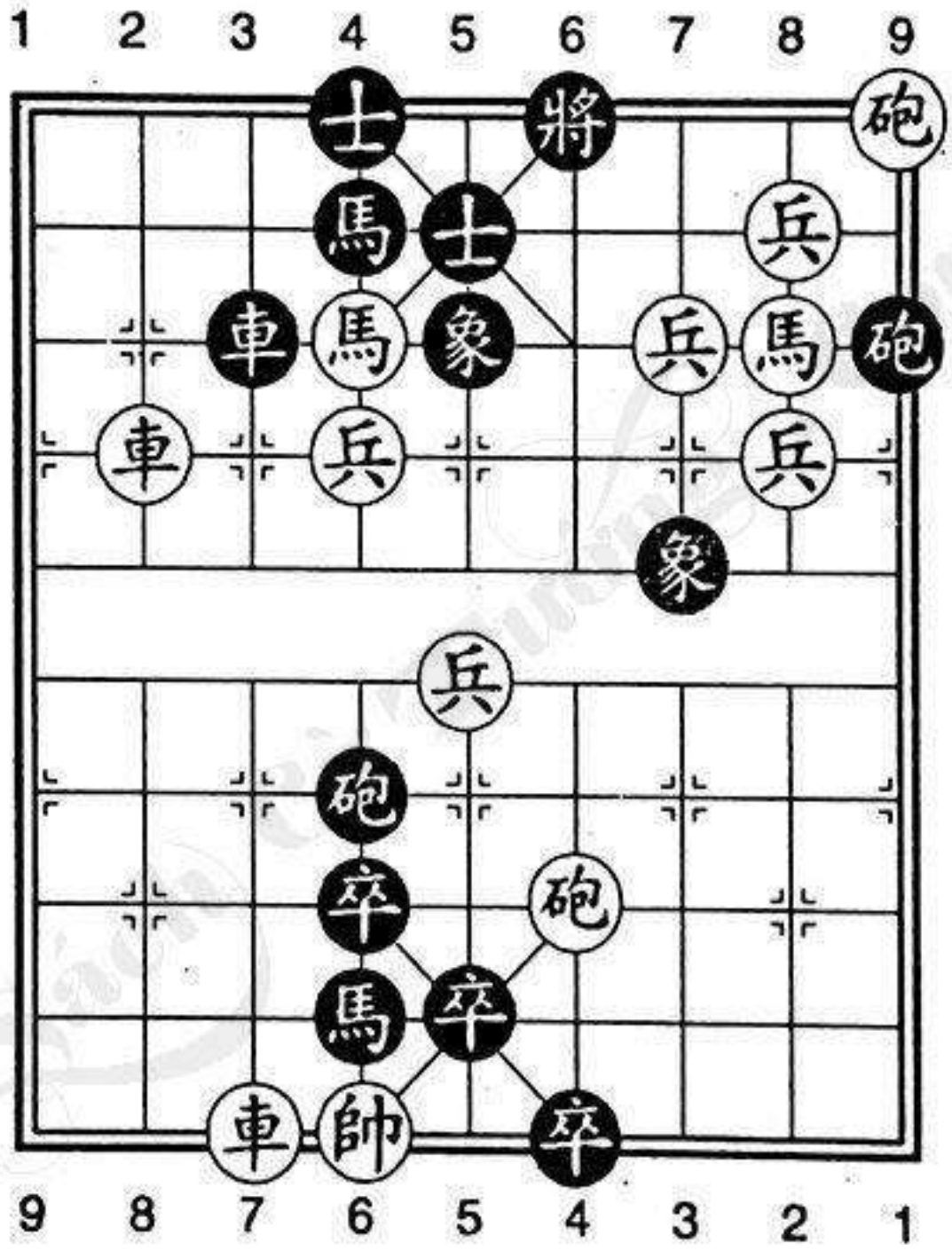

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. Ⓑt.1	●6.1.
2. Ⓑ3.1	●6.1.
3. Ⓜ2/4	●4–6.
4. Ⓜ4/6	●6–4.

Sách Cờ Tướng .Com

5. Ⓜs/4 ●炮4–6.

6. Ⓜ4.5 ●炮6–4.

7. Ⓜ5/3 ●象5.7.

8. Ⓜ6/4 ●炮4–6.

Nếu Đen đổi lại là ●將6–5, Ⓑ6.1, dù ●車3–4 hoặc ●士5.4 đều bị Ⓒ8–5 chiếu bí, Trắng thắng.

9. Ⓒ7.7 ●炮9–3.

Nếu Đen ●士5.4, Ⓜ4.6, ●將6–5, Ⓑ6–5, ●將5/1, Ⓑ3–4, Trắng thắng.

10. Ⓜ4.2 ●將6–5.

11. Ⓑ6–5 ●馬4.5.

12. Ⓒ8–5 ●將5–4.

13. Ⓒ5–6 ●將4–5.

14. Ⓟ1/2 ●士5.6.

Nếu Đen ●炮6/4, Ⓜ2/4, ●炮6.5, Ⓒ6–5, ●將5–4, (●將5–6, Ⓜ4.2) Ⓒ5.2; Trắng thắng.

15. Ⓜ2/4 ●將5/1.

16. Ⓟ1.1 ●將5/1.

17. Ⓜ4.6 ●將5–6.

18. Ⓑt–3.

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

TIỀN PHÓ HẬU KẾ

(Người trước ngã, kẻ sau tiếp bước)

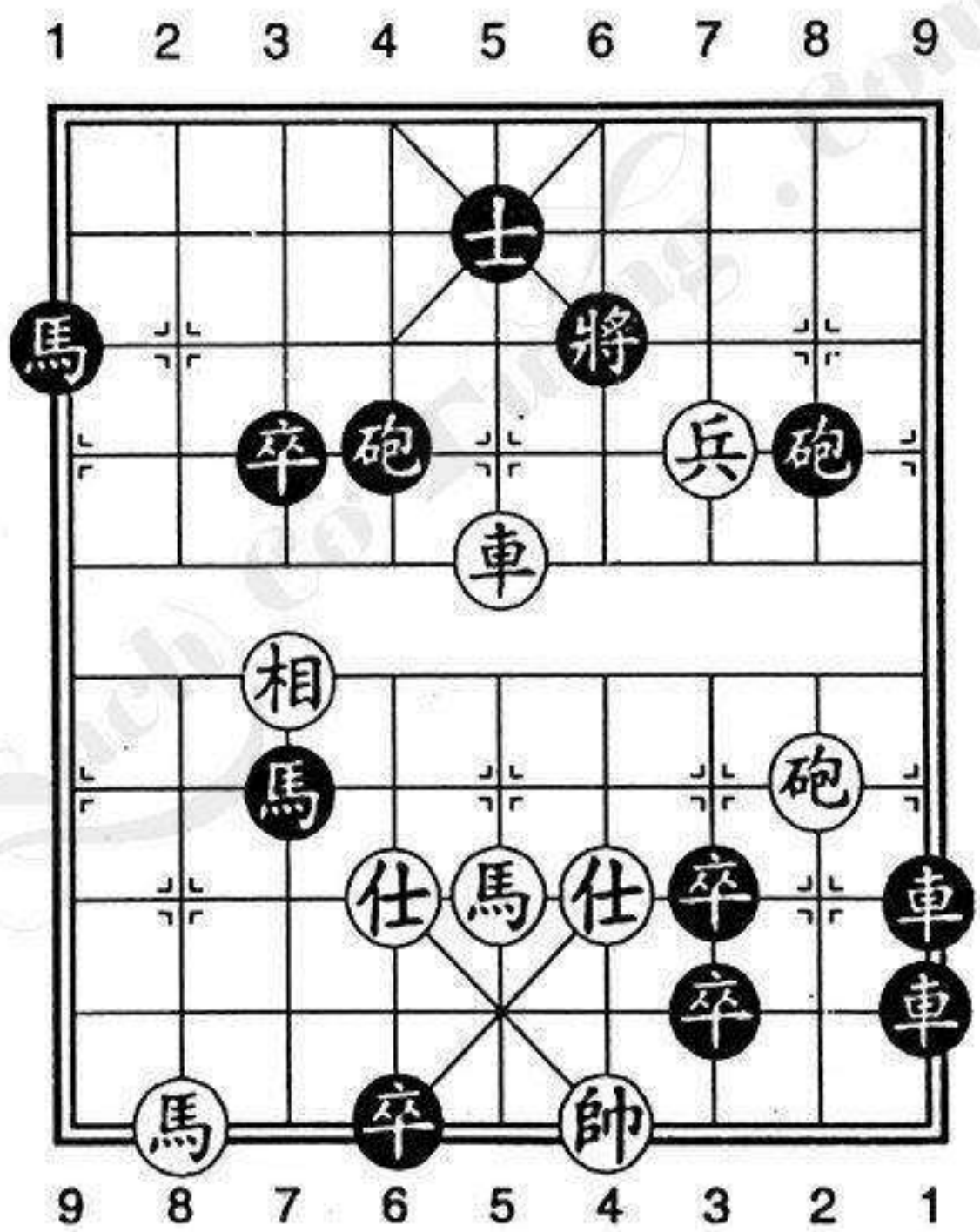

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 兵3–4 將6/1.

2. 炮2–4 士5.6.

Sách Cờ Tướng .Com

3. 兵4.1	將6.1.
4. 馬5.4	炮4–6.
5. 馬4.2	炮6–5.
6. 馬2.4	將6–5.
7. 馬4.3	將5/1.
8. 車5.1	將5–4.
9. 車5–6	將4–5.
10. 馬3/4	將5/1.
11. 馬4.6	將5.1.
12. 車6–5	將5–4.
13. 炮4–6	將4.1.
14. 炮6/3	馬3.4.
15. 仕6/5	馬4/5.

Nếu Đen 馬4.2, 車5–6, 將4–5, 炮6–5, 炮8–5, 車6–5, 將5–6, 車5–4: Trắng thắng.

16. 馬8.6	馬5/4.
17. 馬6.8	馬4.5.
18. 馬8.6	馬5/6.
19. 馬6.5	馬4.5.
20. 車5–2	將4/1.
21. 馬5.4	將4.1.

Sách Cờ Tướng.Com

22. Ⓜ4/6 ●M5/4.

23. Ⓒ2.1 ●T4/1.

24. Ⓜ6.4 ●T4–5.

25. Ⓜ4.3 ●T5/1.

26. Ⓟ6–5 ●M4.5.

27. Ⓢ5.6 ●M5/3.

28. Ⓜ3/4 ●T5–6.

Nếu Đen ●T5.1, Ⓒ2.1, ●T5.1, Ⓜ4/5, ●M3.5, Ⓜ5.7, ●T5–6, Ⓜ7.6: Trắng thắng.

29. Ⓜ4.6 ●T6–5.

30. Ⓜ6/5 ●M3/5.

31. Ⓜ5.7 ●T5–6.

32. Ⓒ2.2 ●T6.1.

33. Ⓜ7.6 ●T6.1.

34. Ⓒ2–4. Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

BẠT VÂN KIẾN NHẬT

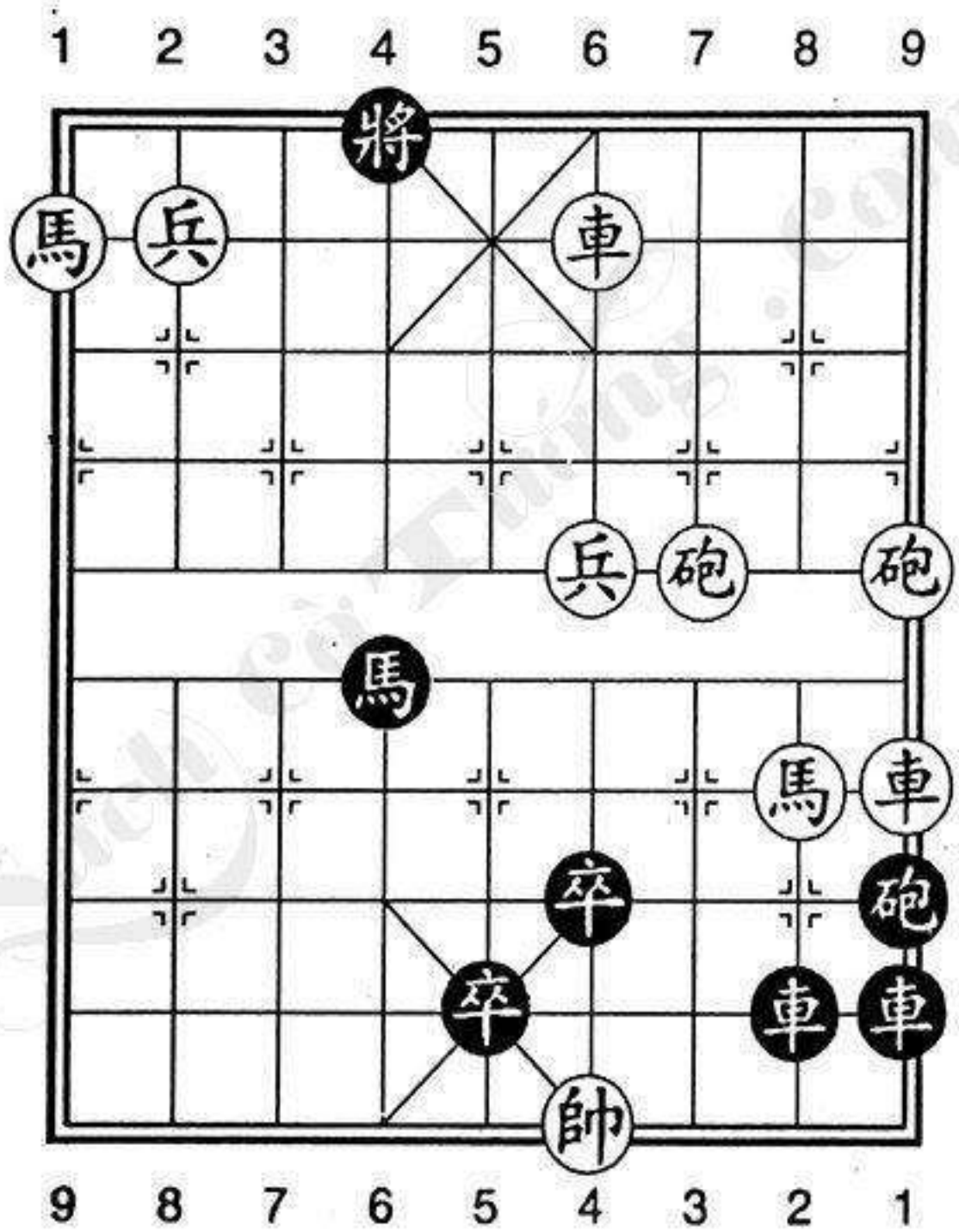

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 車4.1	將6.1.
2. 兵8–7	將6–5.
3. 馬9/7	將5.1.

Sách Cờ Tướng.Com

4. 車4–5	將5–4.
5. 車5–6	將4–5.
6. 馬7/6	將5/1.
7. 馬6.4	將5–6.
8. 馬4.6	將6.1.
9. 兵4.1	將6–5.
10. 兵4.1	將5–6.
11. 馬6/5	馬4/5.
12. 車6/2	將6/1.
13. 馬5.3	馬5/7.
14. 車6.1	將6.1.

Nếu Đen 將6/1, thì 馬3.5, 將6–5, (馬7/5, 車6.1, 將6.1, 馬5/3, 將6.1, 車6–4; Trắng thắng), 炮3–5, 馬7.5, 車6.1, 將5.1, 兵7–6, 將5–6, 車6–4; Trắng thắng.

15. 馬3/5	將6–5.
16. 車6/1	將5/1.
17. 兵7–6	將5/1.
18. 馬5.4	將5–6.
19. 炮3–4	馬7.6.
20. 馬4.2	將6–5.
21. 車6–5	馬6/5.

Sách Cờ Tướng .Com

22. ㊀1–5.

Đến đây thì nếu Đen đi ●5/7, thì Trắng sẽ ㊀1.6 chiếu bí, còn nếu Đen ●5/6 vẫn bị Trắng ㊀2/4 chiếu bí. Trắng thắng.

CHIẾN ĐỊA BÁCH LINH

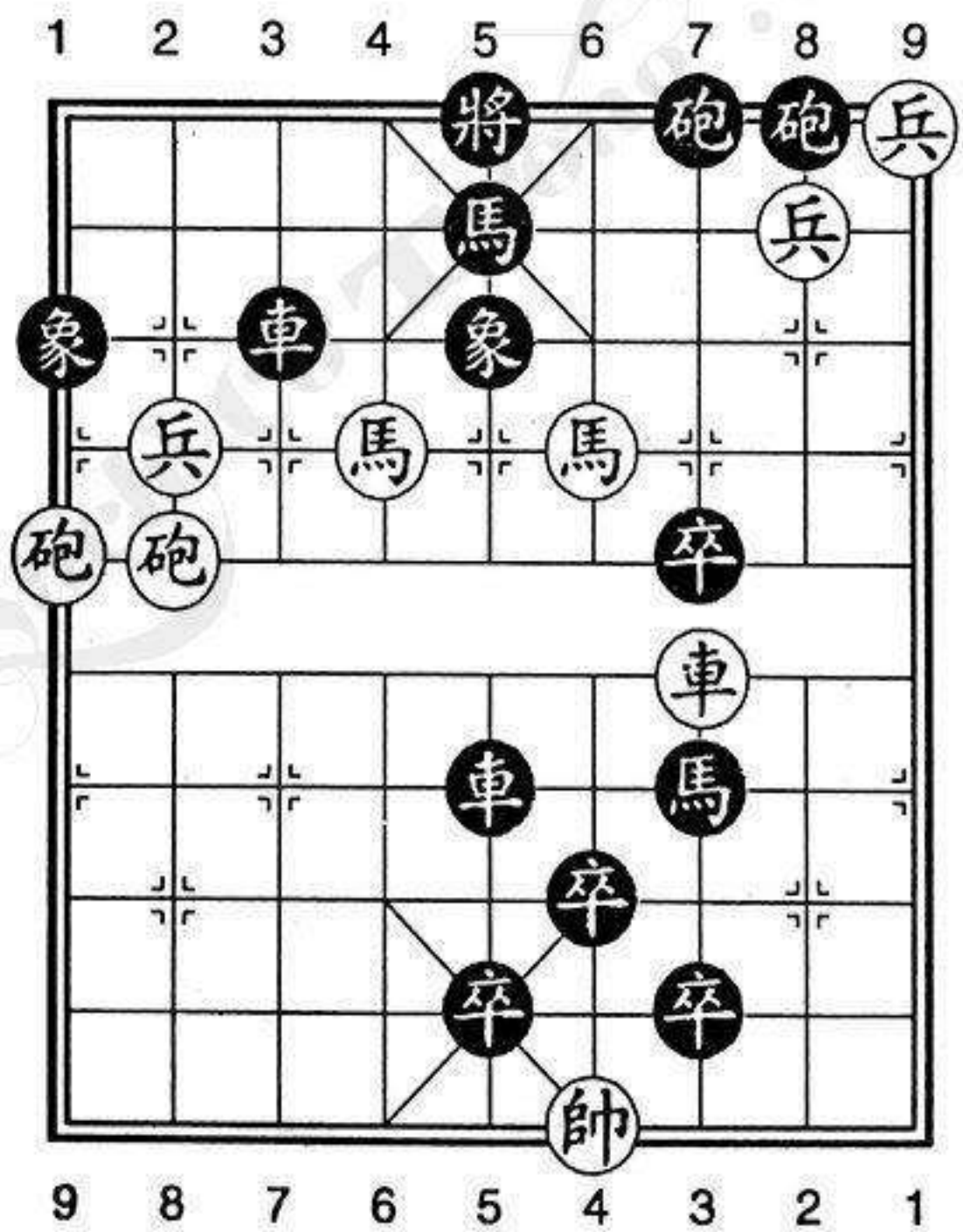

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

SáchCờTướng.com

1. Ⓜ6.7	●車3/1.
2. Ⓜ4.3	●將5–4.
3. Ⓒ3–6	●車3–4.
4. Ⓟ8–6	●車4–3.
5. Ⓟ6–5	●車3–4.
6. Ⓟ9–6	●車4–3.
7. Ⓟ6–3	●車3–4.
8. Ⓟ5–6	●車4–3.
9. Ⓟ6–7	●車3–4.
10. Ⓟ3–6	●車4–3.
11. Ⓟ6–2	●車3–4.
12. Ⓟ2.4	●炮7–9.
13. Ⓟ7–6	●車4–3.
14. Ⓟ6–4	●車3–4.
15. Ⓟ4.4	●馬5/7.
16. Ⓟ4/1	●馬s.5.
17. Ⓒ6.4	●將4–5.
18. Ⓟ4/4	●將5–6.
19. Ⓒ6.1	●將6.1.
20. Ⓜ3.4	●馬7/6.

Sách Cờ Tướng .Com

21. Ⓜ4.2	●6/7.
22. Ⓑ2–3	●6.1.
23. Ⓜ2/3	●5.7.
24. Ⓟ2/2	●7.8.
25. Ⓒ6–4	●6–5.
26. Ⓟ4.3	●8/7.
27. Ⓟ4–9	●7.5.
28. Ⓑ8.1	●s.3.
29. Ⓑ8–7	●5/1.
30. Ⓟ2.1	●5/6.
31. Ⓑ3–4	Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

XE PHÁO XẢO THẮNG XE, TỐT SĨ TƯỢNG TOÀN

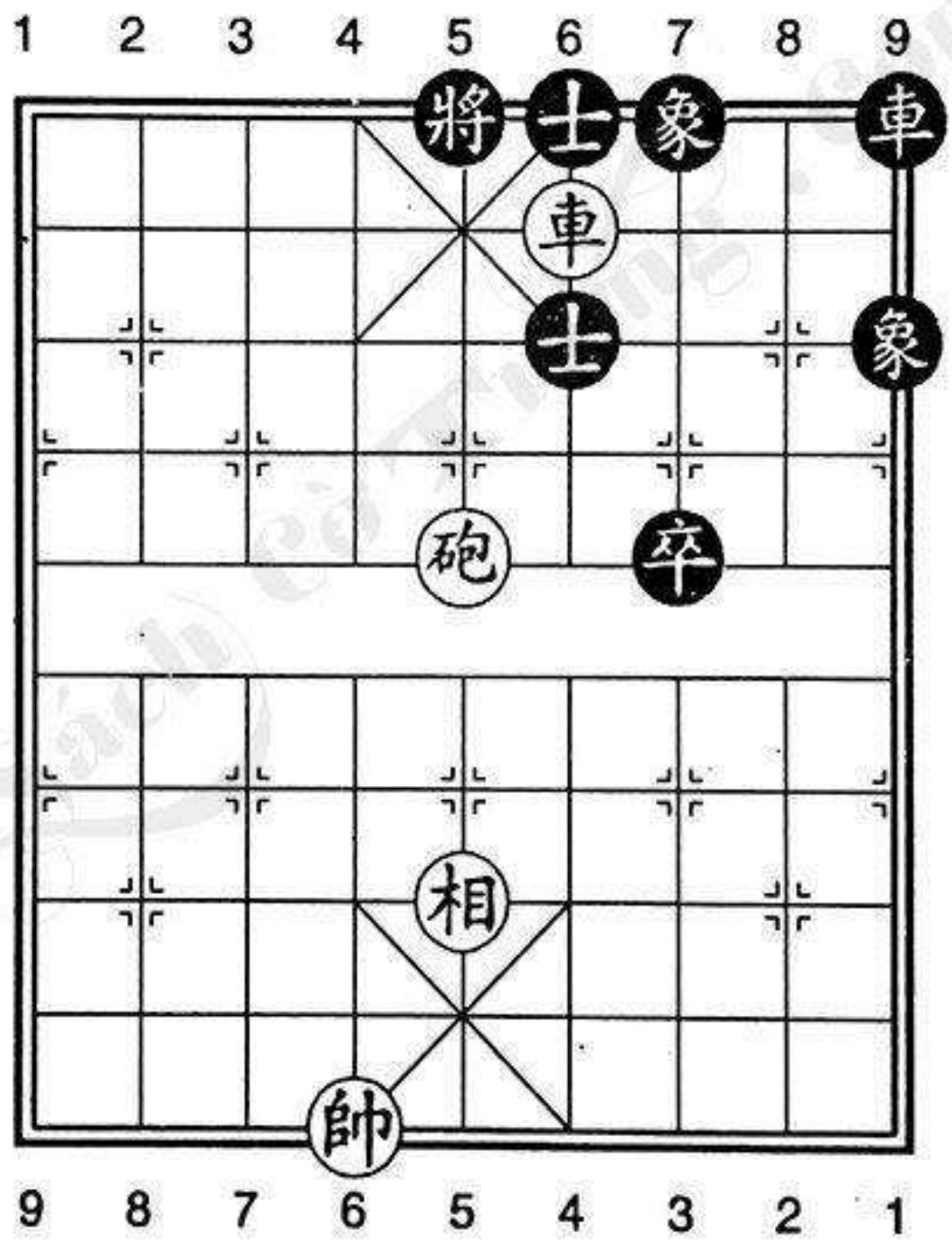

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 車4–2 卒7.1.

2. 車2/2.

Sách Cờ Tướng.com

Nếu Trắng đi 相5.3, thì 象9.7, Xe Đen có lối thoát, Hòa cuộc.

2. ..... 車9.1

3. 車2–6 車9/1.

Nếu Đen 車9–1, 車6–5, 車1–5, 相5.3, 象9.7, 炮5/1, 象7/9, 車5/1, 象9.7, 炮5.4, 士6.5, 車5–3; Trắng thắng.

4. 相5.3 將5.1.

5. 炮5/4 將5/1.

6. 車6–8 將5.1.

7. 車8–5 象7.5.

8. 車5.1 將5–6.

9. 車5/2 車9–7.

10. 炮5–4 士6/5.

11. 車5–4 士5.6.

12. 帥6–5 車7–9.

13. 車4–5 士6/5.

14. 炮4–8 車9–8.

15. 炮8.7 將6.1.

Nếu Đen 士5.6 thì 車5.3 còn nếu 士5.4 sẽ bị 車5–4 chiếu bí.

16. 車5.2 (hoặc bình 4). Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng.Com

XE MÃ XẢO THẮNG XE SONG TỐT SĨ TƯỢNG TOÀN

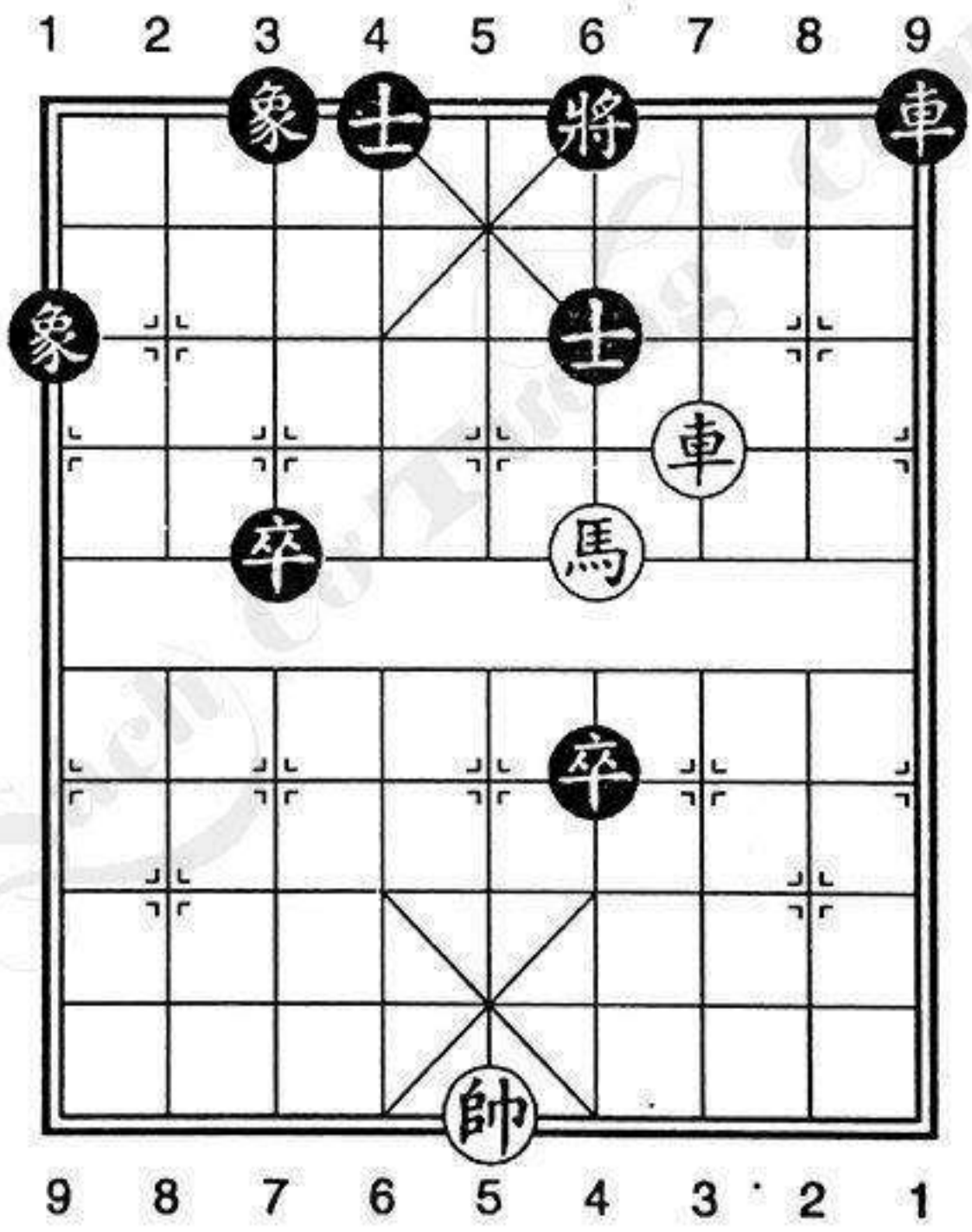

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

Khai thác triệt để và chính xác tình trạng tán loạn của hệ thống phòng thủ bên Đen, bên Trắng công phá như sau.

Sách Cờ Tướng.Com

1. 馬4.3 將6.1.

2. 車3–2 士6/5.

3. 車2.2 將6.1.

4. 馬3/4 車9.3.

5. 馬4.2 車9–8.

6. 車2/2 卒9–5.

Nếu Đen 將6/1, thì 車2–4, 士5.6, 車4/3; 士4.5, 車4–1, 象3.5, 帥5–4, 士5.6, 車1.4, 士4/5, 車1.1, 將6/1, 車1–5: Trắng thắng.

7. 車2–4 將6–5.

8. 車4–5 將5–4.

Đến đây, bên Trắng có hai cách đánh thắng:

a) **9.** 車5–6 將4–5

10. 帥5–6 卒3.1.

11. 車6–5 將5–6.

12. 車5/3 卒3–4.

13. 帥6–5 將6/1.

14. 車5–4 士5.6.

15. 帥5–4 士4.5.

16. 車4–2 士5.4.

17. 車2.4 士4/5.

Sách Cờ Tướng .com

18. 車2.1 將6/1.

19. 車2–5 Trắng thắng.

b) **9.** 車5/3 將4/1.

10. 車5–8 卒3.1.

11. 帥5.1 卒3–4.

Nếu Đen 象1.3, 車3.5, 象4.1, 車8/2, 將4/1, 車8–6, 士5.4, 車6–7: Trắng thắng dễ.

12. 車8.5 將4.1.

13. 車8/4 將4/1.

14. 帥5–6 卒4.1.

Nếu Đen 車8–6, thì 仕5.4, 將5–6, 仕4.5, 車5–2.

15. 車8.5 將4.1.

16. 車8/5 卒4.1.

17. 帥6–5 將4/1.

18. 車8.5 將4.1.

19. 車8–7 卒4.1.

20. 帥5/1 卒4.1.

21. 帥5.1 卒4–3.

22. 車7/8 將4.1.

23. 車7.6.

Đến đây, Đen hết nước đi buộc phải tiến Tượng; Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng.Com

XẢO ĐOẠT TIÊN CƠ

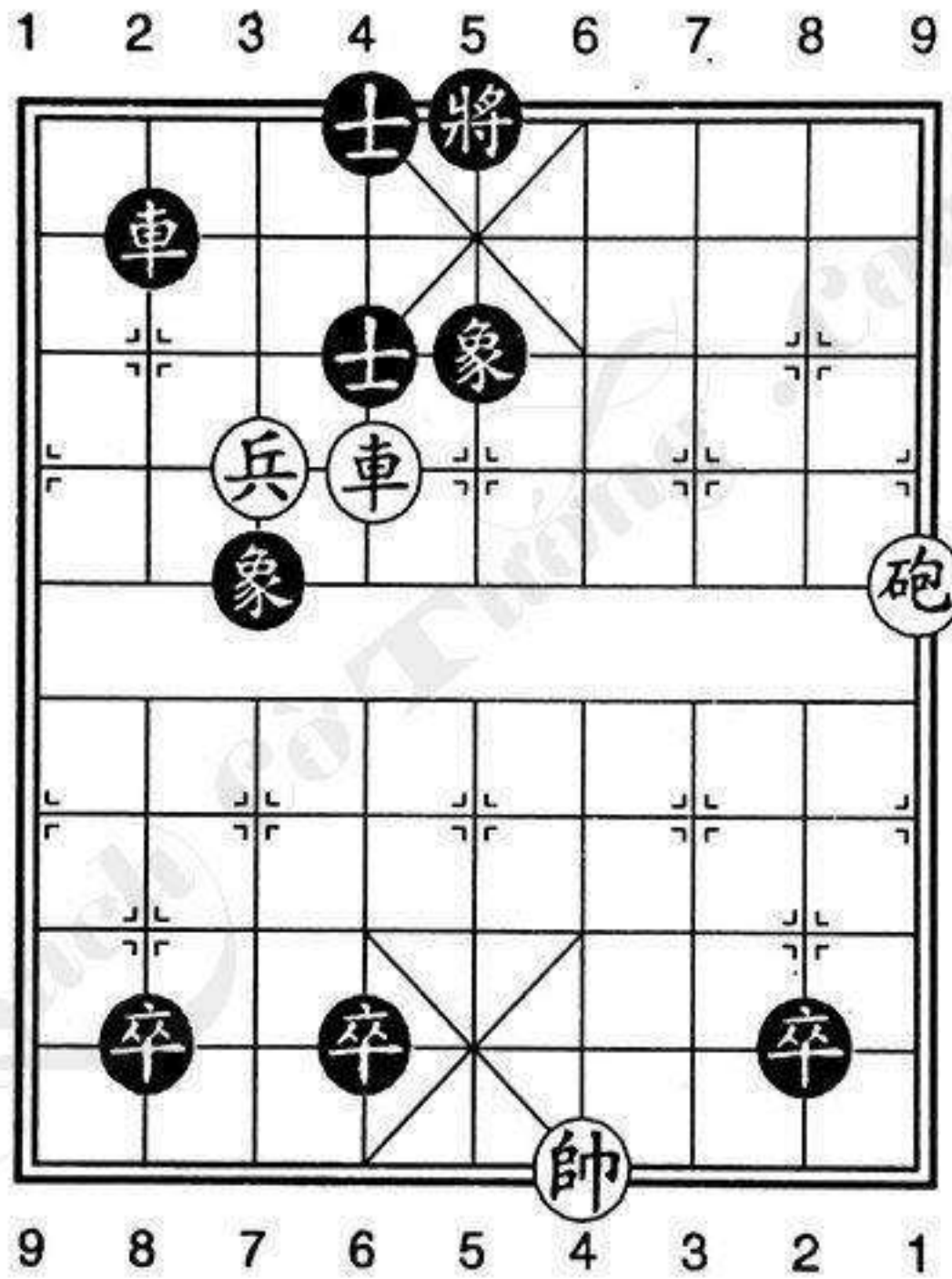

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 炮1–5 象5.7.

Nếu Đen 士4.5, thì 車6–2, 將5–4, 炮5–6, 將4–5, 車2.3, 士5/6, 車2–4, 將5.1, 車4/1. Đen mất Xe.

2. 車6–4 車2.4.

Sách Cờ Tướng .Com

Nếu ♟4–5, ♙7–6, ♚5.1, ♜4.2, ♚5/1, ♙6–5, ♞3/5, ♙5.1, ♝4.5, ♜4.1; Trắng thắng.

3. ♙7–6 ♜2–5.

4. ♜4/1.

Nếu Trắng ♜4.3, thì Đen ♚5.1, ♙6.1, ♜5/1, ♜4/1, ♚4/1, ♙6.1, ♜5.5, ♔4.1, ♟8–7; Đen thắng.

4. ..... ♟8–7.

5. ♙6–5 ♜5/1.

Nếu Đen ♚3/5, thì ♜4.4, ♚5.1, ♜4/1, ♚5/1, ♙5.1, ♜5/1, ♜4.1; Trắng thắng.

6. ♜4–5 ♟2–3.

7. ♙5–6 ♝4/5.

8. ♙6.1 ♞7/9.

Nếu Đen ♞3/5, thì ♙6–5, ♞7/5, ♜5.2, ♟3–2, ♜5–3, ♝5/6, ♜3/6, ♟2–3, ♔4.1; Trắng thắng.

9. ♙6.1 ♞3/1.

10. ♜5.2 ♞9.7.

11. ♜5–3 ♝5/6.

12. ♜3/2 ♝4.5.

13. ♜3/4.

Trắng thắng giống như ván 25.

Sách Cờ Tướng .Com

XE TỐT CÔNG SÁT TAM TỐT SĨ TƯỢNG TOÀN

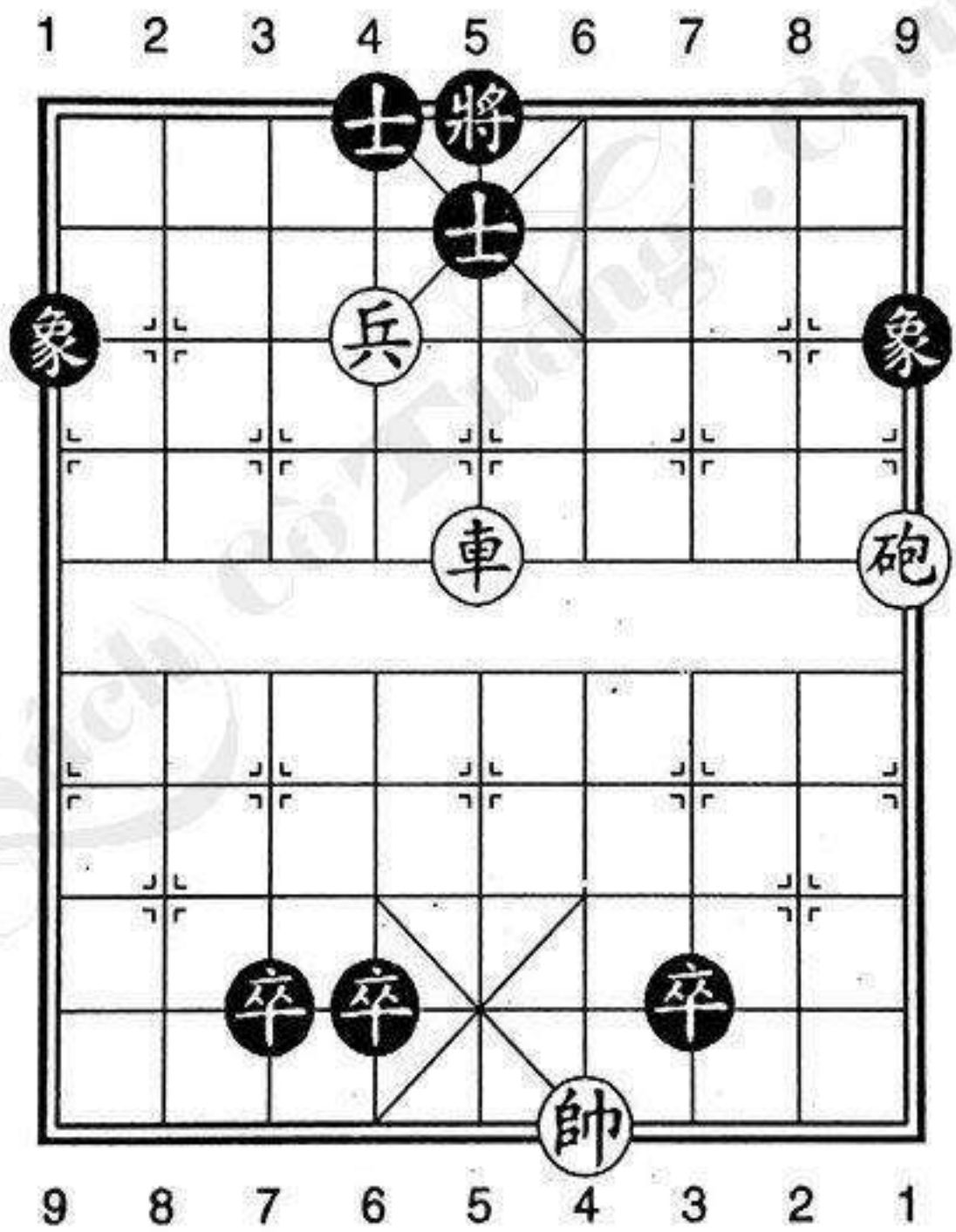

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 兵6.1.

Nếu Trắng 兵6–5, thì 象1/3, (thay vì thoái mà lại tiến:

Sách Cờ Tướng .Com

象1.3, 兵5–4, 象9.7, 車5–3, 卒4–5, 車3/4, 卒3–4, 兵4.1, 士5/6, 車3.4, 士4.5, 車3–7, Trắng thắng) 兵5–4, 象9.7, 車5–3, 卒4–5, 車3/4, 卒3–4, 兵4.1. 士5/6, 兵4.1, 將5.1, 車3.7, 將5.1, 車3/3, 士4.5, 車3.2, 士5.6, 車3–4, 將5/1, 車4/2, 象3.1, 車4–5, 將5–4, 兵4–5, 將4.1, 車5–6, 將4–5, 車6–9, 將5/1, 車9–5, 將5–4, 車5–6, 將4–5, 車6/2, 象1.3; Hòa.

1.	象1.3.
2. 車5/2	象9.7.
3. 車5–3	卒4–5.
4. 車3/2	卒3–4.
5. 車3.4	象3/5.
6. 車3–2	象5/7.
7. 車2.4	士5/6.
8. 車2–3	士4.5.
9. 車3/3.	

Đến đây nếu Đen đi 卒4.1, thì 兵6.1 chiếu Tướng, hễ 士5/4 sẽ 車3–5, còn 將5–4 tất nhiên 車3–6 chiếu Tướng ăn Tốt. Trắng thắng.

9.	士5/4.
10. 車3–5	士6.5.
11. 兵6.1	將5–4.
12. 車5.2	Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

PHÁO MÃ TRANH HÙNG

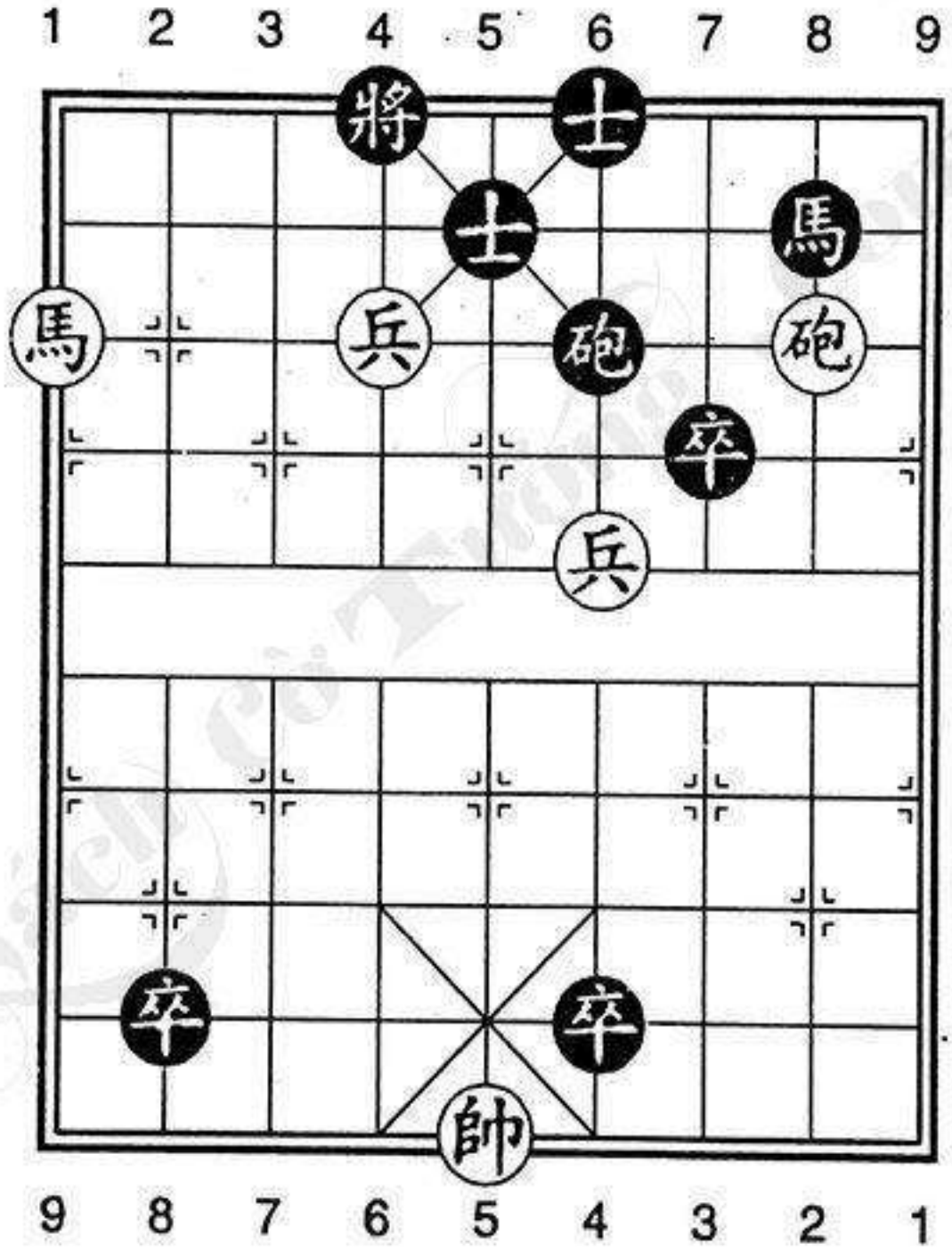

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 兵6.1.

Trắng bỏ Tốt tranh tiên là phương án chủ động tấn công sắc sảo. Nếu như Trắng đi 馬9/8, 士5.4, 炮2–6, 炮6–5, 炮6–9, 將4–5; Đen hơn quân chắc thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

1. ..... 將4.1.

2. 馬9.8 將4/1.

3. 馬8/7 將4.1.

4. 炮2–1 士5.4.

Nếu Đen 炮6–7, thì 馬7.8, 將4/1, 炮1.2, 炮7/2, 炮1/5, 炮7.2, 炮1–9, 炮7–1, 馬8/9, 馬8.6, 馬9.8; Trắng thắng.

5. 炮1.1 士6.5.

Nếu Đen

a) 馬8.9, 馬7.8, 將4/1, 炮1–9; Trắng thắng.

b) 士4/5, 馬7.8, 將4.1, 炮1/1, 炮6/1, 兵4.1, 卒2–3, 兵4.1; Trắng thắng.

6. 炮1/5 士5/6.

7. 馬7.8 將4/1.

8. 炮1–9.

Đen vô phương chống đỡ, Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

THẤT BỬU BỐ THÍ

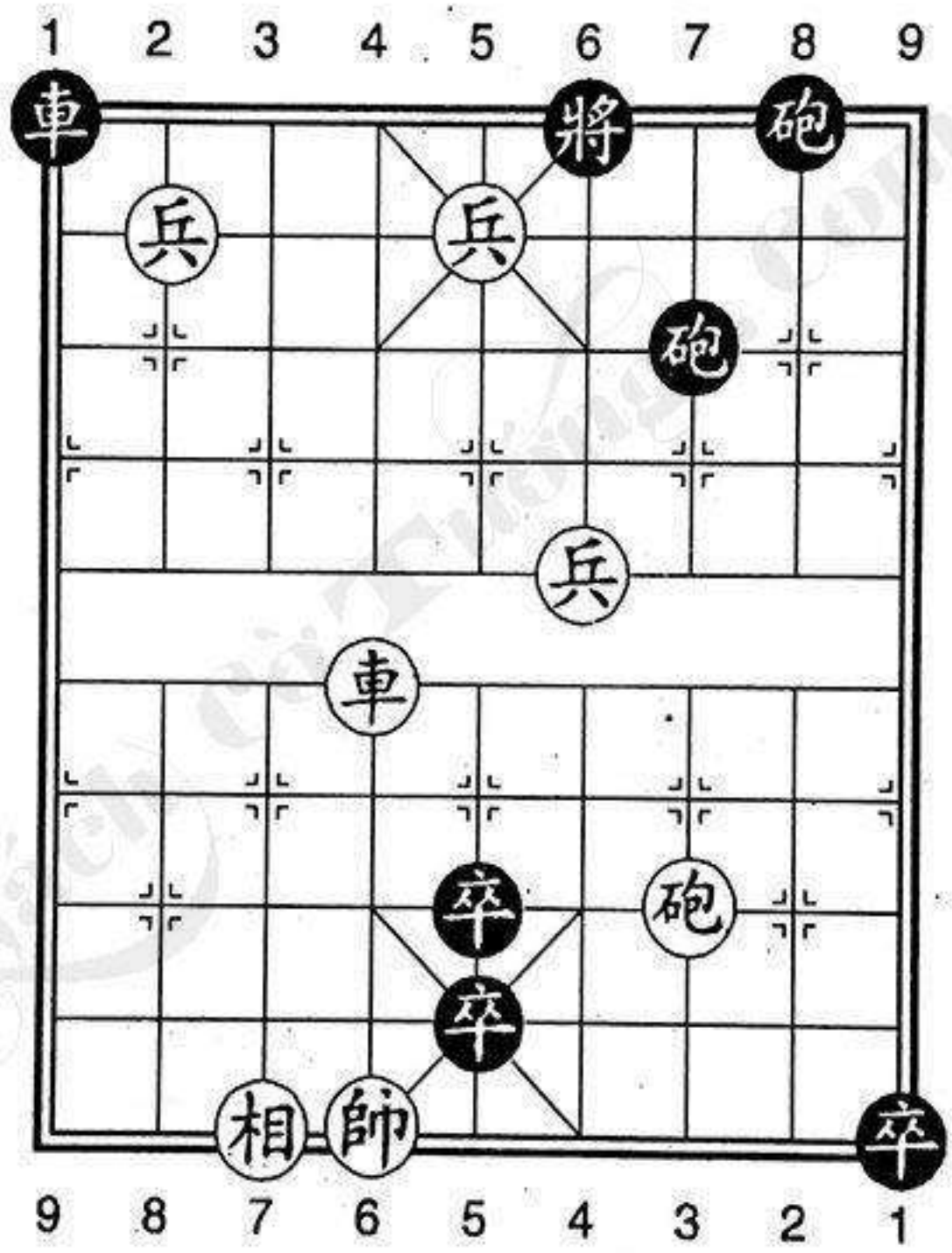

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 炮3.1 卒s–4.

Đen có 2 cách đối phó khác đều thua như sau:

a) 車1.6, 車6.2, 炮7–6, 炮3.6; Trắng thắng.

SachCoTuong.com

b) 車1–4, 兵5–6, 車4–3, (nếu 車4.1, 車6.4, 卒s–6, 車6–5, 卒6.1, 兵4.1, 炮8–9, 炮3–4, 炮7–6, 兵4.1; Trắng thắng)兵8–7, 車3.1, 兵6–7, 卒s–6, 兵4.1, 炮7/1, 兵4.1, 卒6.1, 炮3–4, 炮7–6, 車6.4, 將6–5, 兵4.1, Trắng thắng.

2. 炮3–4 炮7–6.

3. 兵4–5 炮6–4.

4. 兵5–4 炮4–6.

5. 兵4.1 卒4.1.

6. 車6/3 卒5–4.

7. 帥6–5.

Trong cuốn: "Tượng kỳ tàn cuộc tân phổ" đã sai lầm khi đi nước này là 將6.1 nên mất cơ hội thắng. Đen sẽ đi 車1.6, 兵4.1, 車1–6, 兵4.1, 車6/5, 兵5–4, 將6.1: Hòa cuộc.

7. ..... 卒4–5.

8. 帥5.1 車1.6.

9. 兵4.1 車1–6.

10. 兵5–4; Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

DI LAN THÔNG ĐỒ

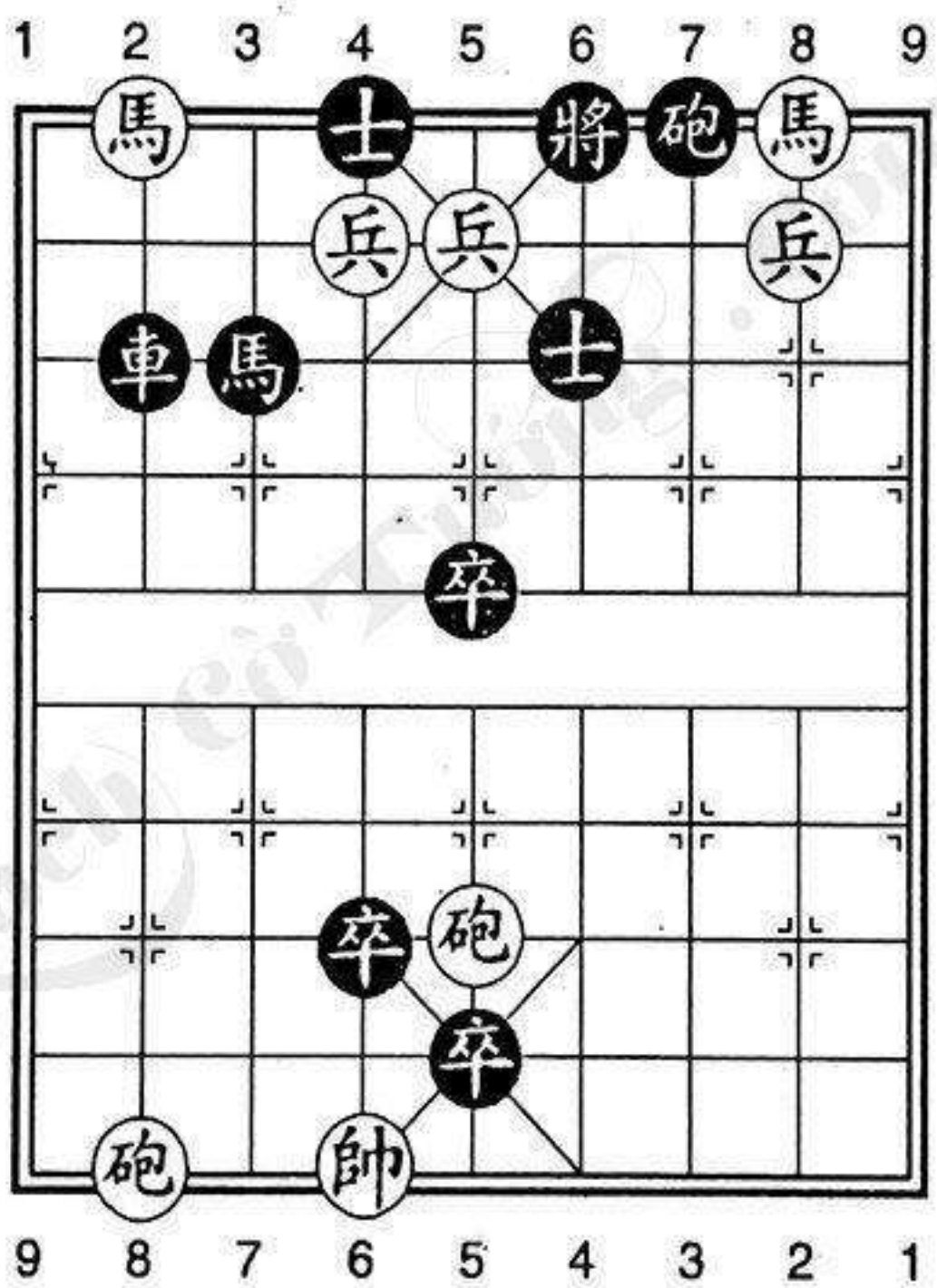

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 兵5–4	將6.1.
2. 兵2–3	將6/1.
3. 兵3.1	將6.1.

Sách Cờ Tướng.com

4. 兵3–4 將6/1.

5. 馬2/3 將6.1.

6. 炮5–4 士6/5.

7. 馬3/4 士5.6.

8. 馬4/2 士6/5.

9. 馬2/4 士5.6.

10. 馬4/6 士6/5.

11. 馬6.4 士5.6.

12. 馬4.5 士6/5.

13. 馬5/4 士5.6.

14. 馬4.2 士6/5.

15. 馬2.4 士5.6.

16. 兵6–5 將6–5.

17. 馬4.6 將5/1.

Nếu Đen 將5.1, Trắng cũng tiếp tục 馬6.7 như kế hoạch đã vạch sẵn.

18. 馬6.7 將5.1.

19. 馬8/7 車2–3.

20. 炮8.8 Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

NGỌA LONG ĐIẾU TANG

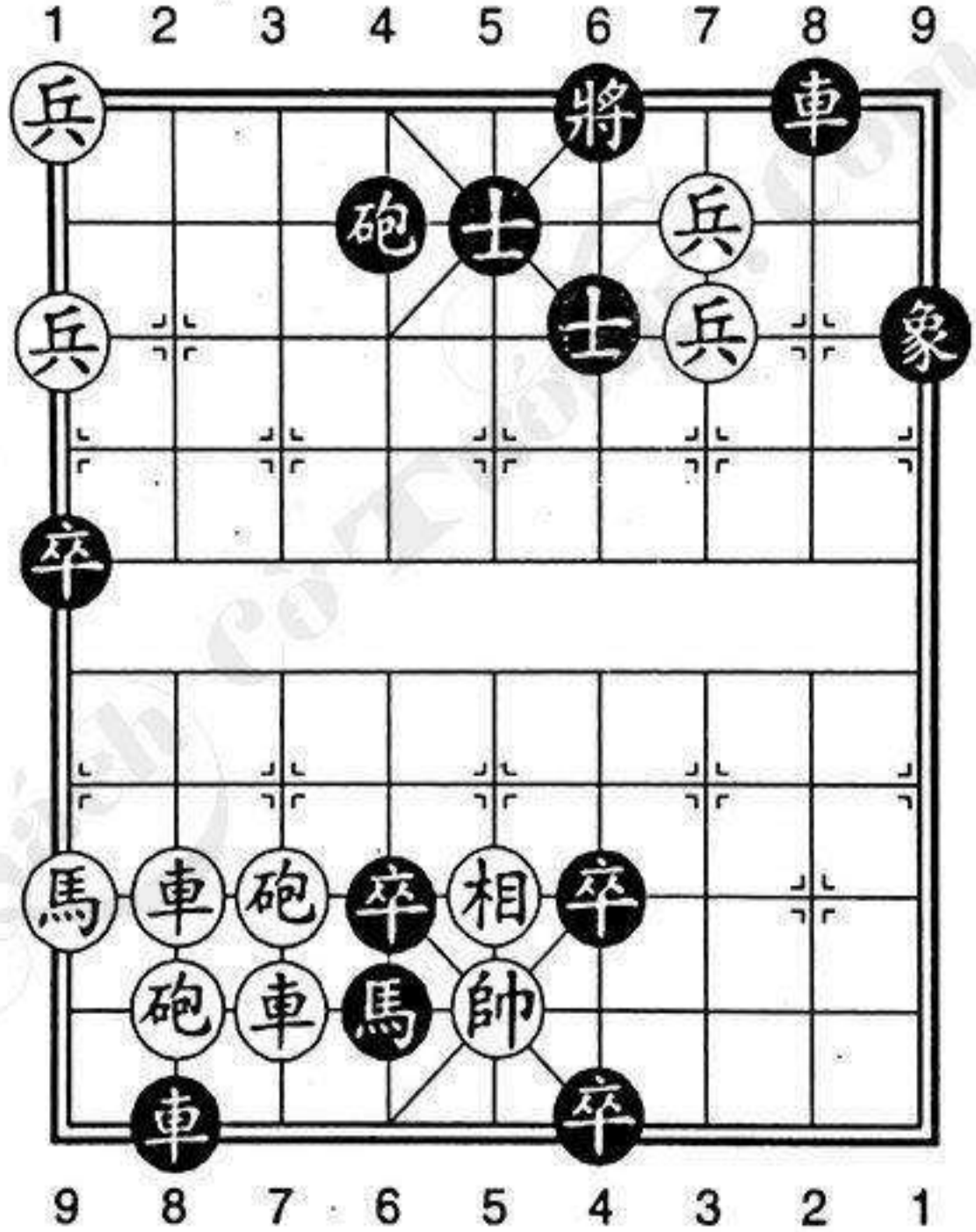

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 車8.7	炮4/1.
2. 車8–6	士5/4.
3. 炮7.7	士4.5.

Sách Cờ Tướng.Com

4. 炮8.8	車2/9.
5. 炮7–2	卒4–5.
6. 帥5–6	車2–4.
7. 炮2–6	卒s.1.
8. 帥6/1	卒s–5.
9. 車7–5	卒5.1.
10. 馬9/7	士5/4.
11. 兵s–4	卒1.1.
12. 兵3–4	將6–5.
13. 兵t–8	象9.7.
14. 兵8–7	士4.5.
15. 兵9–8	卒1–2.
16. 兵8–7	卒2–3.
17. 兵s.1	卒3–4.
18. 兵s–6.	

Đen vô phương chống đỡ, Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

LẠP CHÚC KHINH YÊN

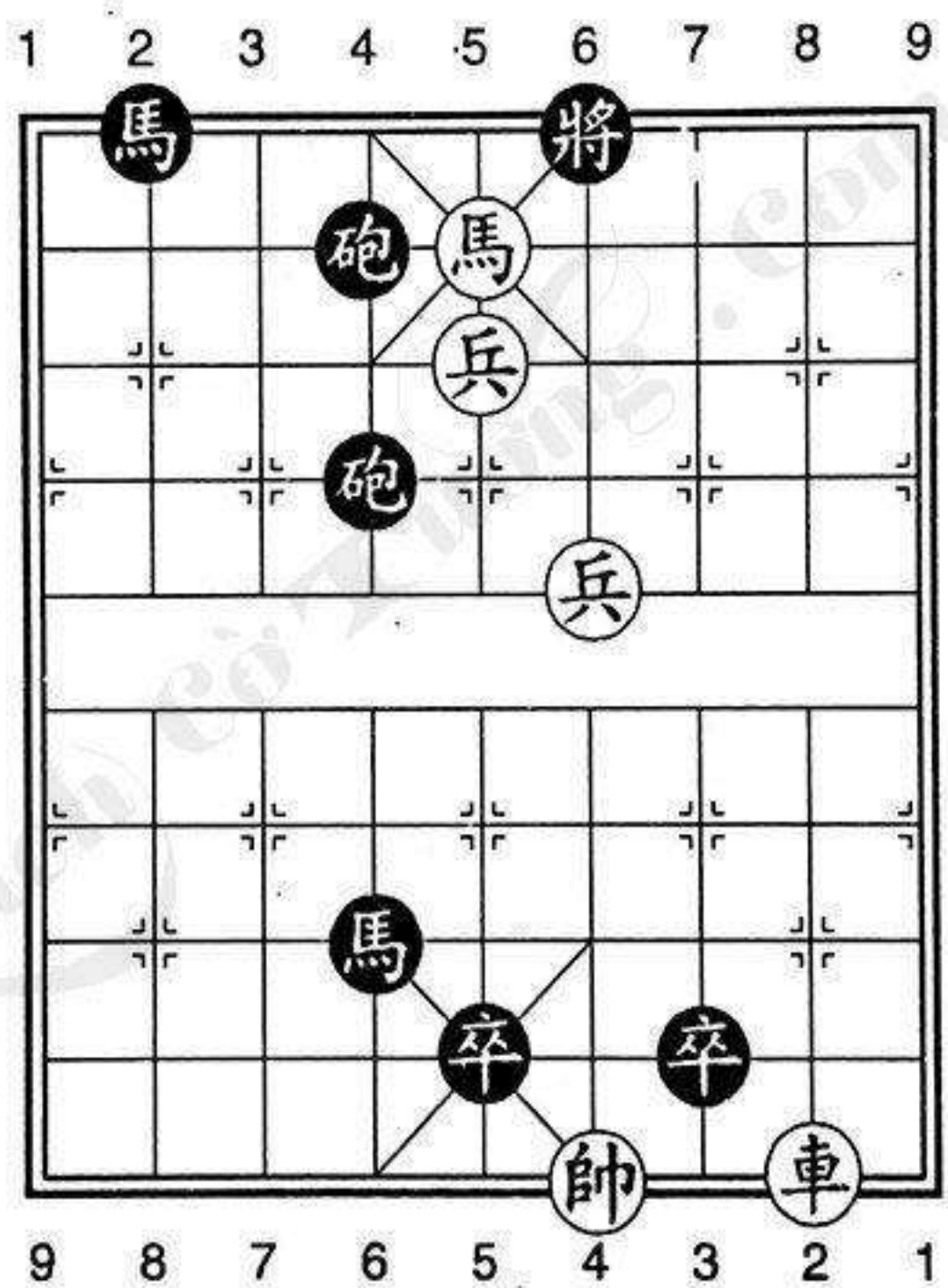

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 車2.9	將6.1.
2. 車2/1	將6/1.
3. 馬5/3	炮s–7.

Sách Cờ Tướng .Com

4. 車2.1 將6.1.

5. 兵5.1 將6.1.

Nếu Đen đi 炮7–5, tất nhiên Trắng 車2–4, chiếu bí.

6. 兵4.1 將6–5.

7. 兵4–5 將5–4.

8. 兵5–6 將4–5.

9. 兵6–5 將5–4.

10. 車2–6 馬2.4.

11. 兵s–6 將4–5.

12. 馬3/4 將5/1.

13. 馬4.3 將5.1.

14. 車6–5 炮7–5.

15. 車5/1 (hoặc 馬3.4)

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

ĐƠN MÃ KÌNH CÔNG

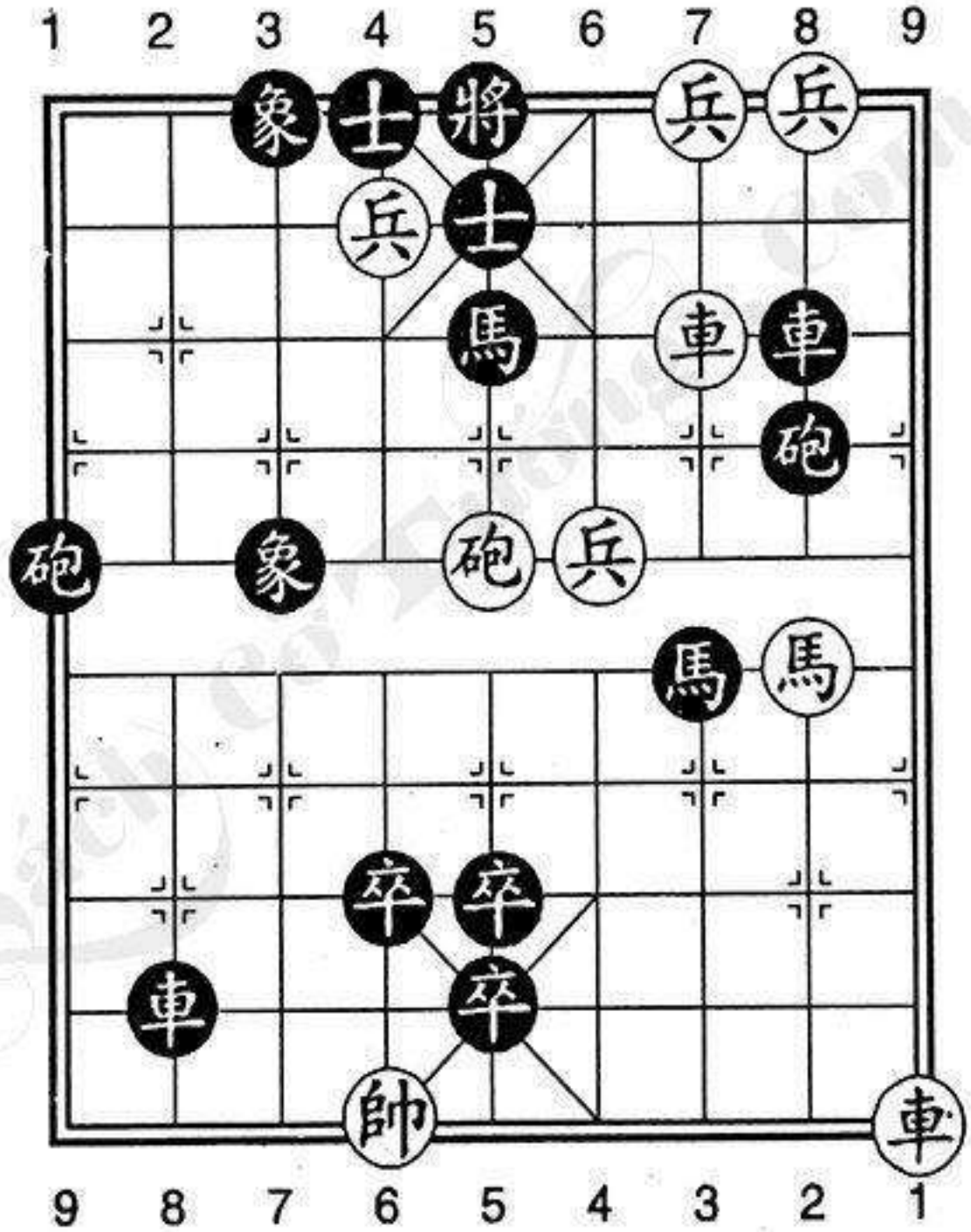

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng

1. 兵3–4 將5–6.

2. 兵2–3 將6–5.

3. 兵3–4 將5–6.

Sách Cờ Tướng.Com

4. 車1.9	將6.1.
5. 兵6–5	士4.5.
6. 車1/1	馬5/7.
7. 車3.1	將6.1.
8. 車3–4	將6–5.
9. 車4–5	將5–4.
10. 車5–6	將4–5.
11. 馬2.3	馬7/6.
12. 炮5/4	卒5.1.
13. 車1–5	將5–6.
14. 兵4.1	炮8–6.
15. 車6/1	象3/5.
16. 車6–5	象3.5.
17. 車5–4	炮6/2.
18. 馬3/5.	

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng.Com

KHAI MÔN KIẾN SƠN

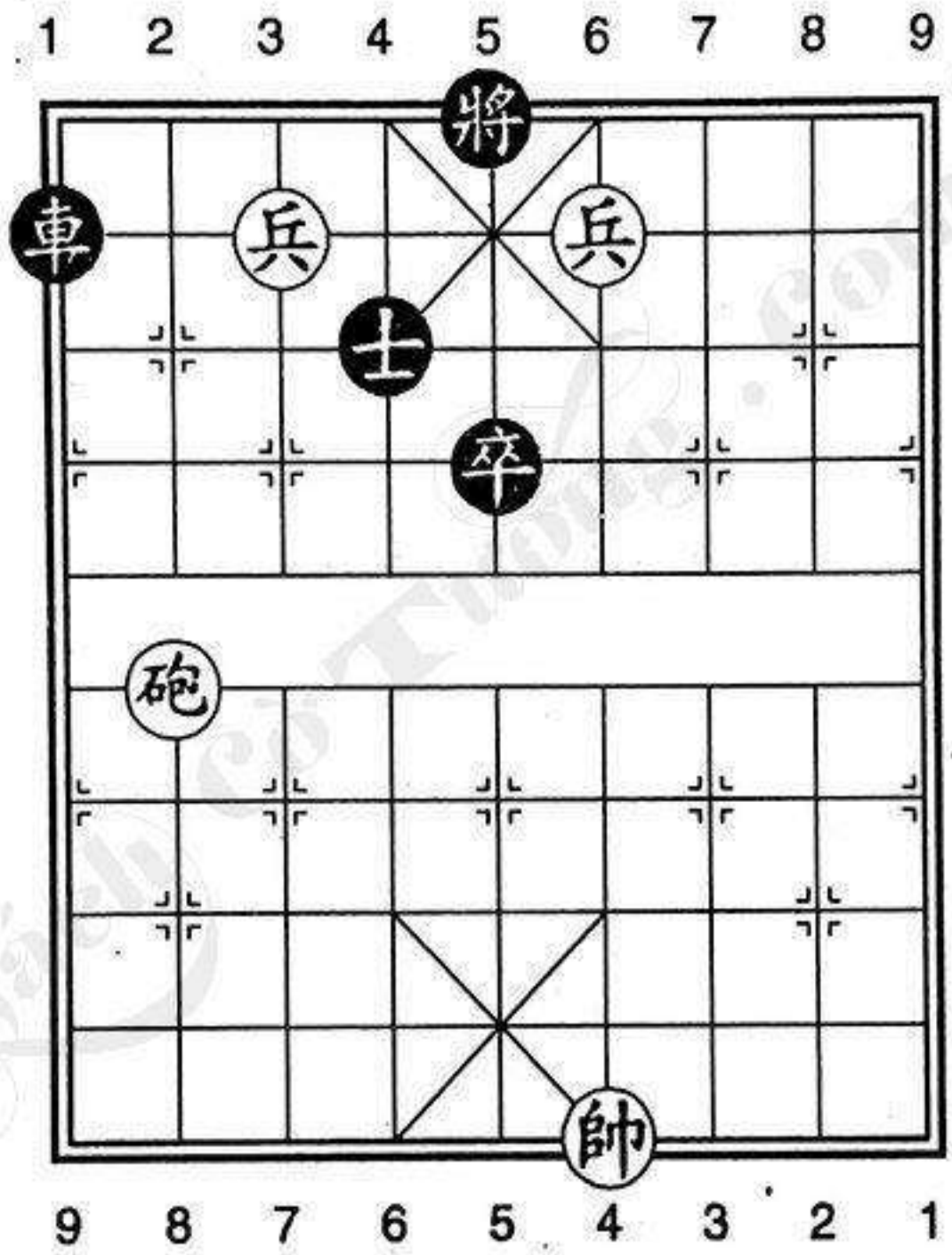

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 兵7–6 車1–4.

2. 兵4.1 將5–4.

Đen không thể đi 將5.1 được vì sau đó sẽ bị Trắng đi 炮8–5 chiếu bí.

Sách Cờ Tướng.com

3. 炮8–6 卒5.1.

4. 帥4–5 卒5.1.

5. 帥5.1 卒5.1.

Tốt Đen không thể bình 4 ăn Pháo vì Trắng sẽ 兵4–5 chiếu bí.

6. 炮6.2 卒5–4.

7. 兵4–5 Trắng thắng.

XE PHÁO TINH XẢO DIỆU DỤNG

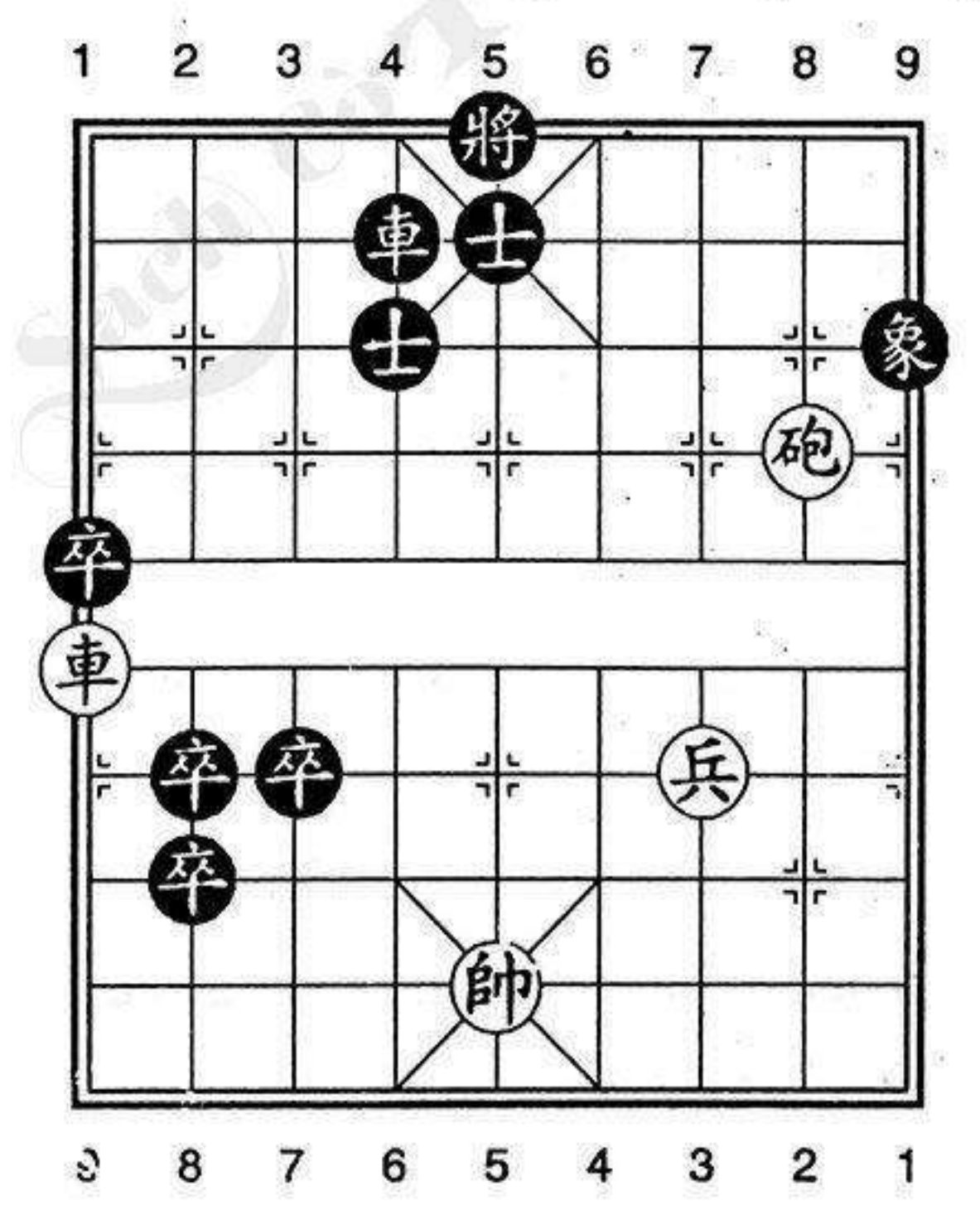

Sách Cờ Tướng.Com

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 車9–7

Nước đi chính xác không ăn Tốt mà di chuyển đến vị trí khống chế không cho Xe Đen hoạt động và lại có ý đồ bình Pháo sang đường 6 bắt chết Xe.

1. ..... 將5–6.

2. 車7–4 將6–5.

Nếu Đen 士5.6, thì 炮2–4, 士6/5, 炮4–6. Đen mất Xe.

3. 炮2.2 車4/1.

4. 帥5–4

Xuất Tướng hỗ trợ Xe sẵn sàng đưa Pháo bắt chết Xe, nếu Đen đi 車4–3, thì 炮2.1 dọa 車4.5 chiếu bí, Đen mất Xe.

4. ..... 士5.6.

5. 車4–3 將5.1.

Nếu 士4/5, thì, 帥4–5, 將5–6: Trắng thắng như bài giải cục chính.

6. 車3.4 將5.1.

7. 炮2/1 士6/5.

8. 車3/1 士5.6.

9. 車3/1 將5/1.

10. 車3.2 將5/1.

Sách Cờ Tướng.com

11. 炮2.2 士4/5.

12. 帥4–5 將5–6.

13. 車3.1 將6.1.

14. 炮2/8 車4.7.

15. 炮2–4 車4–6.

16. 車3/1 將6/1.

17. 車3–5 象9.7.

Nếu 車6.1, 相5.4: Đen vẫn không thể ăn được Xe Trắng.

18. 車5/6 車6/1.

19. 兵3.1 卒t–3.

20. 兵3.1 卒t.1.

21. 車5–6.

Tướng và Xe Đen bị giữ chặt không thể di chuyển khỏi đường 6, Tốt bị vô hiệu hóa bởi Xe Trắng, giờ đây Trắng ung dung đưa Tốt 3 tới chiếu bí giành thắng lợi hoặc thắng nhanh chóng hơn với nước 車6.5 bắt Sĩ.

Sách Cờ Tướng .Com

TINH BINH KHỔN TƯỚNG

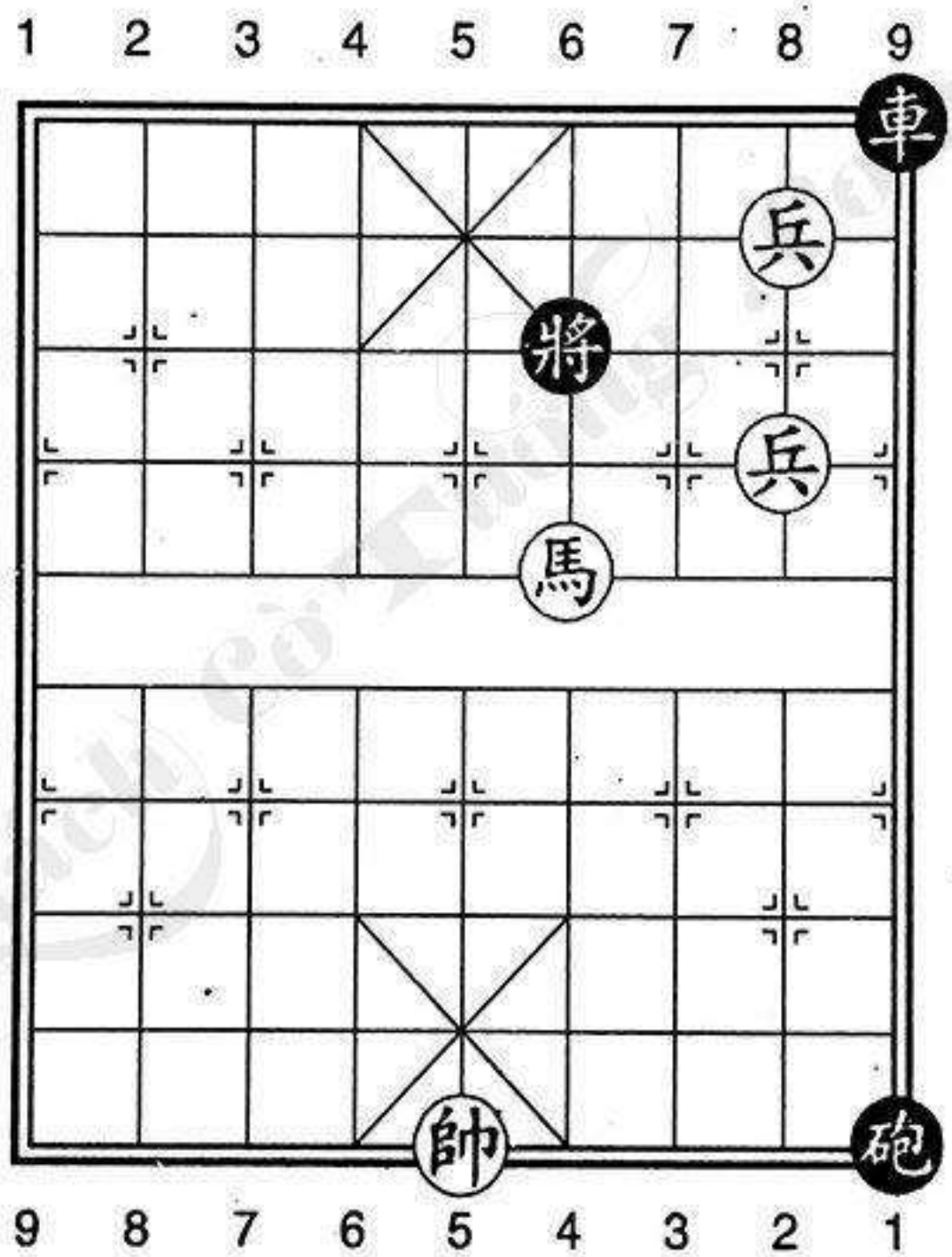

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. Ⓜ4.6	ⓑ6/1.
2. Ⓑt–3	ⓑ6/1.
3. Ⓜ6.4	ⓟ9/8.

Sách Cờ Tướng .Com

4. 兵2.1 車9–5.

5. 馬4/3 炮9.5.

Nếu Đen 車8–9, thì Trắng 兵2–3, 炮9.5, 兵t–4, 將6.1, 兵3.1, 將6/1, 馬3.2: Đen buộc mất Xe, Trắng thắng.

6. 兵2.1 車8–9.

7. 兵3–4 將6.1.

8. 兵2–3 將6/1.

9. 馬3.2 炮9–5.

Nếu Đen 車9.1, tất nhiên Trắng sẽ 兵3.1 chiếu bí.

10. 馬2.1 將6–5.

11. 兵3–4 將5–4.

12. 兵4–5 炮5/4.

13. 馬1/2 炮5.4.

14. 馬2.3 炮5/3.

15. 馬3/4 炮5/1.

16. 帥5.1.

Đen hết quân đi buộc phải bỏ Pháo, Trắng 兵5–6 hoặc 兵5.1 đều chiếu bí. Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

TẬN TRUNG BÁO QUỐC (1)

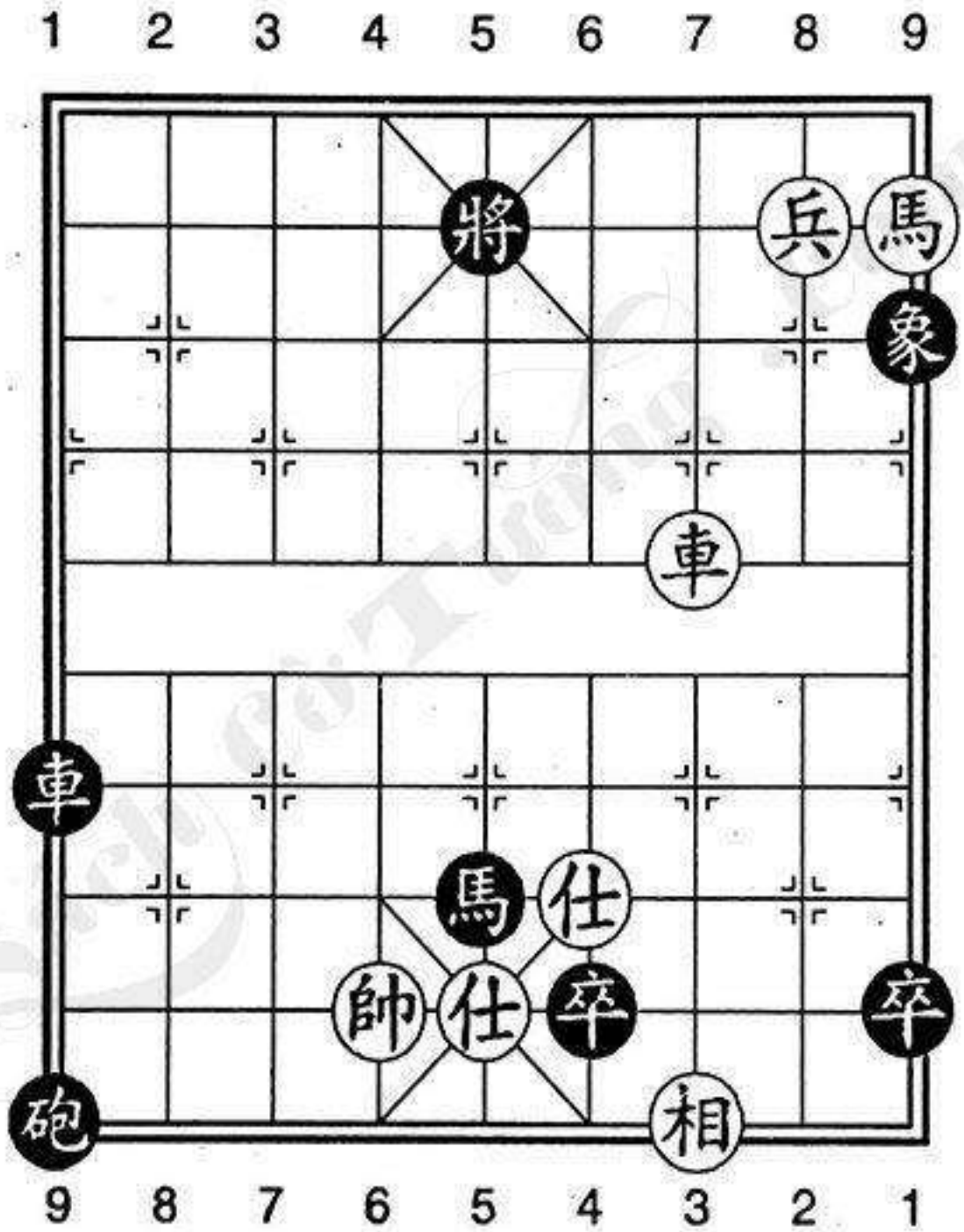

Phá giải: Trắng đi trước – Hòa.

1. 車3–5 將5–6.

---

(1) Đây là ván thứ 22 trong tập "Thất Tinh Phổ" nhưng do bố trí hình sai không thể chơi hòa. Ván này là ván sửa chữa, cải tiến.

Sách Cờ Tướng .Com

2. 車5/3

Nếu Trắng đổi lại bằng 兵2–3, 將6.1: Đây là sai lầm nghiêm trọng dẫn đến thắng lợi của bên Đen, đến đây Trắng có 3 cách đi đều thua:

a) 車5–7, 馬5/3, 帥6/1, 馬3.2, 車7/4, (nếu 帥6–5, 車1–3 buộc đổi Xe, Đen thắng) 馬2/3, 相3.1, 車1–2, 車7.1, 車2.3, 帥6.1, 車2–3: Trắng mất Xe, Đen thắng.

b) 車5–2, 馬5/3, 帥6/1, 馬3.2, 帥6–5, 卒6.1; 仕5/4, (帥5–4, tất nhiên 馬2.4 chiếu bí) 馬2/4, 帥5.1, 馬4.3, 帥5–4, 車1.2, 仕4.5, 車2–5: Đen thắng.

c) 車5/3, 車1.2, 帥6.1, (帥6.1, 車1/1, 帥6/1, 車1–5 ăn Xe), 炮1–7, 帥6–5, 炮7–9, 仕5/6, 卒6.1, 帥5–4, 卒9–8, 車5/1 (仕6.5, 車1.1, 帥4.1, 卒8–7, Đen thắng), 車1–5, 仕6.5, 炮9/8, 兵3–2, 炮9/1: Đen còn Pháo Tốt đủ sức công phá, thắng cuộc.

2.	車1.2.
3. 帥6/1	炮1–7.
4. 帥6–5	炮7–9.
5. 仕5/6	卒6.1.
6. 帥5–4	卒9–8.
7. 車5/1	車1–5.
8. 仕6.5	炮8/8.
9. 兵2–1	Hòa cuộc.

Sách Cờ Tướng .Com

NGUYỆT LUNG KINH SA

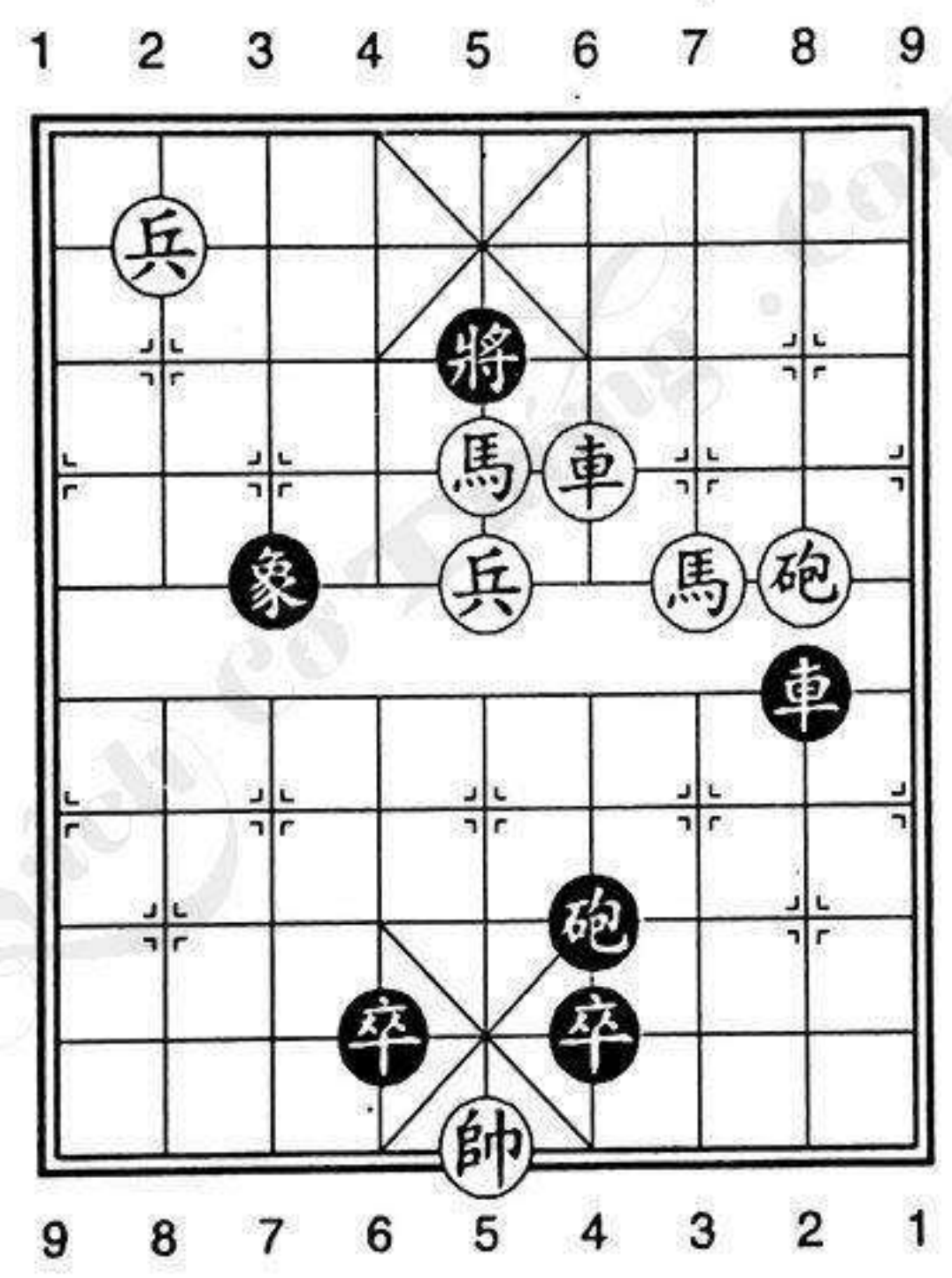

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 車4.1	將5/1.
2. 馬5.7	將5/1.
3. 車4–5	將5–6.

Sách Cờ Tướng .com

Nếu Đen 象3/5, 馬3.4, 將5–6, 炮2–4, Trắng thắng.

4. 車5.2 將6.1.

Nếu Đen đi 將6–5 vẫn thua bởi Trắng đi nước 馬3.4 rồi 炮2–4 chiếu bí.

5. 馬7/5 象3/5.

6. 馬3.2 將6.1.

7. 馬5/3 象5.7.

8. 馬2/3 將6/1.

9. 馬3.2 將6.1.

10. 車5/2 將6–5.

11. 兵5.1 將5/1.

12. 炮2–5 將5–4.

13. 兵8–7 將4/1.

14. 馬2.4.

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng.Com

KIỀU THỦ VỌNG GIAI ÂM

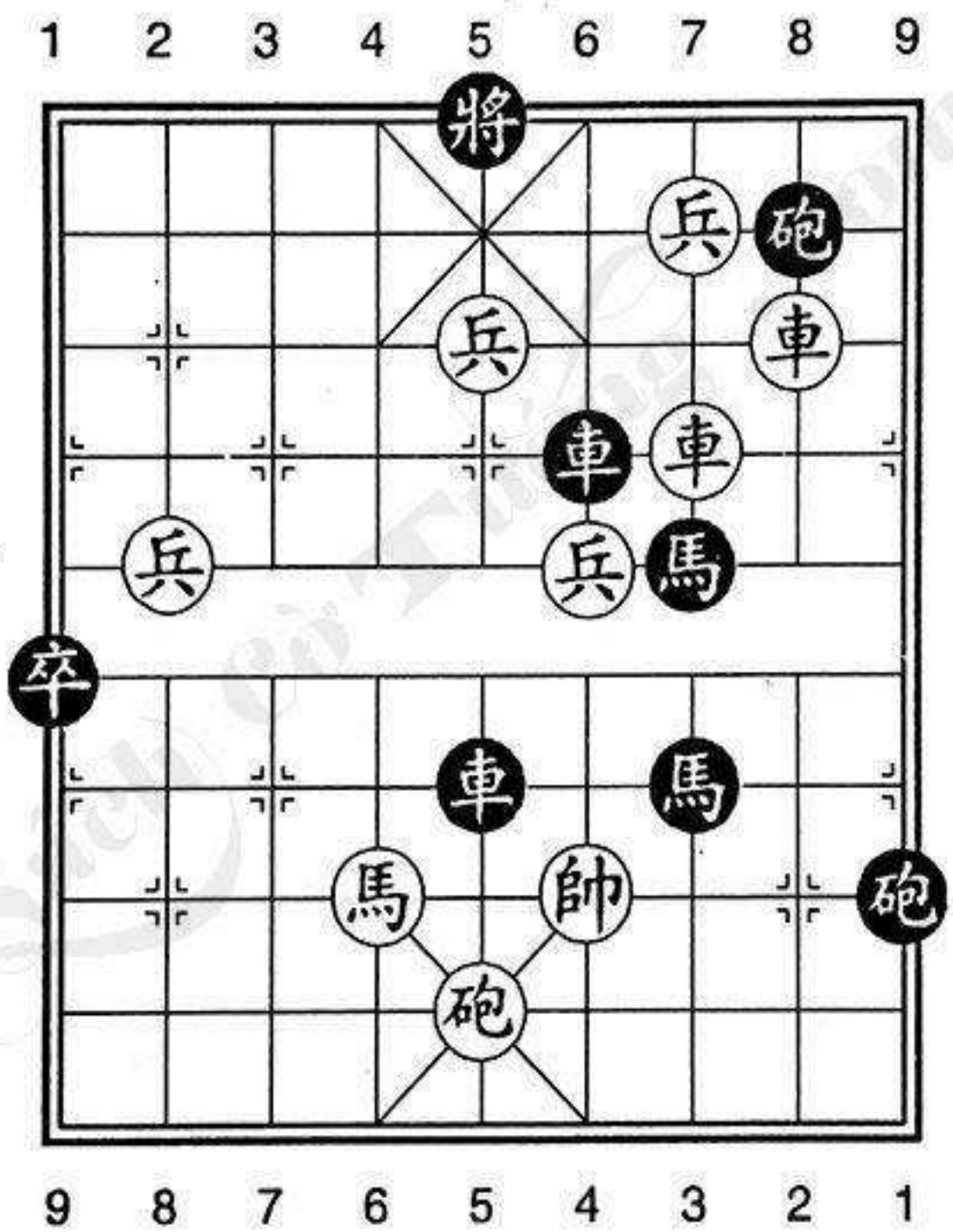

Phá giải: Trắng đi trước – Hòa.

1. 兵5.1	炮8–5.
2. 車2.2	車6/3.
3. 車2–4	將5–6.

Sách Cờ Tướng.Com

4. 兵3–4 將6.1.

5. 車3–4 馬s/6.

6. 車4.1 將6.1.

7. 兵4.1 將6/1.

8. 兵4.1 將6/1.

9. 兵4.1 將6–5.

10. 兵4–5 將5–4.

11. 炮5–6 車5–4.

12. 炮6.2 馬7/5.

13. 帥4–5 炮9–4.

14. 兵8.1 馬5/6.

Nếu Đen 炮4–2, 兵8–7, 炮2/2, 兵7–6, 炮2–4, 兵6.1: Trắng thắng.

15. 兵5–4 馬6.5.

16. 兵8–7 將4–5.

17. 炮6–5 馬5/6.

Nếu Đen 將5–4, thì 兵7.1, 馬5/6, 炮5–6, Trắng thắng.

18. 帥5–6 馬6/8.

19. 兵4–3 將5.1.

20. 兵7–6 將5.1.

Sách Cờ Tướng .Com

Nếu Đen đổi lại 將5–4, thì 帥6–5, 將4–5, 兵6–5, 將5–4, 炮5–1, 馬8.9, 兵5–6, 馬9.8, 炮1.5, 將4/1, 兵6.1, 馬8/6, 帥5/1, 馬6/5, 炮1/7: Trắng thắng.

21. 兵6–5	將5–6.
22. 炮5.2	馬8.7.
23. 炮5–4	馬7.6.
24. 帥6/1	馬6/4.
25. 炮4–6	馬4.3.
26. 帥6.1	馬3/4.
27. 帥6/1	馬4.3.

Hòa cuộc.

Sách Cờ Tướng.Com

XUÂN PHONG GIẢI ĐÔNG

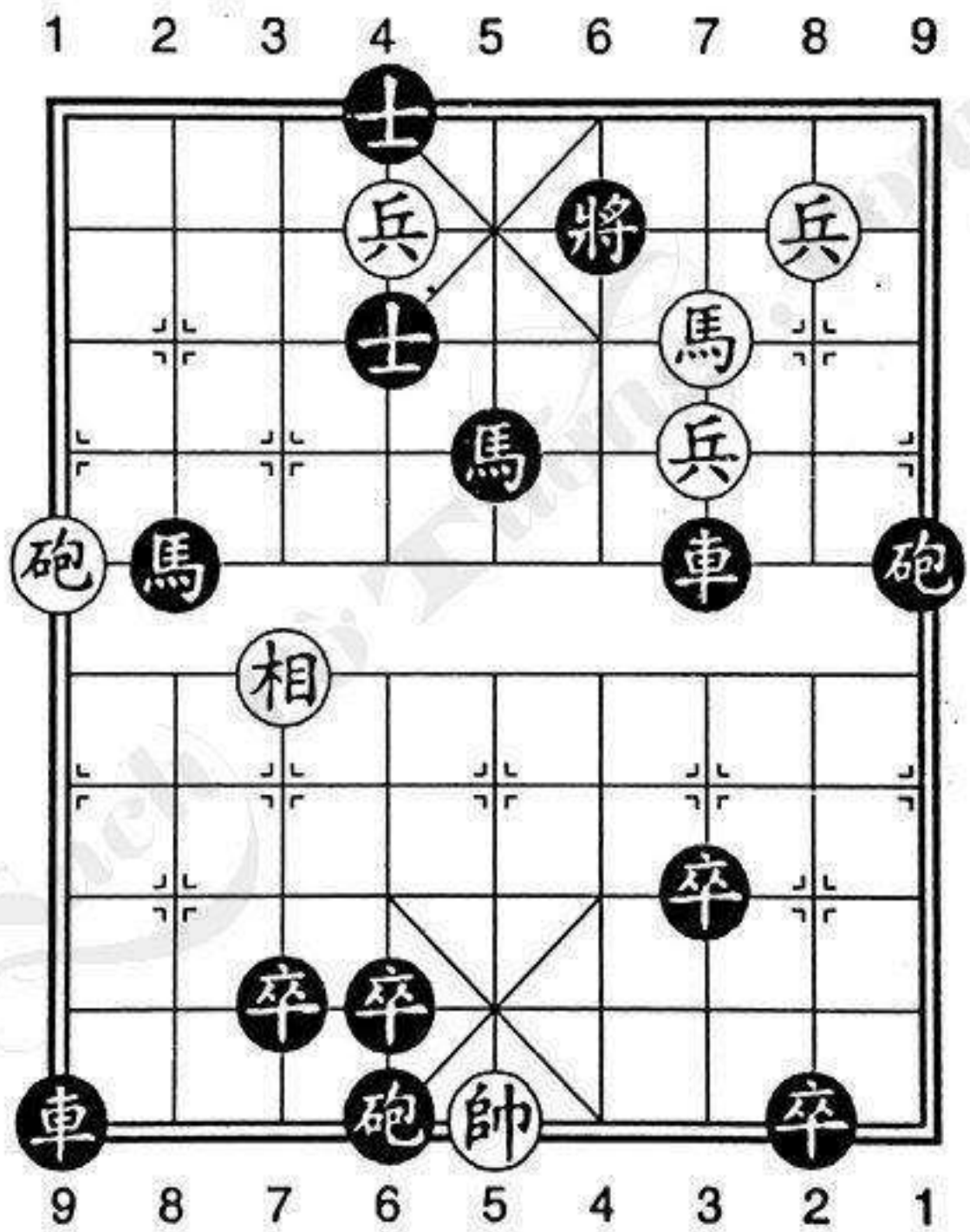

Phá giải: Trắng đi trước – Hòa.

1. 兵2–3	將6/1.
2. 兵t.1	將6.1.
3. 馬3/5	將6.1.

Sách Cờ Tướng .Com

4. 兵s–4 將6–5.

5. 兵4.1 將5–6.

6. 馬5/3 將6/1.

7. 馬3.2 將6.1.

8. 炮9–1 卒4–5.

9. 帥5.1 卒3–4.

10. 帥5/1 卒4–5.

11. 帥5.1 車1/1.

12. 帥5/1 車1–9.

13. 馬2/3 將6/1.

14. 炮1–8 車9–2.

Nếu như Đen 炮4/8, thì Trắng 馬3.2, 將6.1, 馬2/4, 車9/4, 炮8.2, 士4/5, 馬4.6: Trắng thắng.

15. 炮8–7 炮4–3.

16. 相7/9 車2–3.

17. 相9/7 車3.1.

18. 帥5.1 卒7–6.

Tất nhiên Đen không thể 車3/5 ăn Pháo được vì sẽ bị Trắng 馬3.5 chiếu Tướng ăn Xe, Trắng thắng.

19. 炮7.3 車3/8.

20. 兵6–7 士.5.

Hòa cuộc.

Sách Cờ Tướng.Com

NHUẬN HOA TRỨ QUẢ

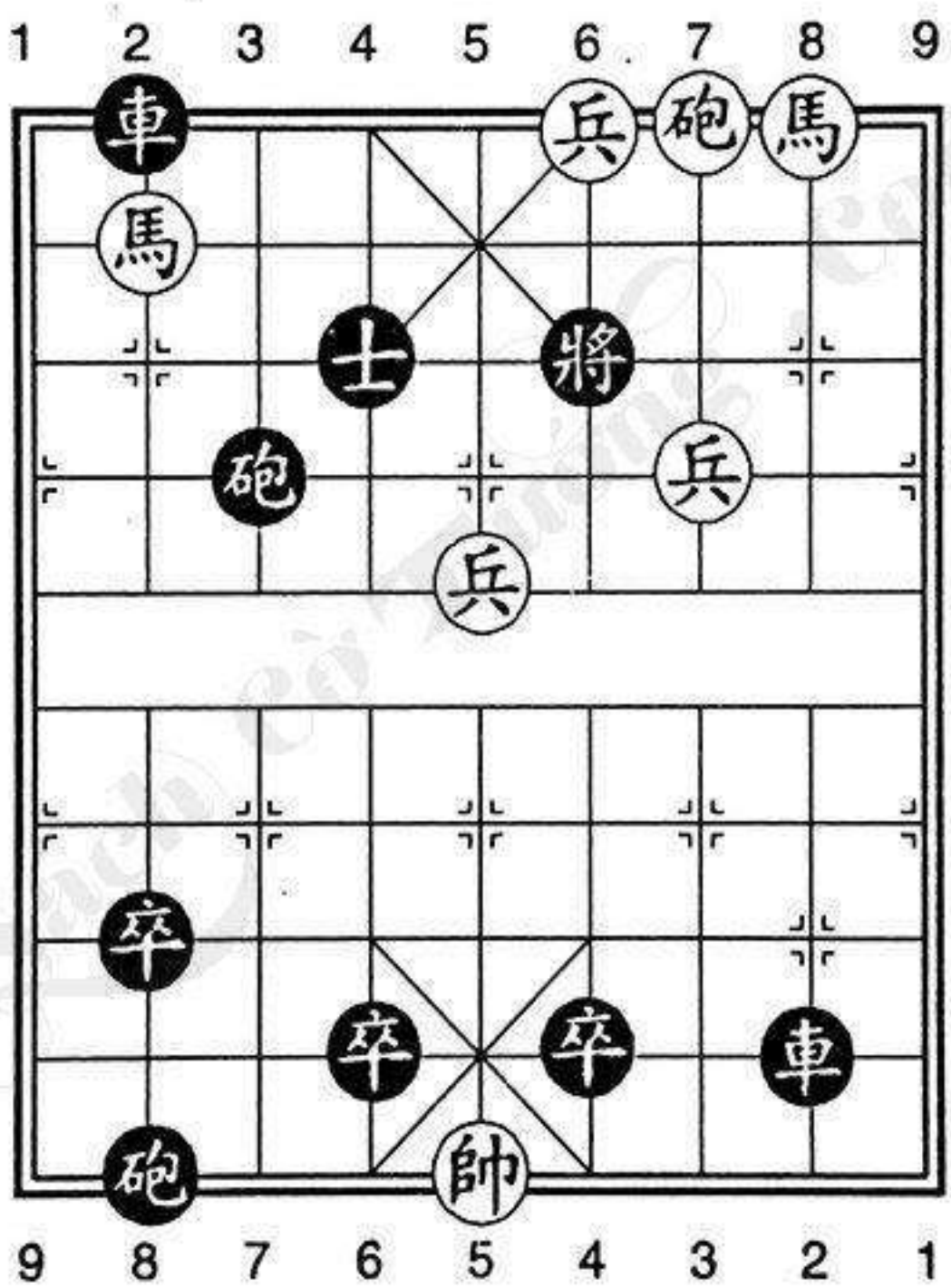

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 兵3–4	將6/1.
2. 炮3/7	車8/8.
3. 炮3–4	將6–5.

Sách Cờ Tướng.Com

4. 炮4–5	將5–4.
5. 馬8/7	將4/1.
6. 炮5–6	士4/5.
7. 馬7/6	士5.4.
8. 馬6.8	士4/5.
9. 兵5–6	士5.4.
10. 兵6–7	士4/5.
11. 馬8.7	將4.1.
12. 馬7/6	士5.4.
13. 馬6/4	士4/5.
14. 馬4/6	士5.4.
15. 馬6/8	士4/5.
16. 馬8.6	士5.4.
17. 馬6.8	士4/5.
18. 馬8.6	士5.4.
19. 馬6.7	士4/5.
20. 馬7.8	將4/1.
21. 馬8/7	將4.1.
22. 馬7/6	士5.4.
23. 馬6/4	士4/5.
24. 馬4/6	士5.4.

SáchCờTướng.Com

25. 馬6.8	士4/5.
26. 馬8.7	將4/1.
27. 馬7.8	將4.1.
28. 馬8/6	將4.1.
29. 兵7–6	Trắng thắng.

TÁ MÃ XỬ PHÁO

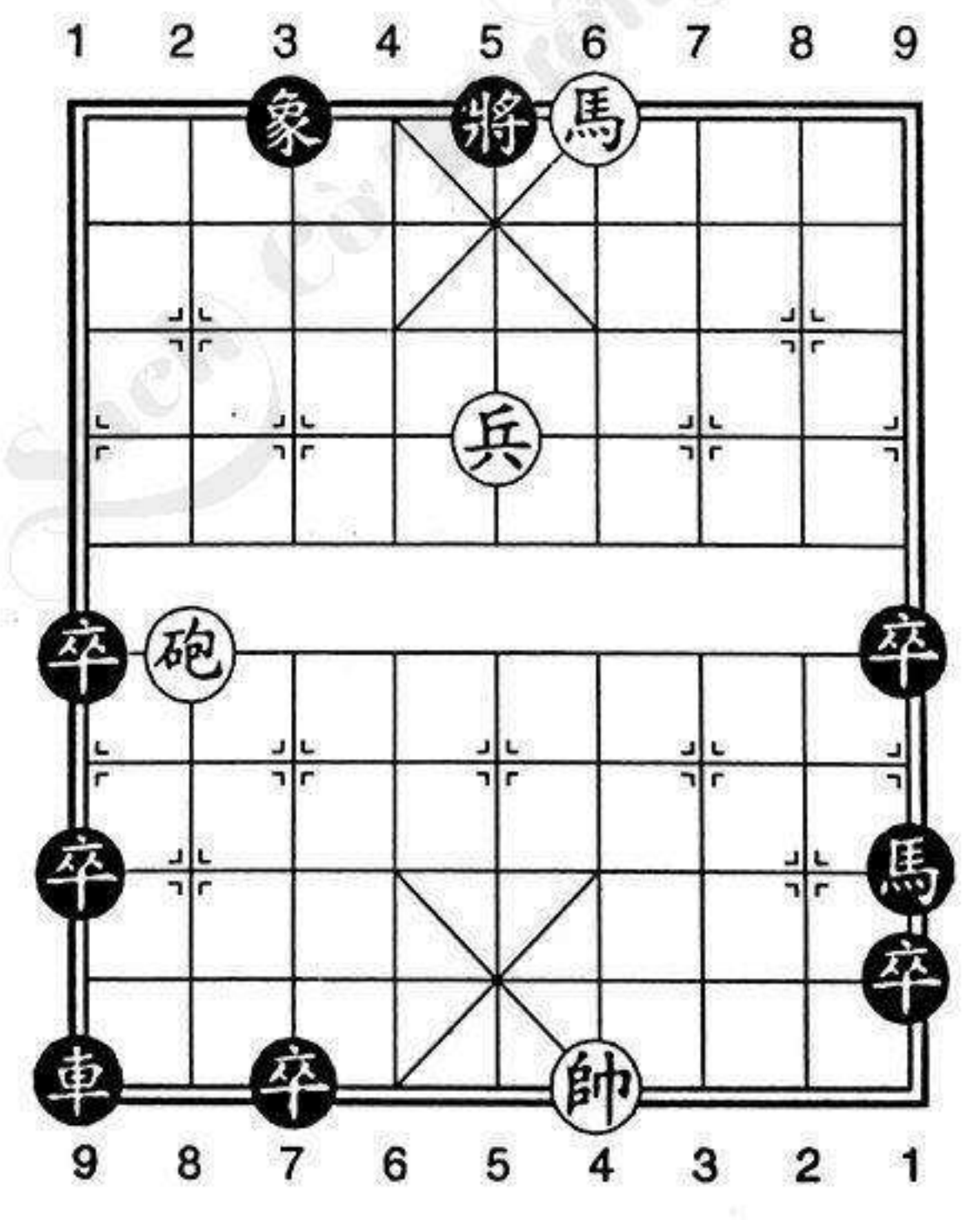

Sách Cờ Tướng.Com

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 炮8–5	將5–4.
2. 炮5–3	將4–5.
3. 炮3.5	將5.1.
4. 炮3/4	將5/1.
5. 炮3–5	將5–4.
6. 炮5–1	將4–5.
7. 炮1.4	將5.1.
8. 炮1/7	將5/1.
9. 炮1–5	將5–4.
10. 炮5–3	將4–5.
11. 炮3.7	將5.1.
12. 炮3/4	將5/1.
13. 炮3–5	將5–4.
14. 炮5–1	將4–5.
15. 炮1/4	將5.1.
16. 馬4/3	將5/1.

Nếu Đen 將5–4, 兵5.1: Đen hết chống đỡ, Trắng thắng.

17. 馬3.1	將5–4.
18. 馬1.3	將4.1.

Sách Cờ Tướng .Com

19. 兵5.1 車1/1.

20. 兵5.1 將4.1.

21. 炮1/2 車1–5.

22. 馬3/4 車5/6.

Nếu Đen 象3.5, sẽ bị Trắng 馬4/5 lưỡng chiếu, Trắng thắng.

23. 炮1–5 將4–5.

24. 兵5–4 卒t9–8.

25. 馬4/5 卒8–7.

26. 馬5.7 將5–4.

27. 帥4–5 卒7–6.

28. 馬7.8 將4/1.

29. 兵4–5.

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

KHINH CA THIỂN XỨNG

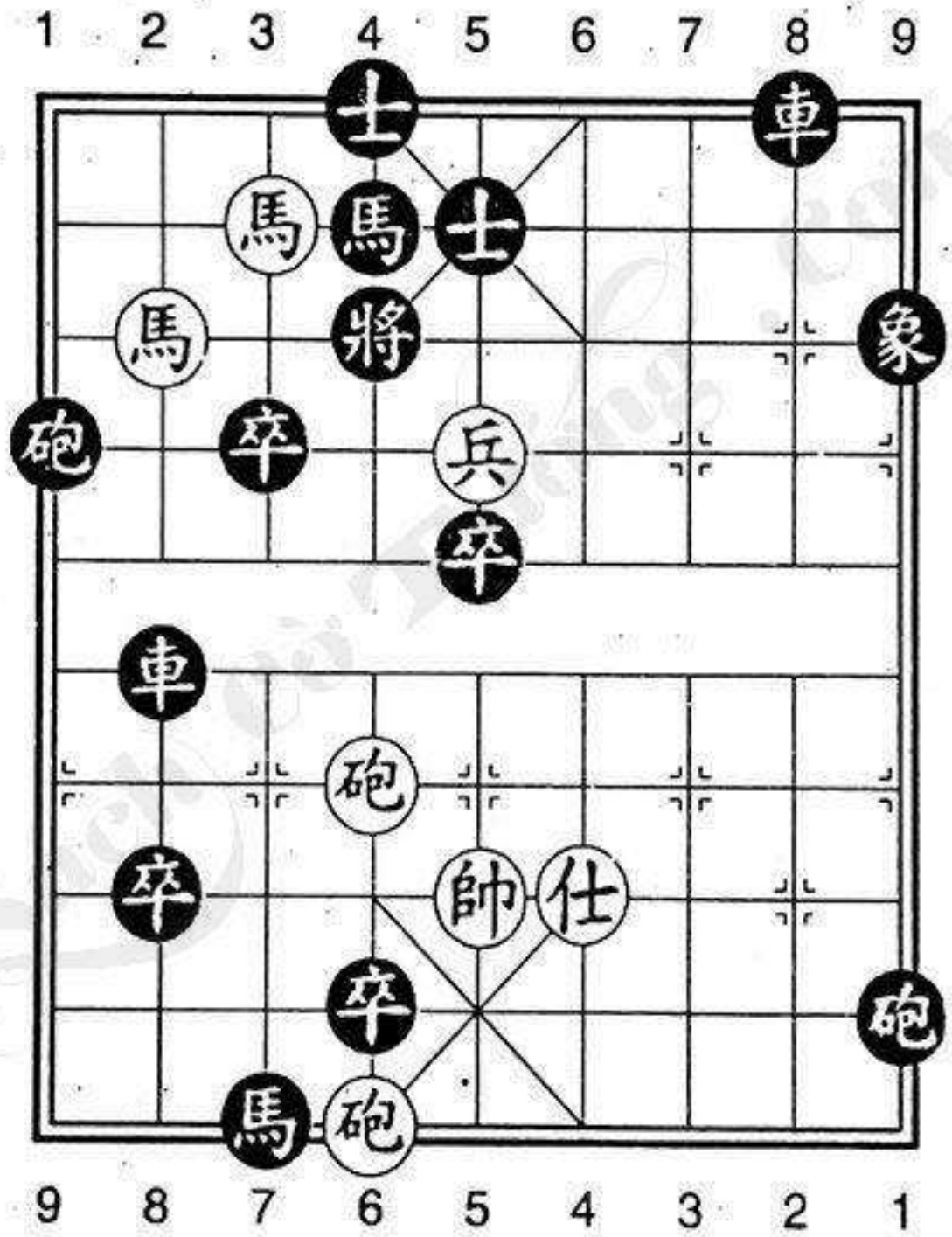

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 馬8/6	車2–4.
2. 兵5.1	將4–5.
3. 馬6/4	將5–6.

Sách Cờ Tướng.com

4. Ⓟt–4 ●車4–6.

5. Ⓜ4.2 ●將6–5.

6. Ⓜ2.3 ●車6/4.

7. Ⓟ4–5 ●將5–6.

8. Ⓟ6–4 ●炮9–6.

9. Ⓢ4/5 ●炮6–9.

10. Ⓜ3/4 ●炮9–6.

11. Ⓜ4.6 ●炮6–9.

12. Ⓜ6/5 ●馬4.5.

13. Ⓟ5–4 ●炮9–6.

14. Ⓟt.5 ●炮6–9.

15. Ⓜ5/4 ●馬5.6.

Nếu Đen ●炮9–6, tất nhiên Trắng Ⓜ4.3 lưỡng chiếu, Trắng thắng.

16. Ⓟt/4 ●炮1.4.

Nếu Đen đi:

a) ●炮1.6, Ⓜ4.6, ●炮1–6, Ⓜ6.4, Trắng thắng.

b) ●車8.9, Ⓟs.1, ●車8/1, Ⓜ4/3: Trắng thắng.

17. Ⓜ4/6 ●炮9–6.

18. Ⓟt–8 ●炮6–9.

19. Ⓜ7/6 ●將6/1.

Sách Cờ Tướng.Com

20. 炮8.4 士5.4.

Nếu Đen đi:

a) 士5/6, 馬t.5, 將6.1, 馬5/4, 炮9–6, 馬4.6, 炮6–9, 炮8/1: Trắng thắng.

b) 將6/1, thì 馬t.4, 炮9–6, 馬4.2, 將6–5, 炮8.1, Trắng cũng thắng.

21. 馬6/4 炮9–6.

22. 馬4/3 炮6–9.

23. 馬3/4.

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

HỔ CỨ LONG BÀN

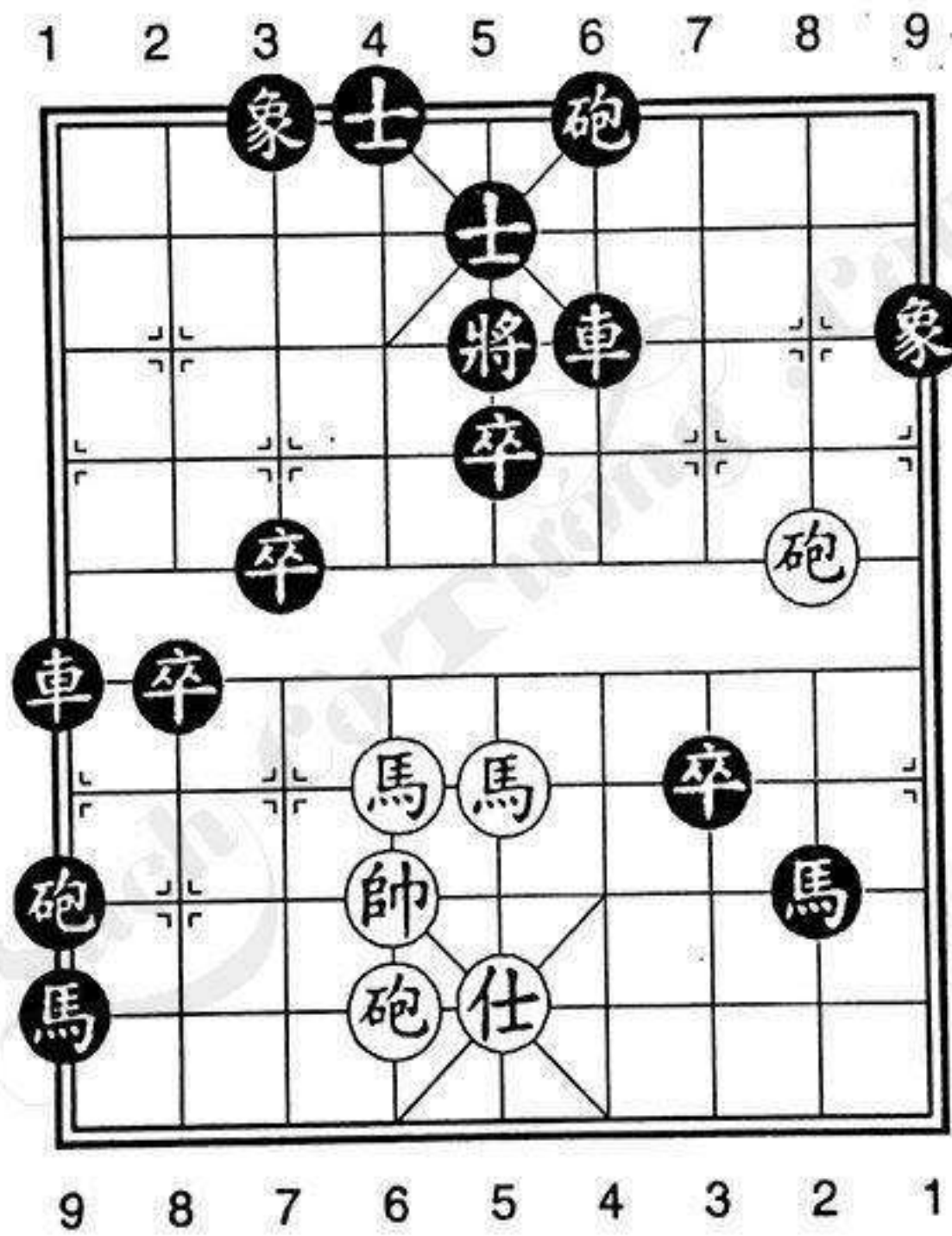

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. ㊀2–5 ❶5.1.

Bắt buộc phải ăn Pháo, nếu ❶5–4, ㊀6–5, ❶1–4, ㊀6.7, Trắng thắng.

2. ㊀5.6 ❶5–4.

Sách Cờ Tướng .Com

3. 馬s.5	將4/1.
4. 馬5.4	士5.6.
5. 帥6–5	炮1–4.
6. 馬6/4	炮4–2.
7. 馬4/6	炮2–4.
8. 馬6.7	炮4–2.
9. 馬7/6	炮2–4.
10. 馬6.8	炮4–3.
11. 馬8.7	將4.1.
12. 馬7/6	炮3–4.
13. 馬6/4	炮4–2.
14. 馬4.6	炮2–4.
15. 馬6/7	車1–4.
16. 馬7.6	炮4/1.
17. 馬6.7	炮4–5.
18. 仕5.6	炮5–4.
19. 炮6.2	卒7–6.
20. 馬7/6.	

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

THẠCH KÍCH THÂM ĐÀM

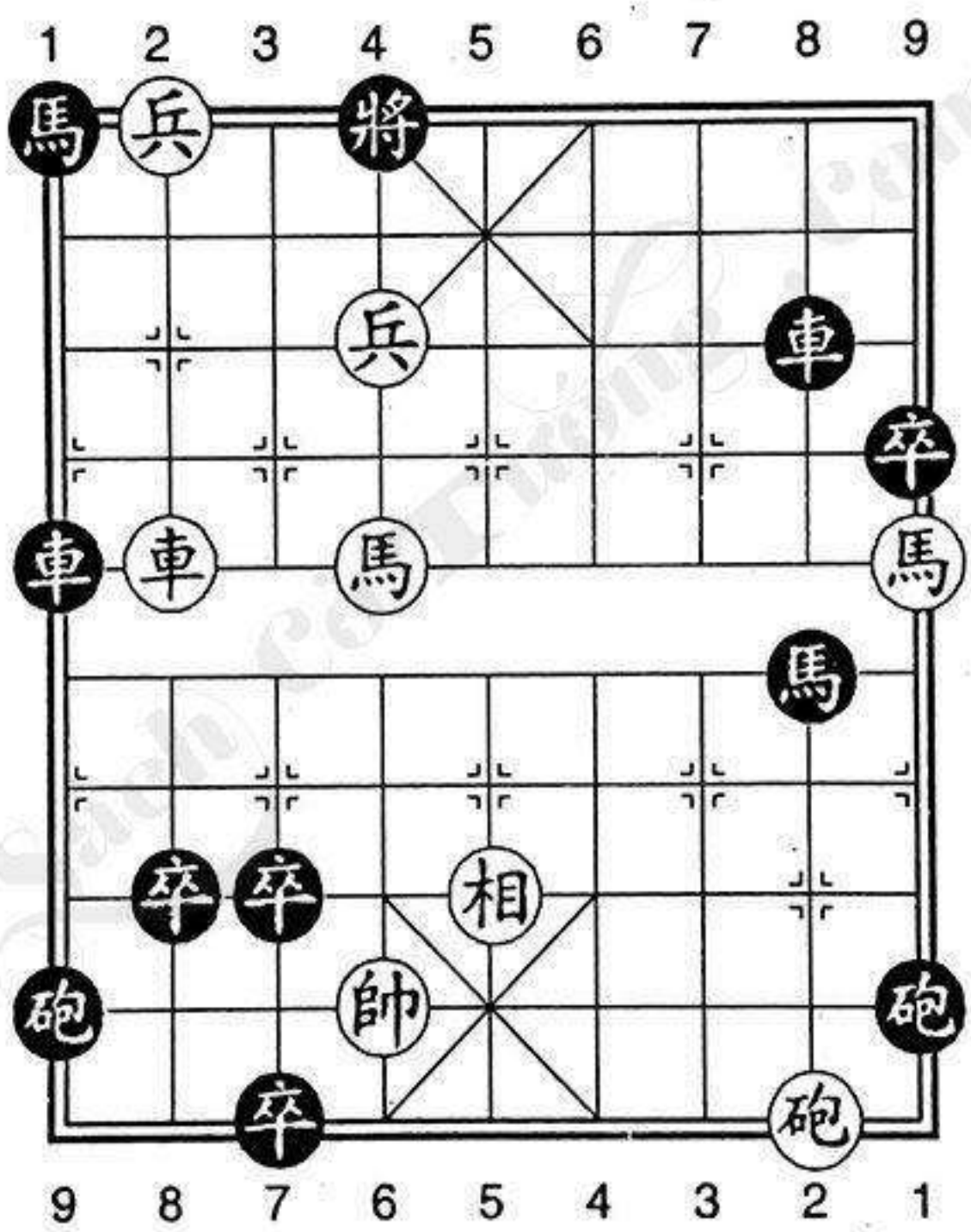

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 兵8–7	將4–5.
2. 兵7–6	將5–6.
3. 兵t–5	將6–5.

Sách Cờ Tướng .Com

4. 車8.4 將5.1.

5. 馬6.4 車8–6.

Nếu Đen lại đi 將5–6 thì Trắng sẽ 馬4.2, 將6–5, 馬2.3, 將5–6, 馬1.3, 馬8/7, 車8/1, 將6/1, 炮2.9, Trắng thắng.

6. 兵6–5 將5–6.

Nếu Đen 將5.1, thì 車8–5 chiếu bí.

7. 兵5–4 將6.1.

8. 炮2–4 車1–6.

9. 車8–4 將6–5.

10. 馬4.3 車6/3.

11. 車4–5 將5–6.

12. 馬3/2 馬8/7.

13. 車5/2 將6–5.

14. 馬1.3 車6.2.

Nếu Đen 將5–6, thì 馬3/5, 將6–5, 馬5.7, 將5/1, 炮4–5, 炮9–5, 相5.3, 炮5–7, 馬7/5, 炮7–5, 馬5/7, 炮5–7, 馬7/5, 炮7–5, 馬5.4: Trắng thắng.

15. 馬2.3 將5/1.

16. 馬t/5 將5/1.

17. 炮4–5 炮9–5.

18. 相5.3 炮5–6.

19. 馬4.3 將5.1.

Sách Cờ Tướng .Com

20. 馬t/5 炮6–5.

21. 馬5/4 炮5–7.

22. 馬4/5 炮7–5.

23. 馬5/4.

Trắng thắng.

MỪNG NGÀY QUỐC KHÁNH (1)

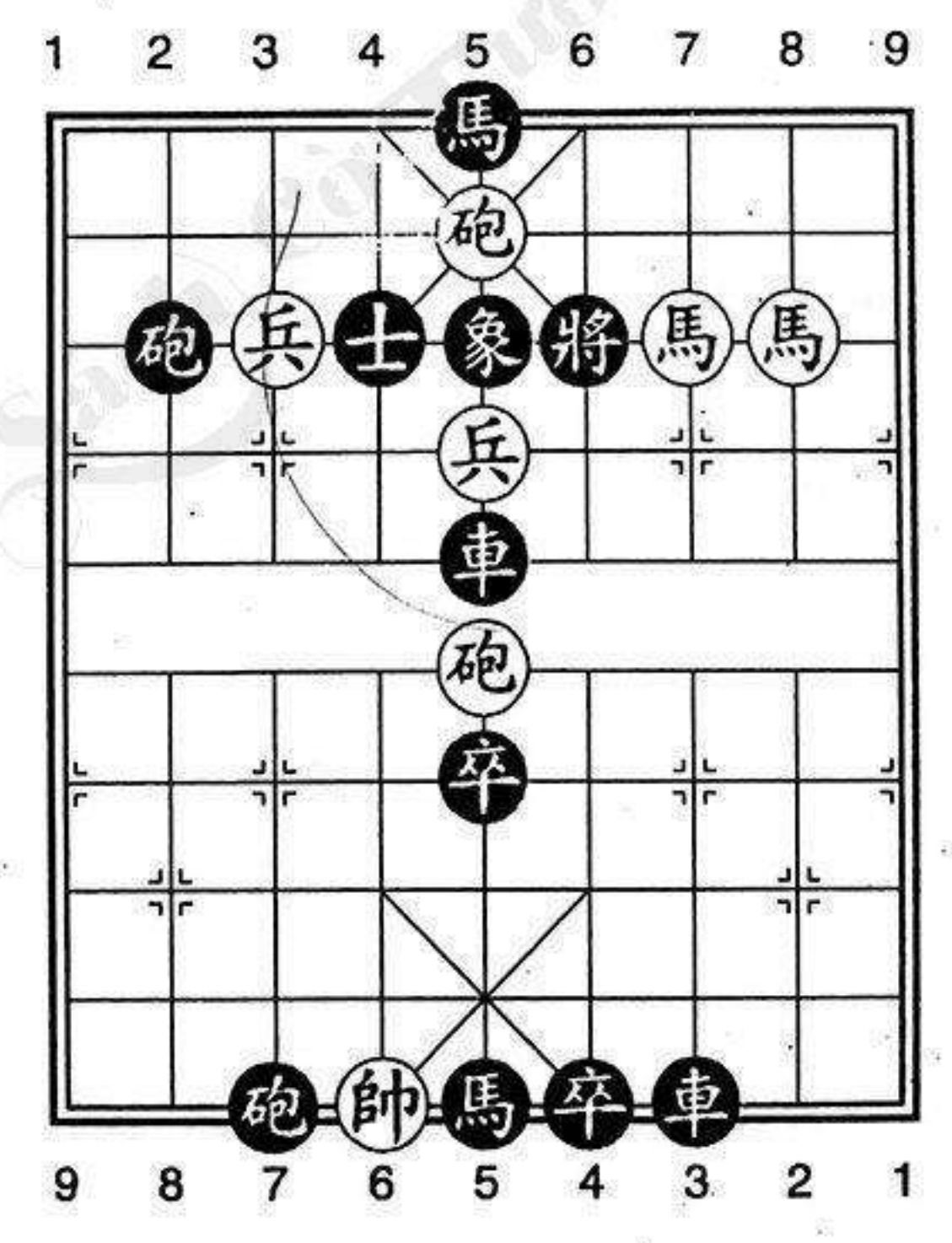

Sách Cờ Tướng.Com

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 兵5–4 將6/1.

2. 炮5–4 車5–6.

3. 兵4.1 將6–5.

4. 兵4–5 將5.1.

5. 馬3/4 將5/1.

6. 馬2/4 將5.1.

Nếu Đen:

a) 將5–4, thì Trắng 炮4–6, 士4/5, 兵7–6: Trắng thắng.

b) 將5–6, thì 馬t.6, 將6–5, 馬6.7: Trắng thắng.

7. 馬t.6 將5/1.

8. 馬6/4 將5.1.

9. 馬t.3 將5/1.

10. 馬4.6 將5–4.

11. 炮4–6 馬5.4.

12. 兵7–6 將4–5.

13. 兵6–5 將5–6.

---

(1) Đây là một sáng tác của danh kỳ Lý Khải Kiệt nhân dịp quốc khánh nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (1–10), do đó cách bố trí quân cũng mang biểu tượng này: Số dưới là nhất (–). Số trên là thập (+). Bài đăng trong tạp chí "Bắc phương kỳ nghệ" Số tháng 9–1994 (NS).

Sách Cờ Tướng .Com

14. 兵5–4 將6/1.

15. 炮6–4.

Trắng thắng.

XE MÃ DIỆU DỤNG CÔNG SÁT

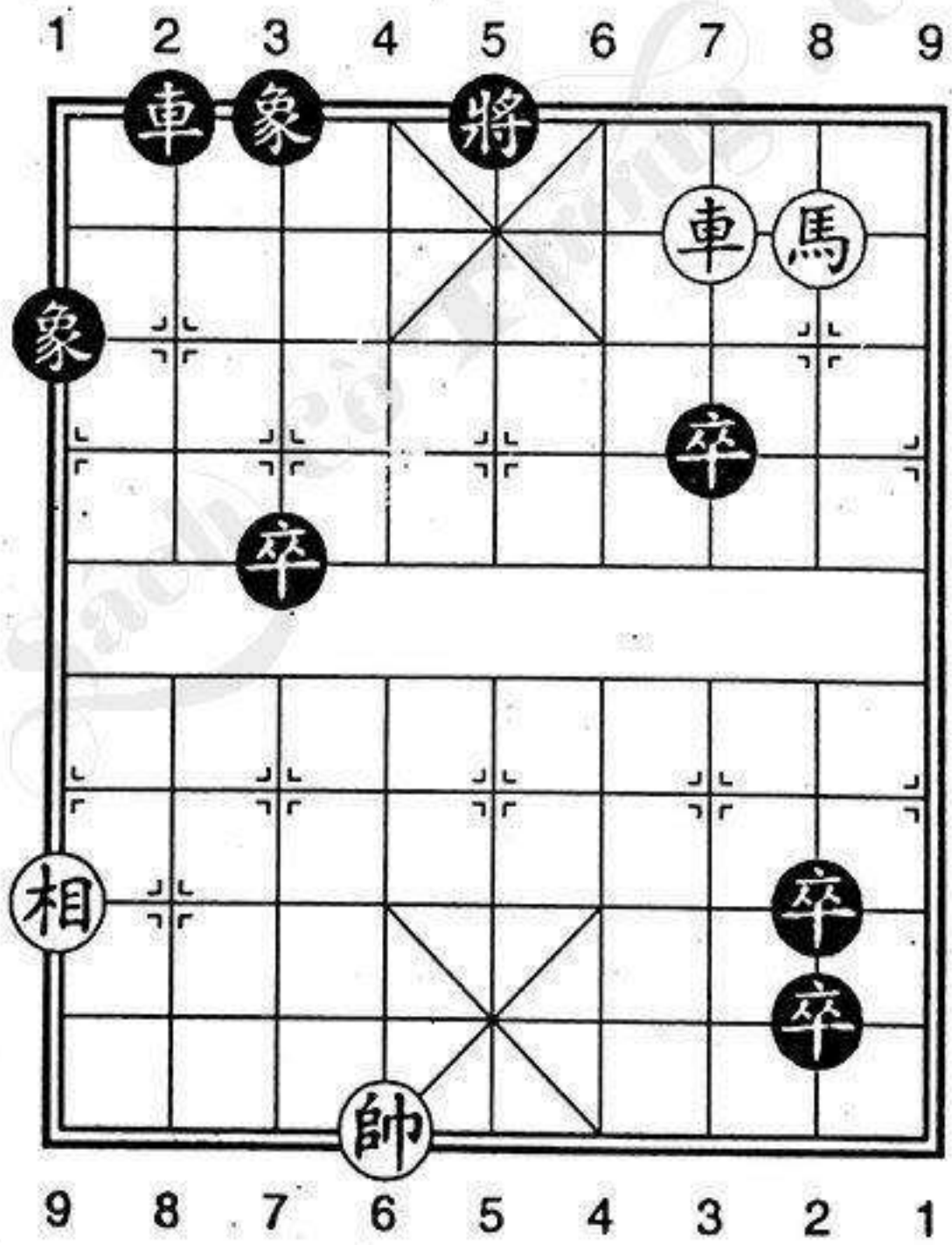

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 車3.1 將5.1.

Sách Cờ Tướng .com

2. Ⓜ2/4 ❶2.3.

Nếu Đen lại đi ❶5–6, thì Trắng Ⓜ4.6, ❶2.9, Ⓢ6.1, ❶6–5, Ⓧ3/1, ❶5/1, Ⓜ6/4, ❶5–6, Ⓧ3–5: Trắng thắng.

3. Ⓧ3–5 ❶5–6.

4. Ⓜ4.2 ❶t–7.

5. Ⓧ5–6.

Trắng sẽ sai lầm nếu đi nước Ⓢ6–5 dọa chiếu bí, khi ấy Đen lập tức đi ❶2.6, Ⓢ5.1, ❶7–6, Ⓢ5–6, ❶2/6; Đen ít ra cũng thủ hòa được.

5. ..... ❶2/2.

Nếu Đen ❶6–5, thì Ⓧ6/1, ❶5/1, Ⓜ2/4, ❶5–6, Ⓧ6–5: Trắng thắng.

6. Ⓧ6–3 ❶2.8.

7. Ⓣ9/7.

Nước đi của Trắng chính xác, dụ bên Đen nếu tham ăn Tượng sẽ không có đường thoái Xe về phòng thủ. Còn nếu lại đi Ⓢ6.1, thì ❶6–5, Ⓜ2/4, ❶2/6: Đen dễ dàng đối phó.

7. ..... ❶6–5.

8. Ⓜ2/4 ❶7–6.

Nếu giờ đây lại Ⓧ2/5 thì tình hình đổi khác: ❶3–5, Ⓢ5–6, ❶4.2: Trắng về tượng hóa giải nước chiếu Tướng phản công của Xe Đen và sau đó ung dung đưa Ⓢ6–5

Sách Cờ Tướng .Com

ra đòn quyết định kết thúc trận đấu.

9. 車3–5 將5–6.

10. 馬4/5 車2–3.

11. 帥6.1 車3–7.

12. 馬5.6 象3.5.

13. 車5/2 車7/1.

Đen chờ cơ hội sơ suất của bên Trắng nếu 車5,2, thì 將6.1, 車5/1, 卒6–5, 車5/7, 車7–5: đổi Xe Đen còn 3 Tốt hoàn toàn thắng thế.

14. 帥6/1 象1/3.

15. 車5.2 象3.5.

16. 車5/2 卒8.1.

17. 車5.2 將6.1.

18. 車5/1.

Đen hết cách chống đỡ, Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

THIÊN MÃ HÀNH KHÔNG

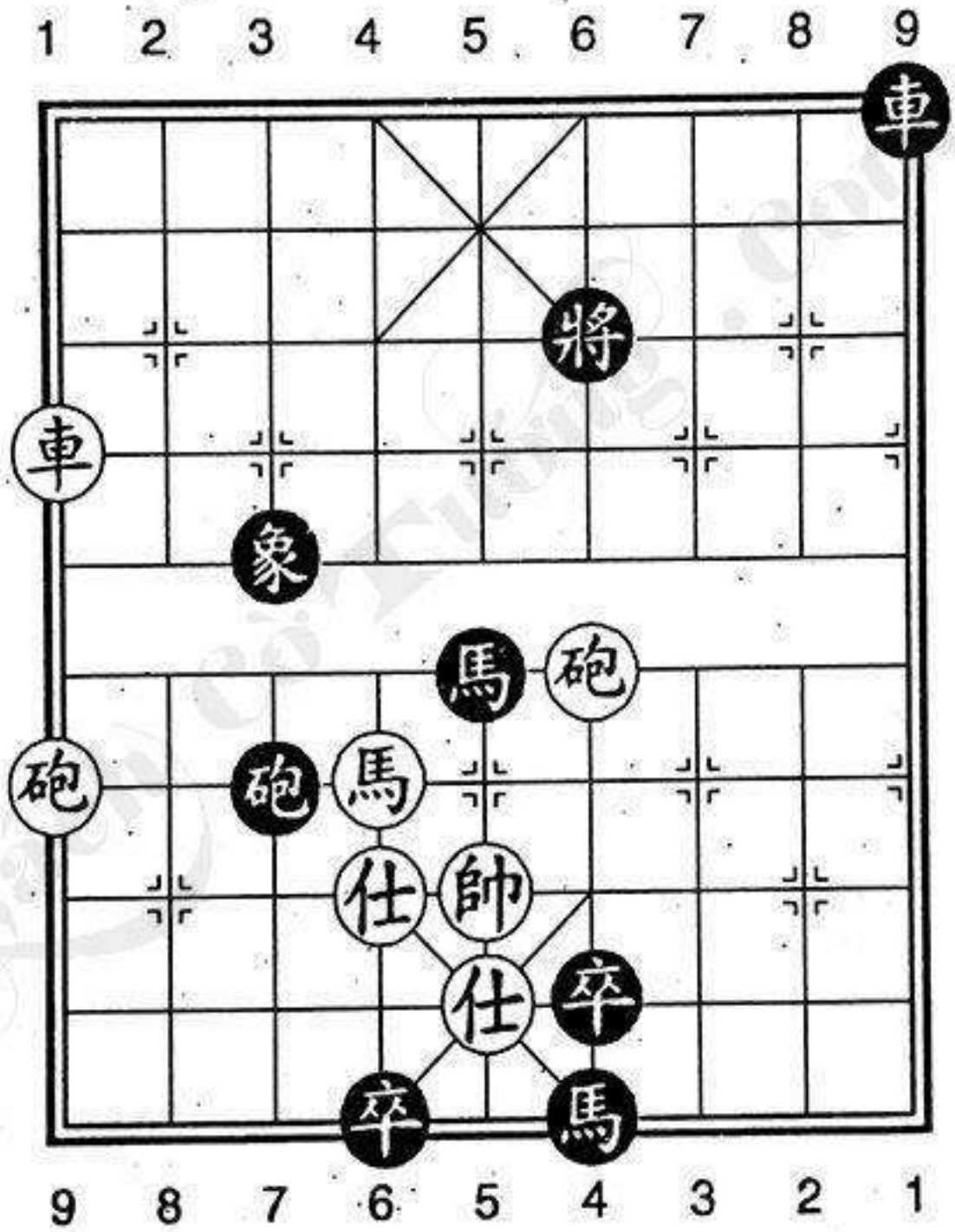

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. Ⓜ6.5	ⓜ6/1.
2. Ⓒ9.2	ⓜ6/1.
3. Ⓜ5.4	ⓜ5/6.

Sách Cờ Tướng.Com

4. Ⓜ4.2 ●馬6/7.

5. Ⓒ9.1 ●將6.1.

6. Ⓜ2/3 ●將6.1.

7. Ⓒ9/2 ●象3/5.

Nếu Đen ●象3/1, thì Ⓜ3/5, ●將6/1, Ⓜ5.6, sau đó Ⓜ6/4 chiếu bí.

8. Ⓜ3/5 ●將6/1.

9. Ⓒ9.1 ●將6/1.

10. Ⓒ9.1 ●將6/1.

11. Ⓜ5.3 ●將6.1.

Nếu Đen ●將6–5, thì Ⓟ4–5, ●將5–4, (●象5/3, Ⓒ9/1, ●將5/1, Ⓜ3.5, Trắng thắng), Ⓒ9/1 sau đó sẽ Ⓜ3.4 chiếu bí.

12. Ⓟ9.4 ●炮3/4.

Nếu Đen đổi lại bằng ●象5/3, thì Trắng sẽ Ⓜ3.5, ●象3.1 (●炮3/4, Ⓜ5/4 lưỡng chiếu) Ⓜ5/4 sau đó tiếp tục Ⓜ4.2, Trắng thắng.

13. Ⓒ9–1 ●馬7/9.

14. Ⓜ3.5 ●卒6–5.

15. Ⓢ5/1 ●馬6/7.

16. Ⓟ4/2 ●將6/1.

17. Ⓜ5.6 ●將6/1.

18. Ⓟ9.2 ●炮3/2.

Sách Cờ Tướng.Com

19. 馬6/5 將6.1.

20. 馬5/3 將6.1.

21. 馬3/4 Trắng thắng.

ĐIỆU HỔ LY SƠN

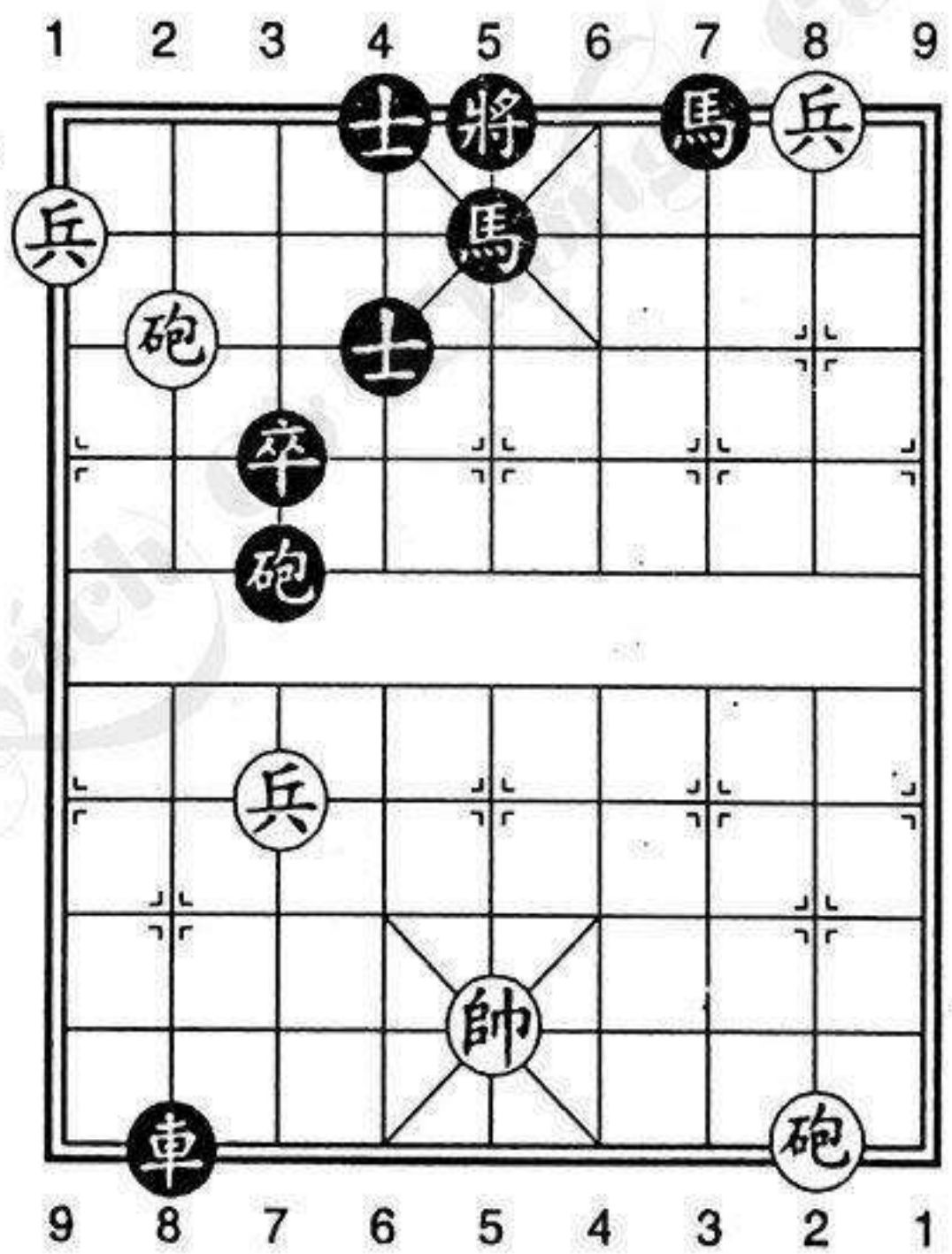

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 兵2–3 炮3–8.

Sách Cờ Tướng.com

2. 炮8–7	車2/9.
3. 兵9–8	車2–3.
4. 炮7.1	炮8.4.
5. 兵7.1	炮8/1.
6. 炮2.1	炮8/1.
7. 炮2.1	炮8/1.
8. 炮2.1	炮8/1.
9. 炮2.1	炮8/1.
10. 炮2.1	炮8/1.
11. 炮2.1	車3–1.
12. 兵7.1	卒3.1.
13. 炮7/2	卒3.1.
14. 炮2–1	炮8–9.
15. 炮7–2	車1.8.
16. 帥5/1	車1–8.
17. 炮2–7	炮9–5.
18. 炮1.3	車8/8.
19. 兵3–4.	

Trắng thắng.

SachCoTuong.Com

TRUNG LỘ TRANH ĐẤU

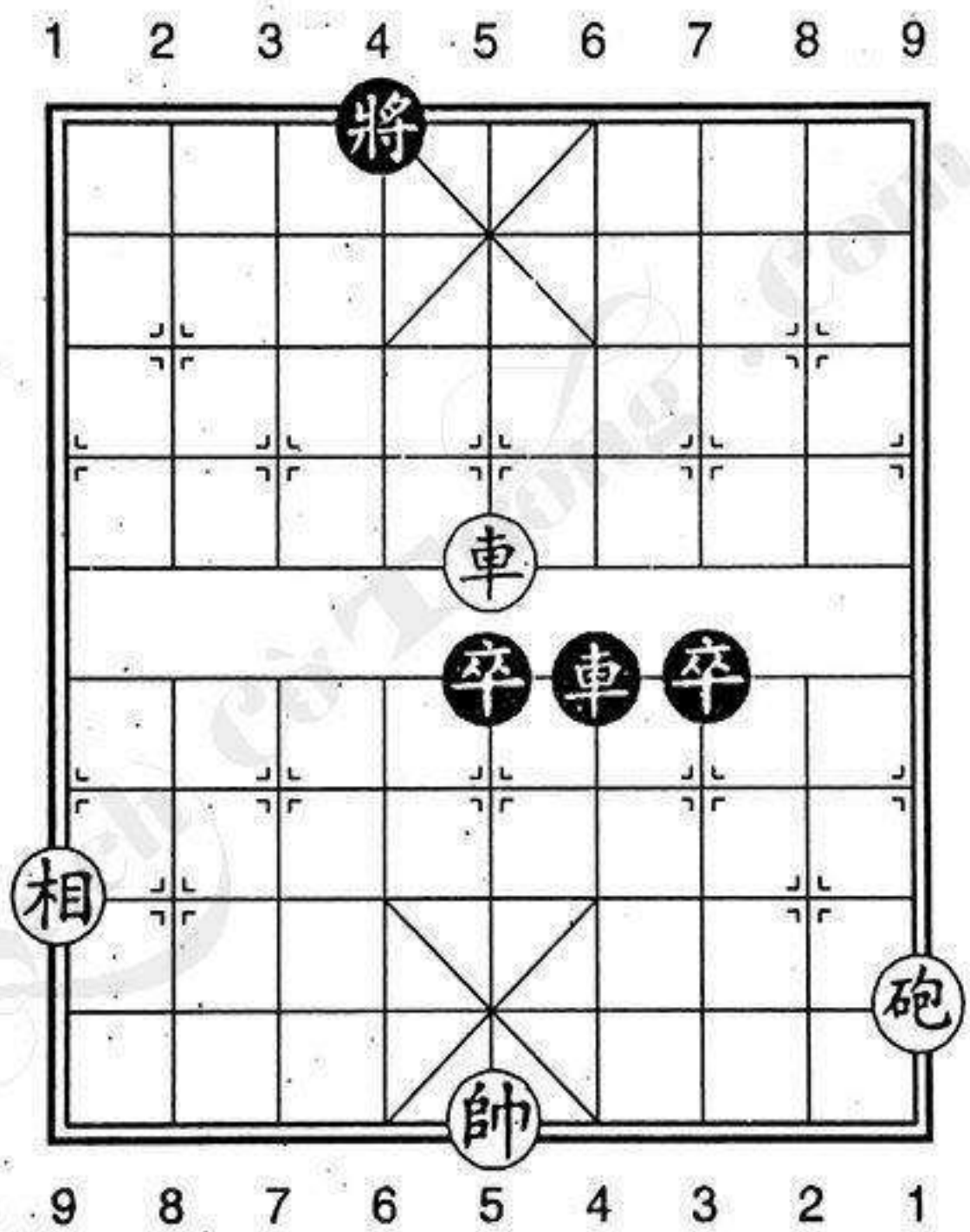

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 炮1–5.

Nước quyết định để Trắng giành thắng lợi.

Nếu như Trắng chọn 2 phương án khác như sau đây đều lỡ mất cơ hội chiến thắng:

Sách Cờ Tướng.Com

(a) 炮1.3, thì 卒7.1, 炮1–5, 卒7.1, 炮5–8, 車6–4, 炮8.5, 車4.4, 帥5.1, 卒7–6, 車5.4, 將4.1, 炮8–6, 車4–2, 車5/3, 卒6.1, 帥5–4, 將4/1, 帥4–5, 車2–4: Hòa.

(b) 炮1–8, thì 卒7.1, (nếu 卒5.1, 炮8–6, Trắng có chiều thuận lợi tấn công giành phần thắng) 炮8.3, 車6.1, 車5/1, 車6–4, 炮8.5, 卒8–6, 車5.5, 將4.1, 炮8–6, 車4–5: Hòa. (Đen nếu đi 車4–2 (?) 車5/4, vẫn buộc phải để Xe, bằng không nếu 卒6–5, 炮6–5 bắt chết Tốt của Đen, Trắng thắng).

1.	卒5–4.
2. 炮5–6	卒4–5.
3. 炮6.3	卒5.1.

Đến đây thì bên Trắng có 2 cách tấn công để giành thắng lợi, diễn biến cụ thể như sau:

Cách 1:

4. 炮6/4	車6.1.
5. 相9.7	

Trắng phi Tượng ngăn đường tiến của Tốt Đen ở trung lộ, có ý đồ 卒7–6 sẽ 炮6.3, 車6.2, 車5/2, 車6–4, 炮6–9. Sau đó chơi đòn 炮9.6 rồi 車5.6, 炮9–6 để giành thắng lợi.

5.	車6–9.
6. 炮6.3	車9.3.

Sách Cờ Tướng.Com

7. 帥5.1 車9–4.

8. 車5/2 卒7–6.

9. 炮6–8 車4/4.

10. 炮8.1 卒6–5.

11. 車5/1.

Trắng cũng có thể đi 車5–7, 車4.3, 帥5/1, 卒5–4, 車7–5, 卒4.1, 車5.3, 卒4–3, 炮8.5, 卒3.1, 炮8–7: Trắng thắng.

11. ..... 車4.3.

12. 帥5/1 卒5–4.

13. 車5.4 卒4–3.

14. 炮8.5 卒3.1.

15. 車5.3 將4.1.

16. 炮8–6 卒3–4.

17. 車5/3 Trắng thắng.

Cách 2:

4. 炮6–7 車6–4.

Nếu Đen 車6.1, thì 炮7/1, 車6/1, 車5/2, 車6–4, 炮7–6, 車4–2, 炮6/3: Trắng thắng. Hoặc giả Đen đi 卒7.1, 車5/2, 車6.1, 車5.6, 將4.1, 炮7.5, 車6/5, 車5/3, 車6.1, 炮7–6: Trắng thắng.

5. 車5/2 車4.4.

Sách Cờ Tướng.Com

6. 帥5.1	卒7–6.
7. 炮7–9	車4/1.
8. 帥5/1	車4/4.
9. 相9.7	卒6.1.
10. 車5–4	車4–5.
11. 帥5–4	將4–5.
12. 炮9/2	車5.4.
13. 炮9–5	將5.1.
14. 車4.1	將5/1.
15. 車4–5	將5–4.
16. 車5.4	車5–4.
17. 帥4–5.	

Trắng giành lại trung lộ, chắc chắn thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

SONG XE DIỆU XẢO CÔNG SÁT SONG XE SĨ TƯỢNG TOÀN

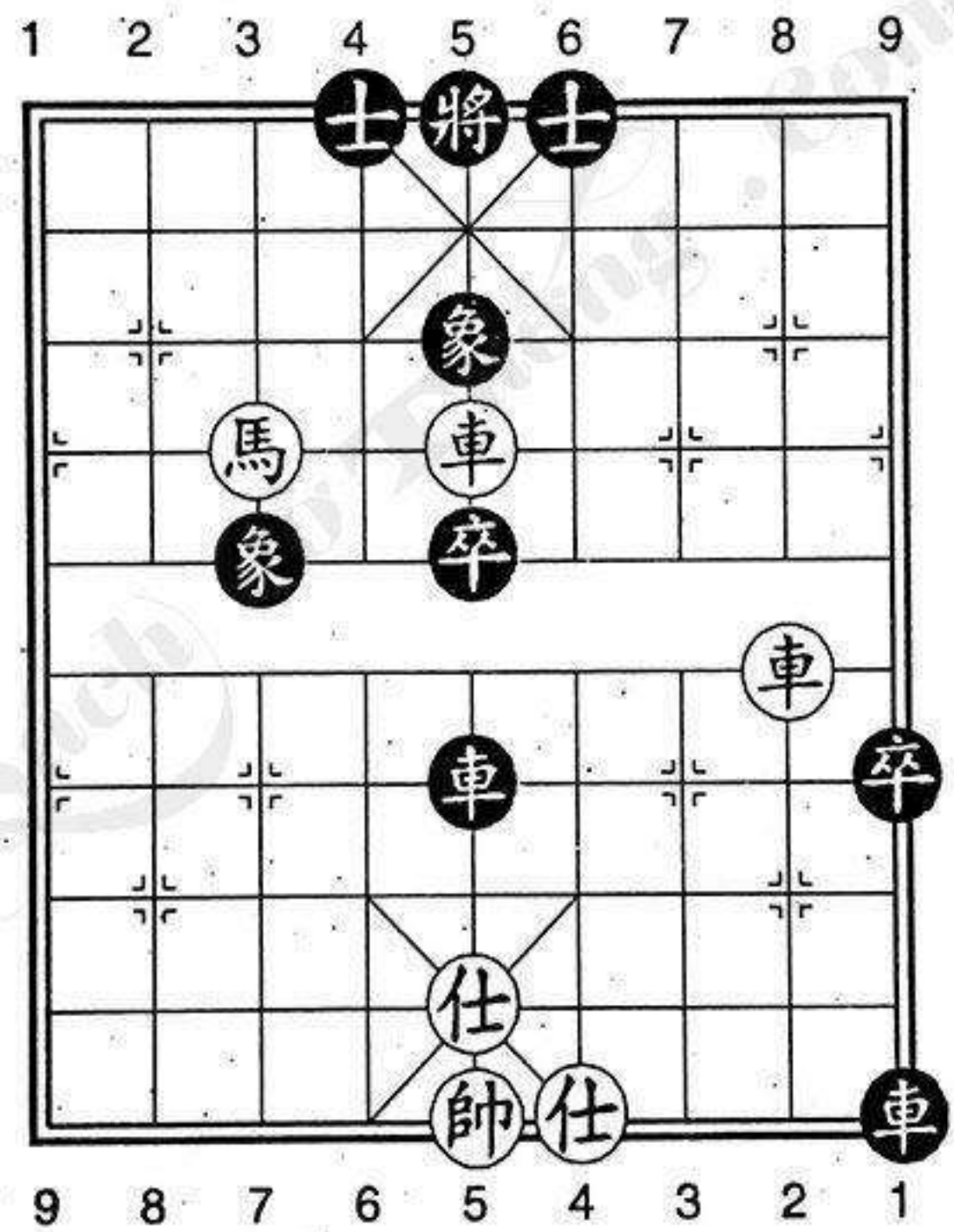

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. Ⓜ7/5

Trắng thoái Mã ăn Tốt dọa chiếu bí bằng Ⓒ5.1,

Sách Cờ Tướng .Com

象3/5, 馬5.6, rồi tiếp tục tiến Xe 2 chiếu bí. Đến đây Đen có 2 cách đối phó đều thua:

Cách 1:

1.	車5/1.
2. 車5/1	卒9–8.
3. 車2.2	車9/7.
4. 車2–6	象3/1.
5. 車6.1	象1/3.
6. 車6–7	士6.5.
7. 車5–6	車9–6.
8. 車6.3.	

Đen mất Tượng, Trắng thắng.

Cách 2:

1.	士4.5.
2. 車2–8	象5/3.

Nếu Đen 車5/2, thì Trắng 車5/1, 卒9–8, 帥5–6, 士5/4, 車8–6, 士6.5, 車6.2: Đen vẫn mất Tượng, Trắng thắng.

3. 車8.5	象3/1.
4. 車5.1	車5–4.
5. 馬5.6	將5–4.
6. 馬6.8	將4.1.

Sách Cờ Tướng.Com

7. Ⓜ8/7 ●4/1.

8. Ⓧ5–9.

Trắng thắng.

XẢO PHẾ SONG XE

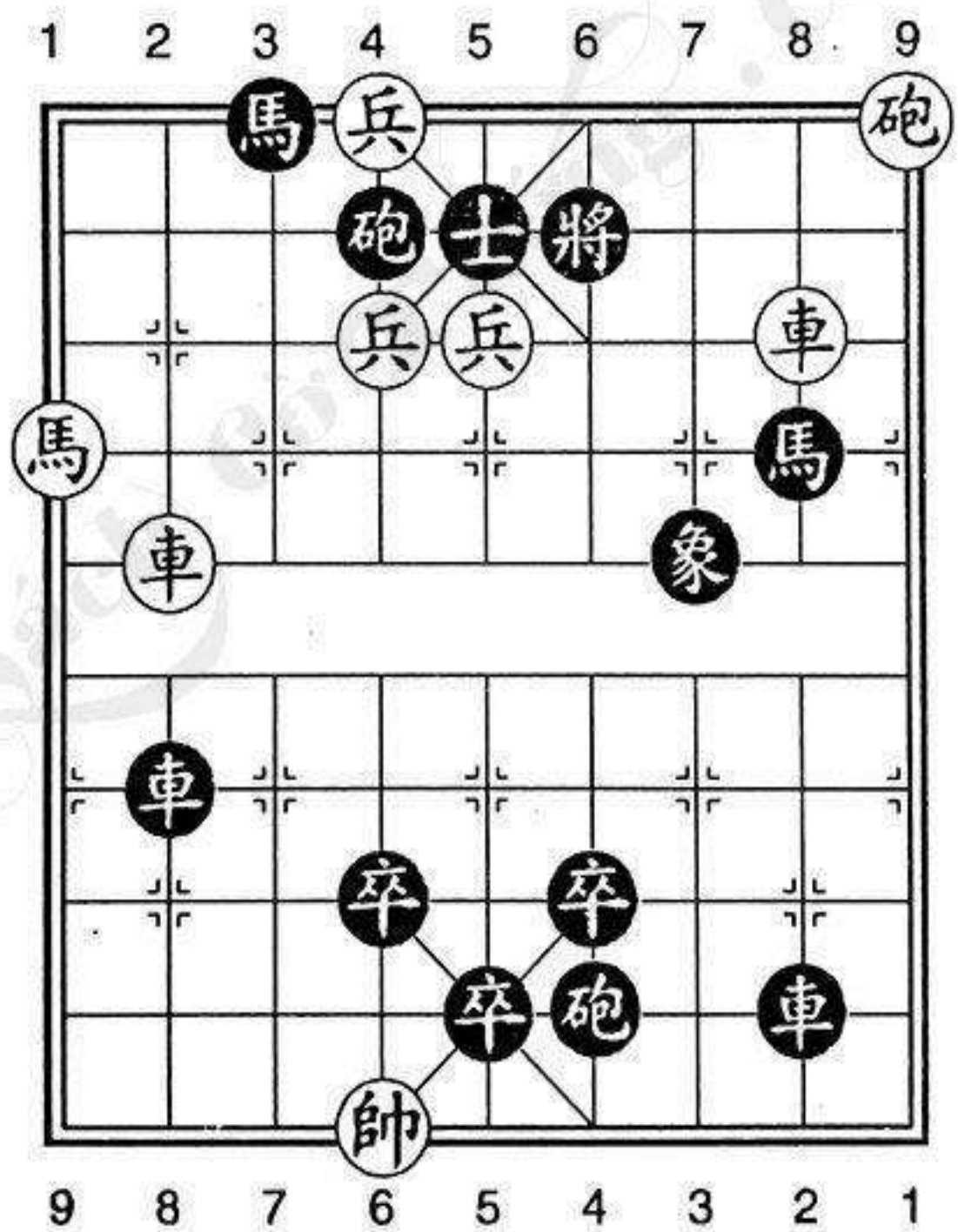

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. Ⓧ2.1 ●6/1.

Sách Cờ Tướng.com

Nếu Đen 馬8/7, thì 車2–3, 將6/1, 兵t–5, 將6–5, 兵5.1, 馬3.5, 車3.1; Trắng thắng nhanh.

2. 兵t–5	將6–5.
3. 車2.1	士5/6.
4. 車2/3	士6.5.
5. 車2.3	士5/6.
6. 車2/8	士6.5.
7. 車2.8	士5/6.
8. 車2/1	士6.5.
9. 兵5.1	馬3.5.
10. 車2.1	馬5/7.
11. 車2–3	將5.1.
12. 兵6.1	將5–6.

Nếu Đen 將5–4, thì 車8–6, 將4–5, 馬9.7, 將5–6, 車6.3, 將6:1, 車3/2; Trắng thắng.

13. 兵6–5	將6–5.
14. 馬9.7	將5–6.
15. 馬7.6	將6–5.
16. 車8–5	象7/5.

Nếu Đen 將5–4, thì 車5–6, 將4–5, 馬6/7, 將5–6, 車6.3, 將6.1, 車3/2; Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

17. 車5.2 將5–4.

18. 車5.1 將4–5.

19. 馬6/7 將5–6.

20. 馬7/5 將6–5.

21. 馬5.3 將5–4.

22. 車3–6 將4/1.

23. 馬3.4.

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng.Com

NHỊ BINH THỦ MÔN

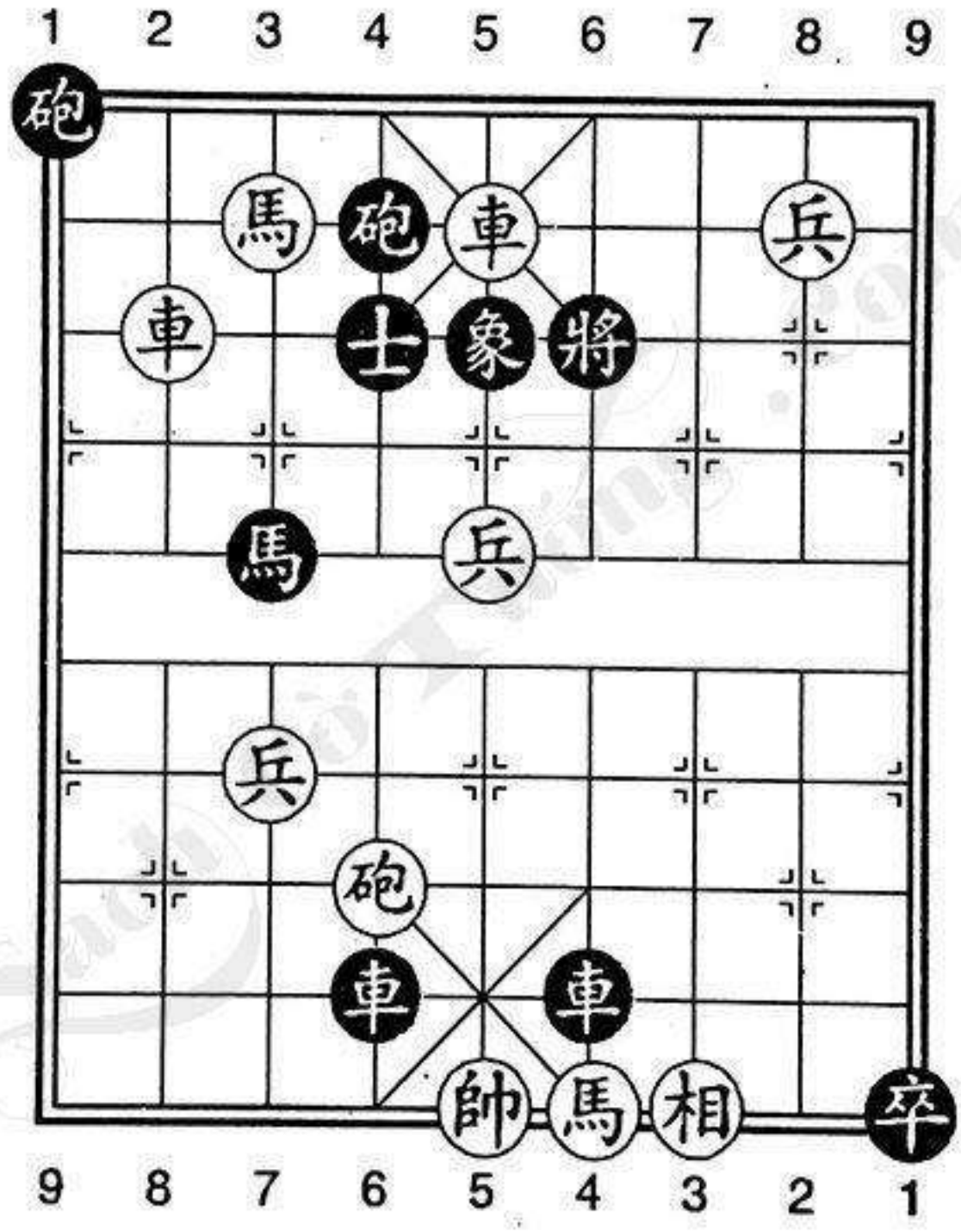

Phá giải: Trắng đi trước – Hòa.

1. 馬7/6 　　炮4.2.

2. 炮6.5 　　馬3/4.

Nếu Đen 象5/3, thì 炮6/6, 馬3/2, 兵2–3, 車6–4, 兵5.1; Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

3. 車5/1 將6–5.

4. 兵5.1 將5/1.

5. 兵5.1 將5–6.

6. 兵5.1 將6/1.

7. 車8.2 馬4/3.

8. 車8–7 炮4/3.

9. 車7–6 車4/8.

10. 兵2–3 車4.9.

Đen buộc phải hy sinh Xe mới kịp chống đỡ, 2 vị trí đe dọa chiếu bí là: Tốt 3 và Tốt 5 của Trắng đều có thể tiến chiếu.

11. 帥5–6 車6.1.

12. 帥6.1 車6/1.

13. 帥6/1 炮1–5.

Nếu Đen 車6/2, thì 相3.5. Sau đó Trắng ung dung đưa Tốt 7 tràn tới sát Tướng bởi lẽ Xe và Pháo của bên Đen bị án binh bất động.

14. 兵7.1 卒9–8.

15. 兵7.1 卒8–7.

16. 兵7–6 卒7–6.

17. 兵6–5 炮5–4.

18. 兵s.1 炮4–5.

Sách Cờ Tướng.Com

19. 兵s.1 炮5–4.

20. 兵3–4 車6/7.

21. 兵t–4 將6.1.

Hòa cuộc.

Ván 52

LƯ KHÂU SỰ PHÁT (1)

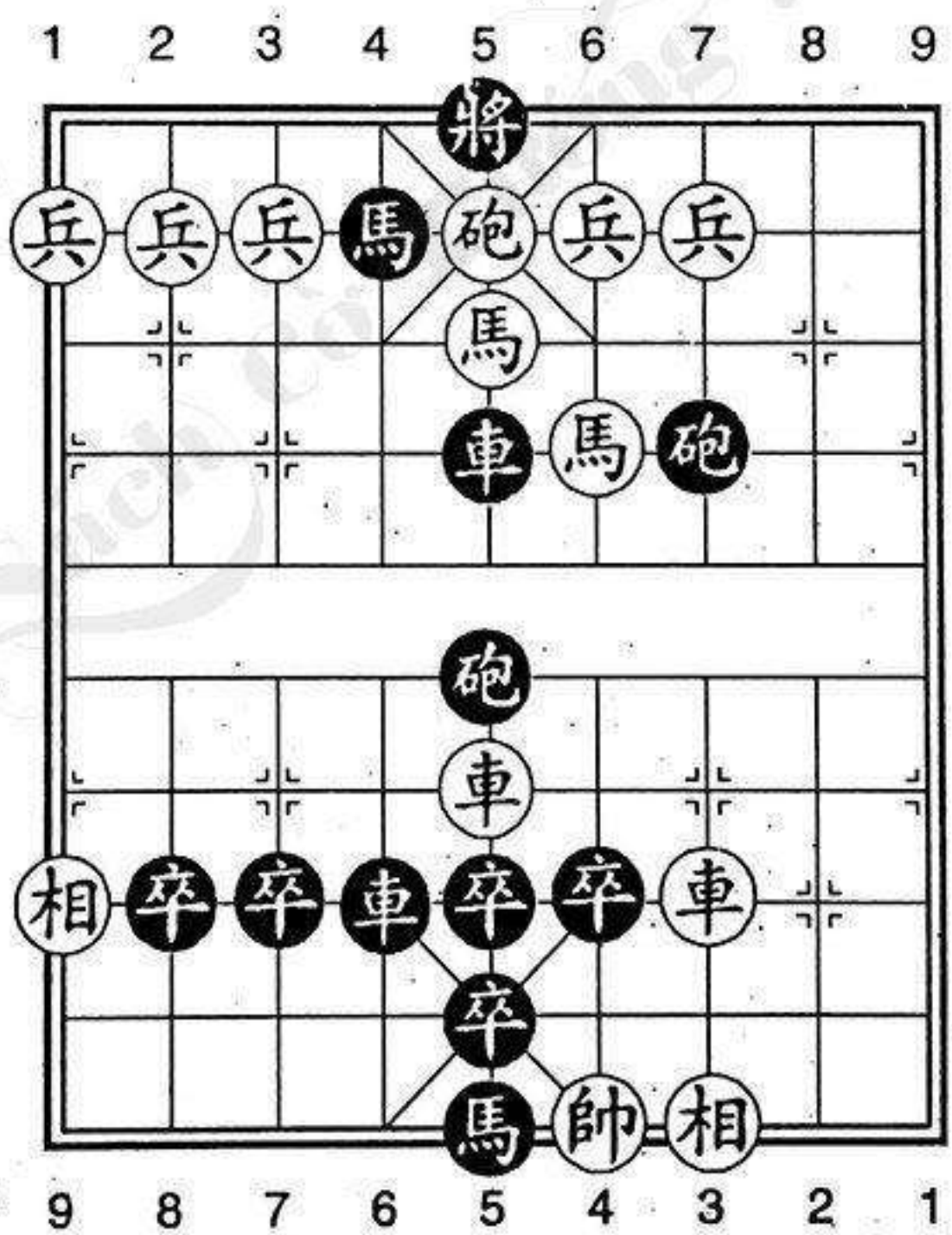

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

Sách Cờ Tướng.Com

1. 兵4.1 將5–6

2. 兵3.1 將6.1.

Nếu Đen đi 將6–5, thì 馬5.3, 將5–4, 兵7.1; Trắng thắng.

3. 馬3/5 將6.1.

4. 馬3.2 將6/1.

Nếu Đen 將6–5, tất nhiên Trắng sẽ 車3.5 chiếu bí.

5. 車3.6 將6.5.

6. 車3/1 將6/1.

7. 車3–4 將6–5.

8. 車4–6 將5/1.

9. 馬4.3 將5.1.

10. 兵7–6 將5–6.

11. 車5–4 炮5–6.

12. 車4.1 車5–6.

13. 車4.2.

Trắng thắng.

---

(1) Ngày 7 tháng 7 là ngày xảy ra biến cố ở Lư Khâu (Trung Quốc). Ván cờ này được đặt tên dựa theo sự cố ấy và có biểu tượng của ngày 7 tháng 7 (N.S).

Sách Cờ Tướng.Com

NHẤT GIANG THANH LƯU

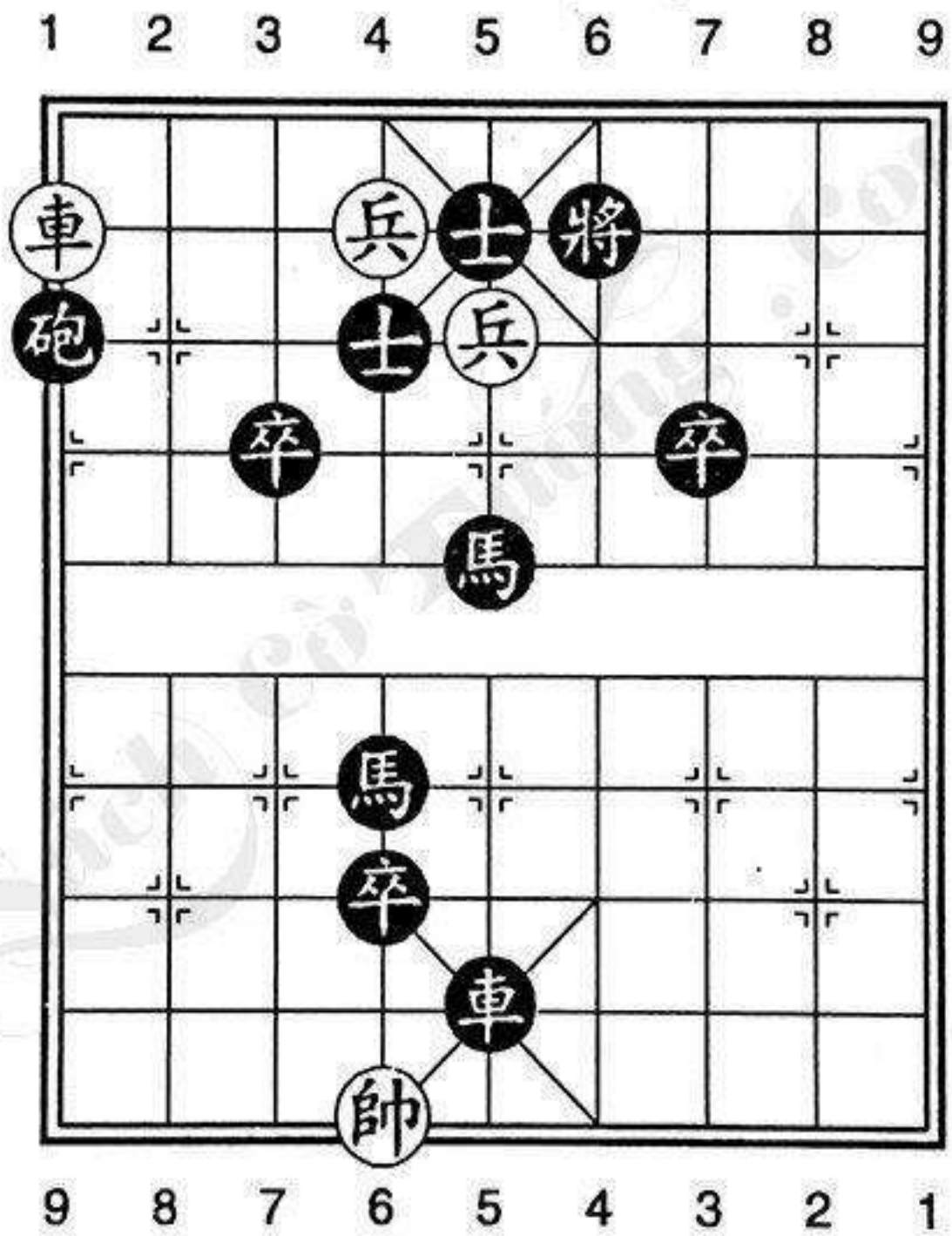

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 兵6–5	士4/5.
2. 兵5.1	將6.1.
3. 車9/1	馬5/4.

Sách Cờ Tướng .com

4. 車9–6	車5/6.
5. 車6/4	車5.5.
6. 車6.4	車5/5.
7. 車6/5	車5.1.
8. 車6.5	車5/1.
9. 車6/2	車5.3.
10. 兵5–6	車5/2.
11. 帥6.1	車5.2.
12. 車6.2	車5/3.
13. 車6/1	車5.2.
14. 車6–3	卒3.1.
15. 車3–4	將6–5.
16. 車4–6	將5–6.
17. 車6.1	將6/1.

Nếu Đen 車5/2, thì 車6/2, 車5.3, 車6–7; Trắng thắng.

18. 車6/3	將6.1.
19. 帥6/1	車5.2.
20. 車6.3	車5/4.
21. 車6/2	車5.3.
22. 車6–7	車5.1.
23. 車7–3	車5/1.

SáchCờTướng.Com

24. 車3.2 將6/1.

25. 車3.1 將6.1.

26. 車3–5.

Nếu Đen đổi Xe, Đen thua vì thiếu nước đi, còn nếu chạy Xe, Trắng đưa Tướng vào trung lộ đánh thắng.

TƠ TƠ NHẬP KHẨU

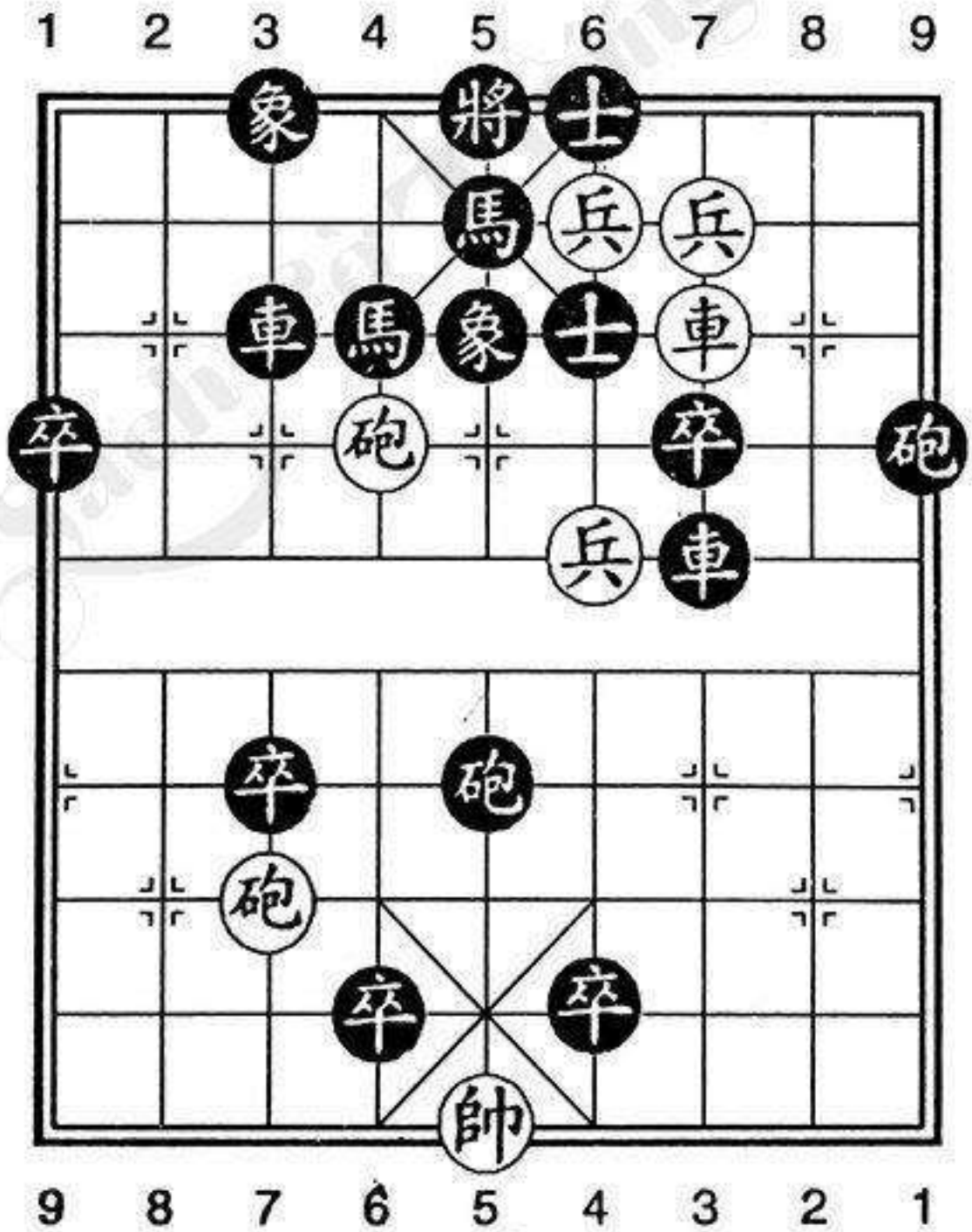

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

Sách Cờ Tướng.Com

1. 兵t.1	將5–6.
2. 兵3–4	將6.1.
3. 車3–4	將6.1.
4. 炮7–4	炮5–6.
5. 兵4–3	炮6–5.
6. 炮6–4	炮5–6.
7. 炮t–1	炮6–5.
8. 兵3–4	炮5–6.
9. 兵4.1	將6/1.
10. 兵4–3	炮6–5.
11. 兵3–4	炮5–6.
12. 兵4–5	炮6–5.
13. 炮1–4	炮5–6.
14. 炮t–9	炮6–5.
15. 兵5–4	炮5–6.
16. 兵4–3	炮6–5.
17. 炮9–4	炮5–6.
18. 炮t–5	炮6–5.
19. 兵3–4	炮5–6.
20. 兵4.1	將6/1.
21. 兵4.1	將6–5.

Sách Cờ Tướng .Com

22. 兵4–5 將5–4.

23. 炮5–6 馬4/5.

24. 炮4–6 卒3–4.

25. 炮t–4 卒s.1.

26. 炮4.3.

Trắng thắng.

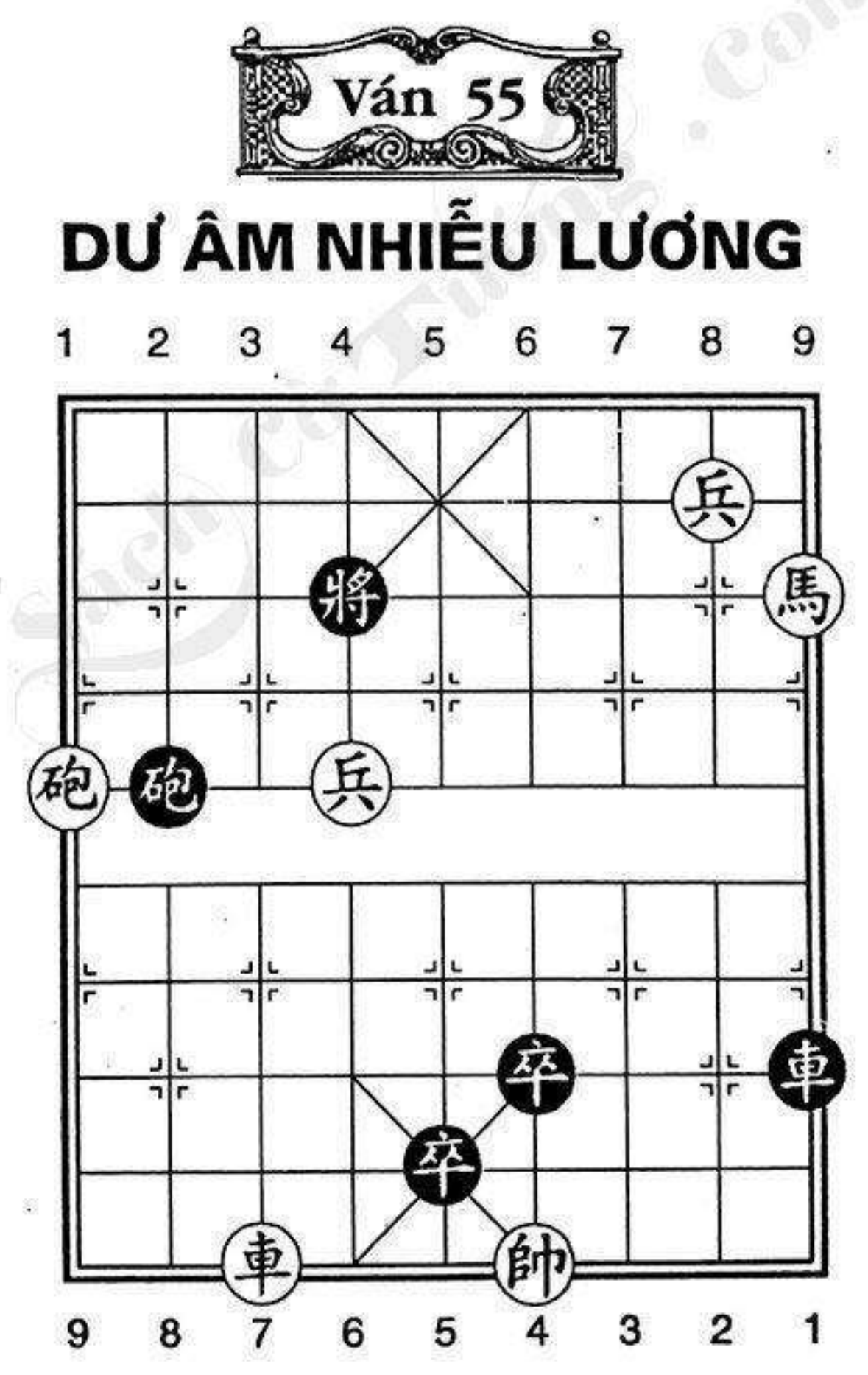

DƯ ÂM NHIỄU LƯƠNG

Sách Cờ Tướng.com

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 兵1.1 將4/1.

Nếu Đen 將4–5, thì 馬1.3, 將5–6, 馬3/2, 將6–5, (將6/1, 兵2–3, 將6–5, 車7.8, 將5/1, 馬2.4, 將5–6, 車7.1, Trắng thắng), 兵6–5, 將5/1, 車7.8, 將5/1, 馬2.4, 將5–6, 車7.1, 將6.1, 兵2–3, 將6.1, (將6–5, 車7/1) 車7/2; Trắng thắng.

2. 車7.8 將4/1.

3. 車7.1 將4.1.

4. 兵6.1 將4–5.

Nếu Đen 將4.1, thì Trắng 車7–6, 將4–5, 馬1.3, 將5/1, 馬3/4, 將5–6, 兵2–3, 將6.1, 車6/2; Trắng thắng.

5. 車7/1 將5/1.

6. 馬1.3 將5–6.

7. 馬3/5 將6–5.

8. 車7.1 將5.1.

9. 兵6.1 將5–4.

10. 馬5.4 將4–5.

11. 馬4/3 將5–4.

12. 馬3/5 將4–5.

13. 馬5.7 將5.1.

Nếu Đen 將5–6, thì Trắng 兵2–3, 將6.1, 炮9.2, 炮2/2, 馬7.6; Trắng thắng.

14. 炮9.2 炮2/2.

Sách Cờ Tướng .Com

15. Ⓜ7/8 ●將5/1.

Nếu Đen:

a) ●炮2.1, thì Ⓒ車7/2, ●將5/1, Ⓜ8.6, ●將5–4, Ⓒ車7–6, ●將4–5, (●將4.1, Ⓜ6.8) Ⓒ車6.2, ●將5.1, Ⓒ車6–5, ●將5–4, Ⓜ6.8; Trắng thắng.

b) ●炮2/1, thì Ⓒ車7/2, ●將5/1, Ⓜ8.6, ●將5–4, Ⓒ車7–6, ●將4–5, Ⓒ車6–3, ●將5–4, Ⓜ6.8, ●將4–5, Ⓒ車3–5, ●將5–6, Ⓒ炮9.1, ●將6/1, Ⓜ8.6, ●將6.1, Ⓒ兵2–3, Trắng thắng.

16. Ⓜ8.6 ●將5–4.

Nếu Đen ●炮2–4, thì Ⓒ車7/1, ●將5/1, Ⓜ6.4, ●將5–6, Ⓒ車7.1, ●炮4/2, (●將6.1, Ⓒ兵2–3, ●將6–5, Ⓒ車7–5), Ⓒ車7–6, ●將6.1, Ⓒ兵2–3, ●將6–5; Trắng thắng.

17. Ⓜ6.8 ●將4–5.

18. Ⓜ8/6 ●將5–4.

19. Ⓜ6.4 ●將4–5.

20. Ⓒ車7/1 ●將5.1.

21. Ⓒ車7/1 ●將5/1.

22. Ⓜ4/6 ●將5–4.

23. Ⓒ車7–6 ●將4–5.

24. Ⓒ車6.2 ●將5.1.

25. Ⓒ車6–5 ●將5–4.

26. Ⓜ6.8.

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .Com

PHÁO HƯỚNG BIÊN THÙY

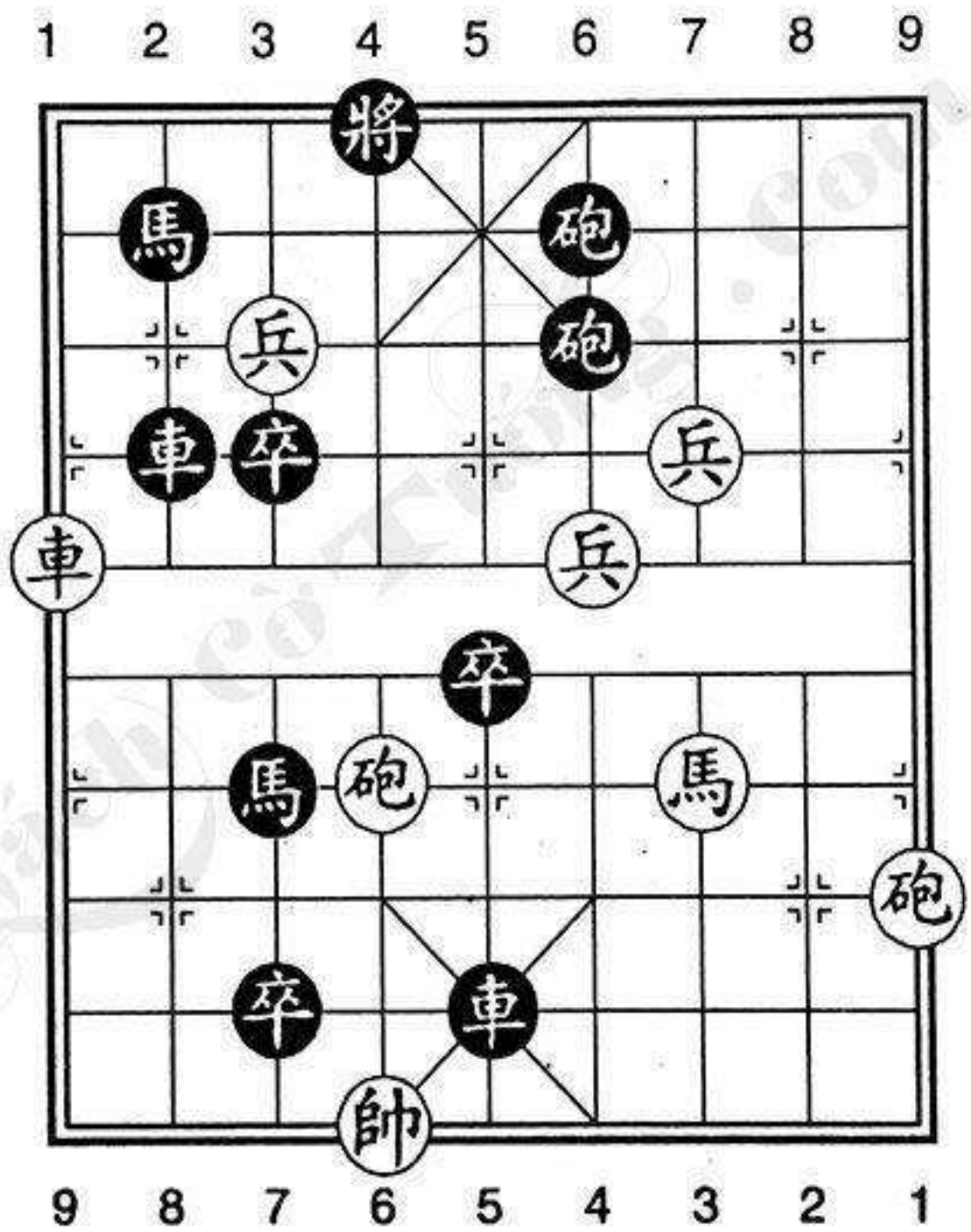

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 兵7–6	將4–5.
2. 車9.4	將5.1.
3. 兵6–5	將5.1.

Sách Cờ Tướng.com

4. 車9–5	炮s–5.
5. 炮1.5	炮6/1.
6. 兵3.1	炮6.1.
7. 兵3–4	將5–6.
8. 兵4.1	將6–5.
9. 兵4–5	將5–6.
10. 兵5.1	將6–5.
11. 馬3.4	將5–4.
12. 馬4.6	馬3/3.
13. 馬6.4	馬3/4.
14. 馬4/5	將4/1.
15. 馬5.6	馬5.4.
16. 馬6.8	馬4/3.
17. 車5–6	馬3/4.
18. 炮1–6	卒5–4.
19. 炮t–9	卒4.1.
20. 炮9.1.	

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng.Com

TÚY NGỌA SA TRƯỜNG

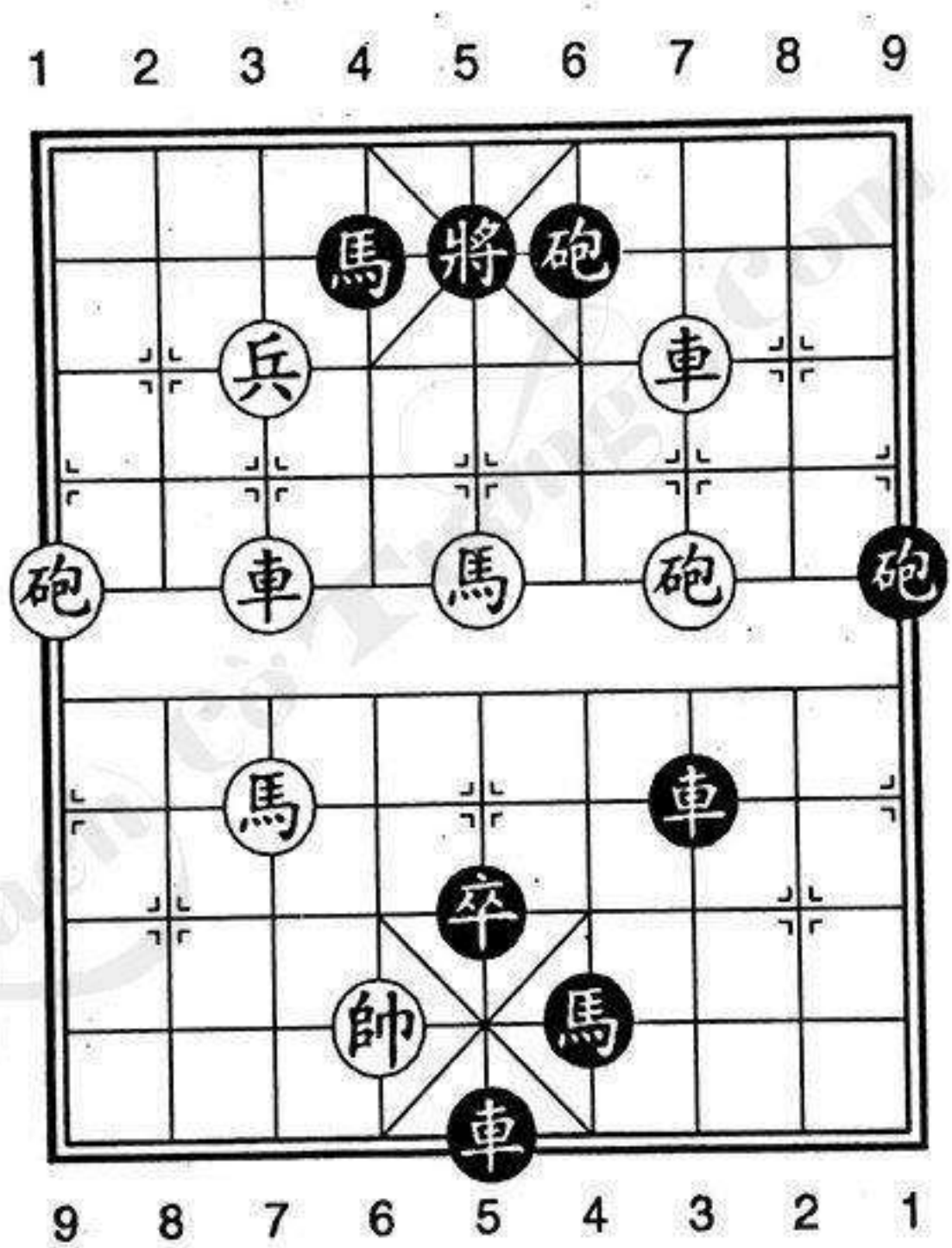

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 車3–5	將5.1.
2. 兵7–6	將5/1.
3. 炮9.3	馬4.2.

SáchCờTướng.com

4. 兵6.1 將5/1.

5. 兵6.1 將5.1.

Nếu Trắng 帥5–6, thì 炮3–4, 炮6–4, 馬5.4, 炮4–6, 炮9.1, 馬2/1, 卒6–5, 帥6–5, 車7.4, 帥5.1, 馬4/6, 帥5–4, (帥5.1 tất nhiên 車7/2 chiếu bí) 炮4–6; Trắng thắng.

6. 車7.3 將5.1.

7. 馬7.6 馬2.4.

8. 馬5.3 炮6.2.

9. 車7/1 將5/1.

10. 馬6.4 馬4/6.

11. 車7.1 將5.1.

12. 馬4/6 將5–4.

13. 馬3.4.

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng.com

PHÁO MÃ LIÊN CÔNG

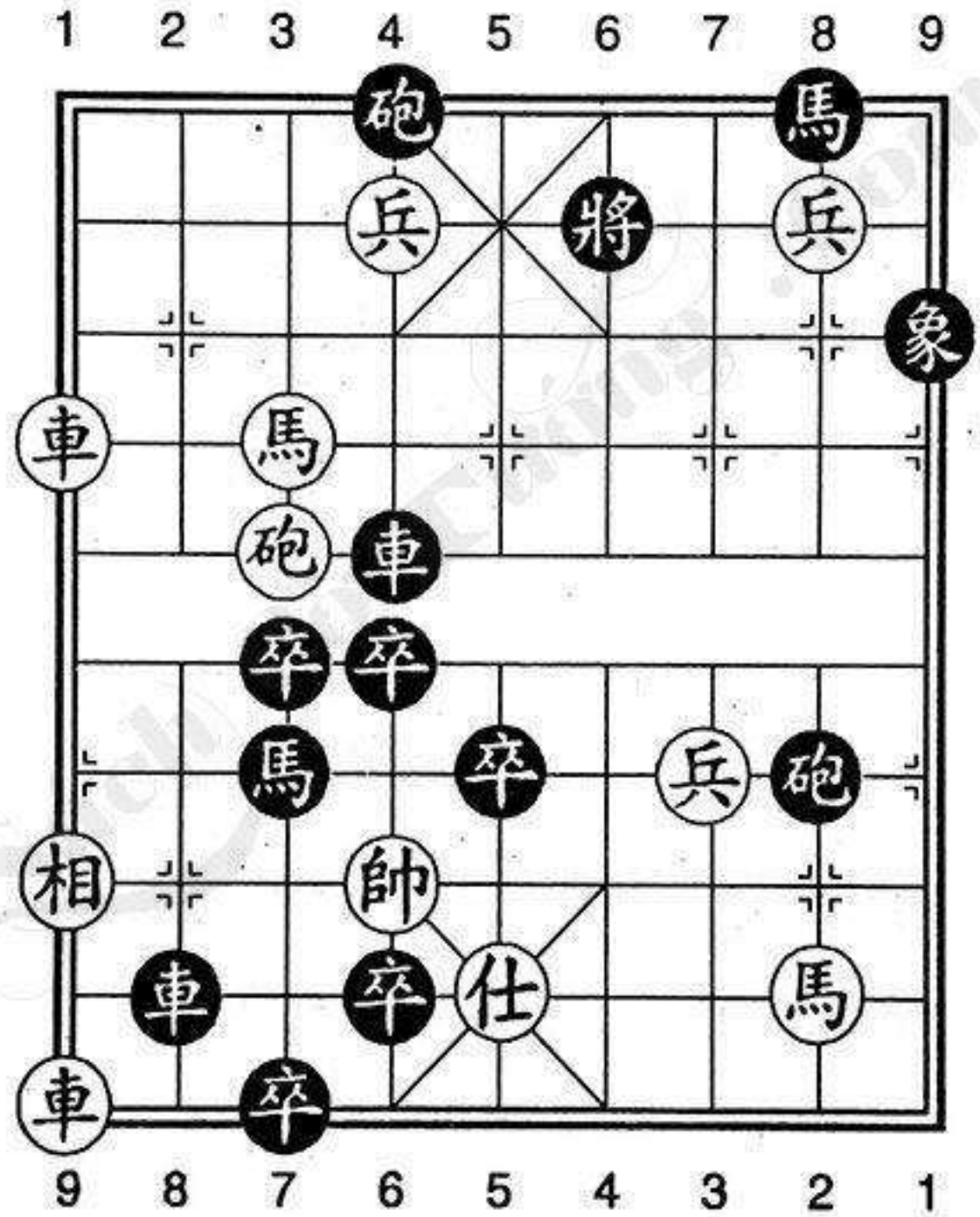

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 兵2–3 將6.1.

Nếu Đen 將6/1, thì 馬7.5, 將6–5, 炮7.4; Trắng thắng.

2. 車t.1 車4/2.

Sách Cờ Tướng .Com

3. Ⓜ7/5	將6–5.
4. Ⓜ5.3	將5–6.
5. Ⓟ7.2	車4.2.
6. Ⓟ7.1	車4/2.
7. Ⓜ3/5	將6–5.
8. Ⓜ5.7	將5–6.
9. Ⓟ7/1	車4.2.
10. Ⓟ7/3	車4/2.
11. Ⓜ7/5	將6–5.
12. Ⓜ5.3	將5–6.
13. Ⓟ7.3	車4.2.
14. Ⓟ7.1	車4/2.
15. Ⓜ3/5	將6–5.
16. Ⓜ5.7	將5–6.
17. Ⓟ7/1	車4.2.
18. Ⓟ7/4	車4/2.
19. Ⓜ7/5	將6–5.
20. Ⓜ5.3	將5–6.
21. Ⓟ7.4	車4.2.
22. Ⓟ7.1	車4/2.

Sách Cờ Tướng.Com

23. Ⓜ3/5	將6–5.
24. Ⓜ5.7	將5–6.
25. Ⓟ7/1	車4.2.
26. Ⓟ7/7	車4/2.
27. Ⓜ7/5	將6–5.
28. Ⓜ5.3	將5–6.
29. Ⓟ7.7	車4.2.
30. Ⓡs–4	卒5–6.
31. Ⓡ4.3	炮8–6.
32. Ⓟ7/7	車4/2.
33. Ⓟ7–4	炮6–5.
34. Ⓜ2.4	炮5–6.
35. Ⓜ4.6	炮6–5.
36. Ⓐ5.4	炮5–6.
37. Ⓜ3/5	將6–5.
38. Ⓟ4–5	卒t–5.
39. Ⓜ5.6	卒5.1.
40. Ⓜ6/8.	

Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng.Com

KỲ CUỘC TRẮC NGHIỆM

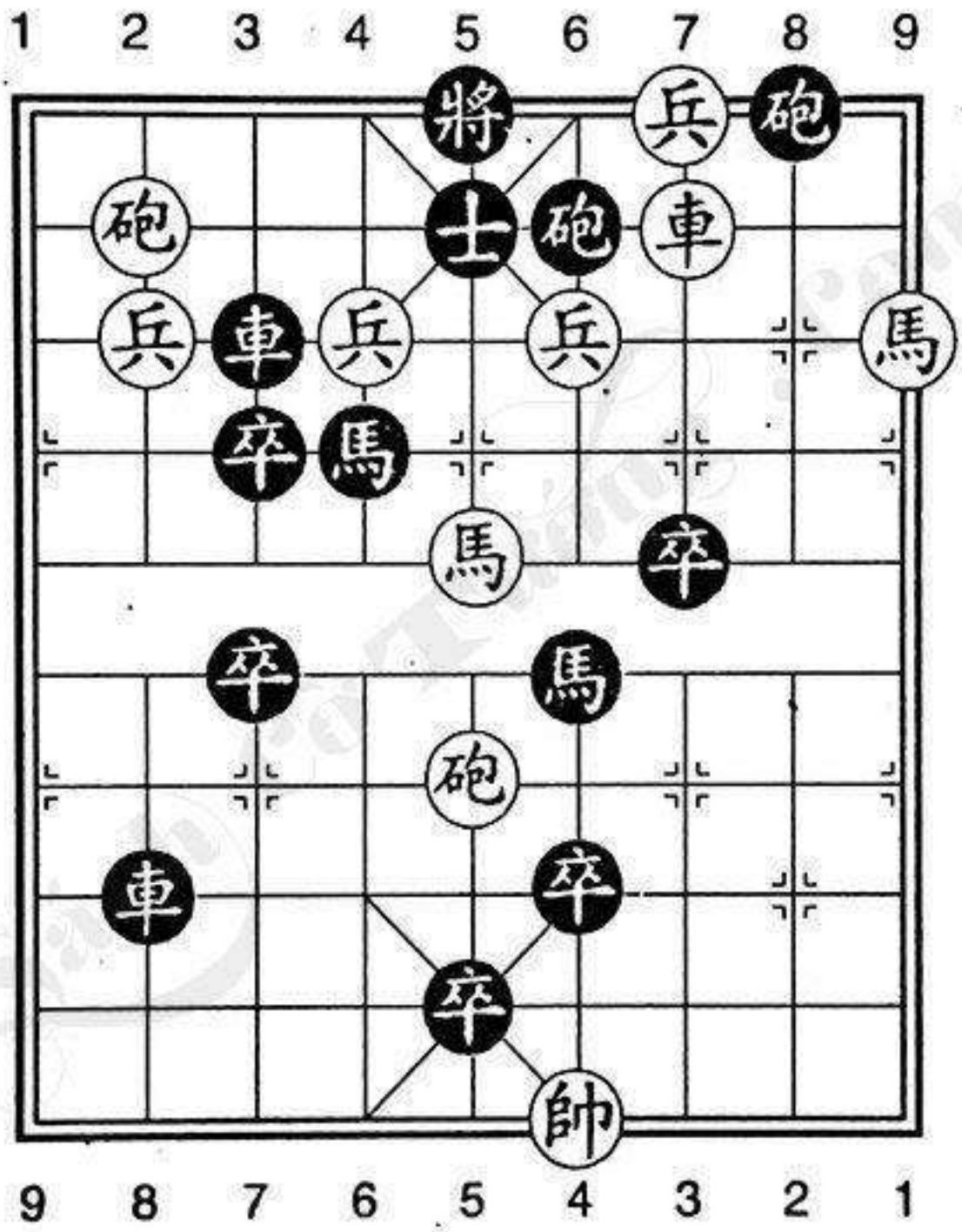

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 兵3–4	將5–4.
2. 兵t–5	將4–5.
3. 車3.1	炮6/1.
4. 車3–4	將5–6.

Sách Cờ Tướng .Com

5. 兵4.1 將6–5.

6. 兵4–5 將5–6.

7. 兵5–4 將6.1.

8. 馬1.2 將6/1.

9. 馬2/3 將6.1.

10. 兵6.1 車3/1.

11. 炮5–4 馬6/7.

Nếu như Đen lại đi 馬6.4, tất nhiên Trắng sẽ đi 馬3.2, 將6/1, 馬5.4, 馬t/6, 馬2/3, 將6.1, 馬4/6, 馬6/5, 兵6–5, 將6.1, 馬3/4; Trắng thắng.

12. 兵6–7 馬4/5.

13. 馬5.6 將6.1.

14. 馬6/4 將6–5.

15. 馬3.4 馬7/6.

16. 馬s/6 將5–4.

17. 兵8–7 馬5.3.

18. 炮4–6 卒3–4.

19. 馬6/8 將4–5.

Nếu Đen 卒4.1 (?) thì Trắng 炮8/1 chiếu bí; Trắng thắng.

20. 馬8.7 將5–6.

21. 馬4/2 Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng .com

LIÊN TIÊU ĐỐI ĐẢ

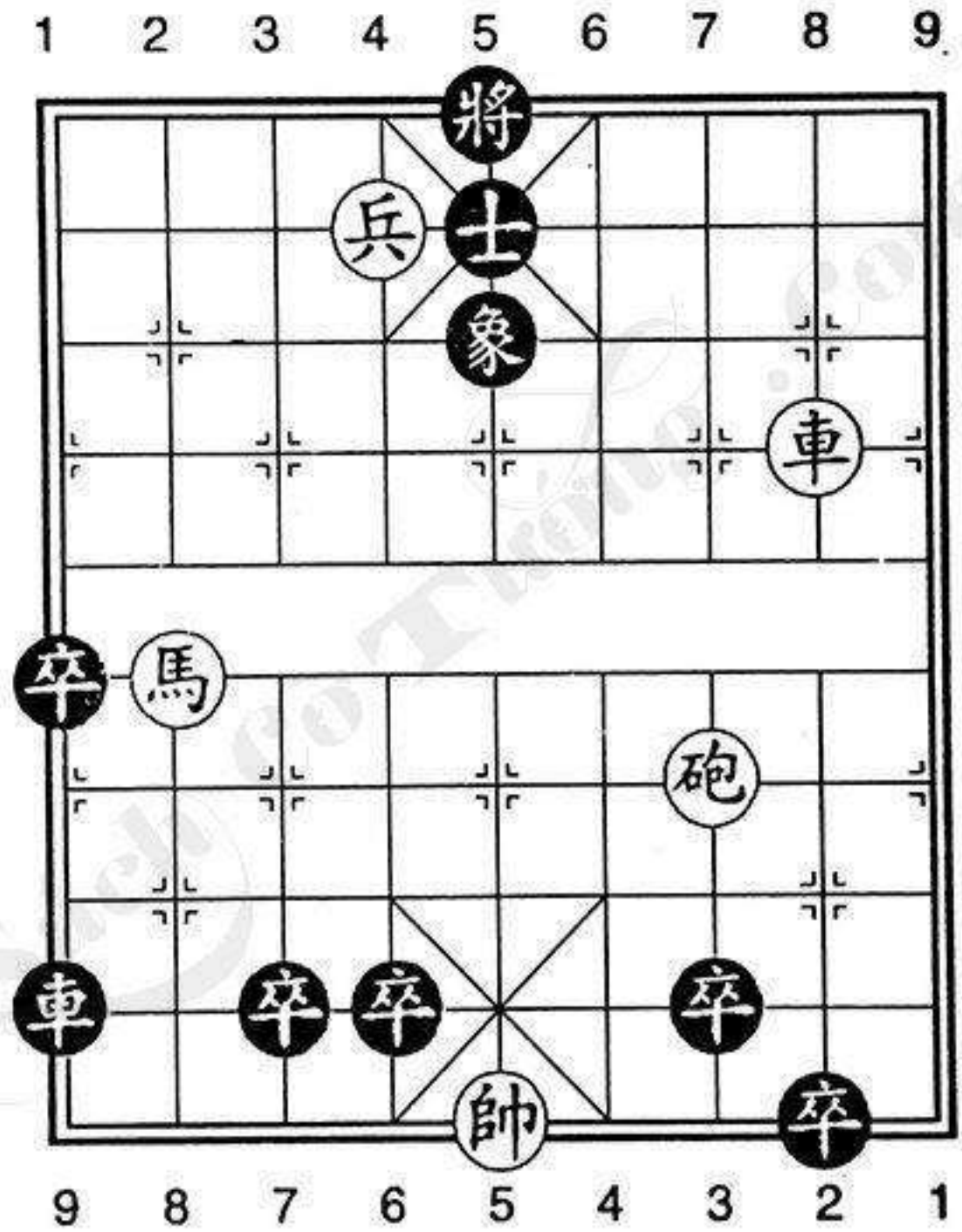

Phá giải: Trắng đi trước – Thắng.

1. 車2.3	士5/6.
2. 炮3.6	士6.5.
3. 炮3/3	士5/6.
4. 兵6.1	將5–4.

Sách Cờ Tướng.Com

5. 車2–4 將4.1.

6. 馬8.7 將4–5.

7. 炮3–5 象5.3.

8. 馬7.5 將5.1.

9. 車4–5 將5–6.

10. 炮5–9.

Lợi dụng nước Xe đang dọa chiếu (hậu) bí, bình Pháo bắt Xe...

10. ..... 將6/1.

11. 車5/1.

Nếu Trắng 車5/4, tất nhiên Đen sẽ 象3/5, 炮9/5, 卒3.1, 車5–4, 將6–5, 炮9–3, 卒3–4, 帥5–4, 卒s–5: Đen thắng.

11. ..... 將6/1.

12. 車5/3 象3/5.

13. 車5.2 將6.1.

14. 車5/3 卒4.1.

15. 帥5.1 卒7–6.

16. 帥5.1.

Đen không có khả năng chống đỡ nước Trắng đi 車5–4, chiếu bí, cuối cùng Trắng thắng.

Sách Cờ Tướng.Com

MỤC LỤC

– Cách ghi chép cờ tướng 5
1. Thất tấn thất xuất 10
2. Bạch Mã ngọa long 12
3. Tầm u thâm vi 14
4. Hòa bình cộng xử 16
5. Kim chung tráo 18
6. Khí Mã sát Sĩ 20
7. Đổi Sĩ chờ đợi 22
8. Mã Song đê Tốt xảo thắng Pháo đơn Sĩ 24
9. Xe Mã công sát Xe Tốt Sĩ Tượng Toàn 25
10. Song Pháo công sát đơn Xe song Sĩ 27
11. Mãnh hổ nan địch 30
12. Hình chữ thân 32
13. Tá Đông phong 34
14. Yếu tái binh biến 37
15. Cẩm thượng thêm hoa 40
16. Nhất thỉ phá đích 43
17. Đường lang đương xa 45
18. Phát huy tiềm lực 48
19. Tiền phó hậu kế 50

Sách Cờ Tướng.Com

20. Bạt vân kiến nhật 53
21. Chiến địa bách linh 55
22. Xe Pháo xảo thắng Xe Tốt Sĩ Tượng toàn 58
23. Xe Mã xảo thắng Xe song Tốt Sĩ Tượng toàn 60
24. Xảo đoạt tiên cơ 63
25. Xe Tốt công sát tam Tốt Sĩ Tượng toàn 65
26. Pháo Mã tranh hùng 67
27. Thất bửu bố thí 69
28. Di lan thông đồ 71
29. Ngọa long điếu tang 73
30. Lạp chúc khinh yên 75
31. Đơn Mã kinh công 77
32. Khai môn kiến sơn 79
33. Xe Pháo tinh xảo diệu dụng 80
34. Tinh binh khổn tướng 83
35. Tận trung báo quốc 85
36. Nguyệt lung kinh sa 87
37. Kiểu thủ vọng giai âm 89
38. Xuân phong giải đông 92
39. Nhuận hoa trứ quả 94
40. Tá Mã xử Pháo 96
41. Khinh ca thiển xứng 99
42. Hổ cứ long bàn 102

Sách Cờ Tướng .Com

43. Thạch kích thâm đàm 104
44. Mừng ngày quốc khánh 106
45. Xe Mã diệu dụng công sát 108
46. Thiên Mã hành không 111
47. Điệu hổ ly sơn 113
48. Trung lộ tranh đấu 115
49. Song Xe diệu xảo công sát song Xe Sĩ Tượng toàn 119
50. Xảo phế song xe 121
51. Nhị binh thủ môn 124
52. Lư khâu sự phát 126
53. Nhất giang thanh lưu 128
54. Tơ tơ nhập khấu 130
55. Dư âm nhiễu lương 132
56. Pháo hướng biên thùy 135
57. Túy ngọa sa trường 137
58. Pháo Mã liên công 139
59. Kỳ cuộc trắc nghiệm 142
60. Liên tiếu đới đả 144

Sách Cờ Tướng .Com